

Số: /BC-PVCTB

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động SXKD năm 2024, kế hoạch nhiệm vụ 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB);

Căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty PVC-TB;

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024

I. Đặc điểm tình hình

Năm 2024, tập thể lãnh đạo Công ty PVC-TB đã tập trung đàm phán, thống nhất với Ngân hàng PVcomBank về phương án xử lý nợ khả thi, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho đơn vị, chỉ đạo việc chào giá cạnh tranh, ký kết hợp đồng và triển khai thi công hạng mục Kết cấu thép Kho than số 3 tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đúng tiến độ, an toàn, chất lượng được Tập đoàn/Ban QLDA/Tổng thầu PetroCons ghi nhận, đồng thời đơn vị đã hoàn thiện các thủ tục quyết toán dự án hoàn thành Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình, tích cực mở rộng các ngành nghề kinh doanh mới bao gồm: dầu mỡ nhờn, cung cấp vật liệu xây dựng (xi măng, tro bay,...), thiết bị Phòng cháy chữa cháy, tour du lịch lữ hành, dịch vụ vệ sinh công nghiệp,... nhằm tạo tiền đề cho hoạt động SXKD các năm tiếp theo. Đối với Khách sạn Dầu khí Thái Bình, PVC-TB đã tiến hành sắp xếp lại bộ máy nhân sự, tăng cường các chính sách khuyến mãi, cạnh tranh với các Khách sạn, Nhà hàng tại địa phương, tuy nhiên lợi nhuận gộp của Khách sạn vẫn âm, Khách sạn hoạt động không mang lại hiệu quả, cần có phương án tái cơ cấu phù hợp, tránh tiếp tục gây lỗ cho đơn vị và Tổng công ty PetroCons các năm tiếp theo.

II. Đánh giá tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2024

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

Bảng 01: Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty

DVT: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ % hoàn thành	
			Kế hoạch	Thực hiện	Năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023
A	B	I	2	3	4=(3/2)	5=(3/1)
1	Giá trị SXKD	50,21	130	143,25	110,2%	285,3%
2	Tổng doanh thu	51,15	141	145,78	103,4%	285,0%
3	Lợi nhuận	-34,41		-37,61		
4	Phải nộp NSNN	7,51	17,92	17,84	99,5%	237,5%

(Chi tiết đính kèm)

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Về chỉ tiêu giá trị SXKD và doanh thu: Năm 2024 giá trị sản lượng của PVC-TB đạt tỷ lệ 110,2%, doanh thu đạt 103,4%;

- Về chỉ tiêu lợi nhuận: Mặc dù năm 2024, doanh thu của đơn vị đã thực hiện vượt kế hoạch được giao và cao hơn cùng kỳ năm 2023 (51,15 tỷ đồng) nhưng dự kiến năm 2024, PVC-TB vẫn lỗ **37,61 tỷ đồng** cao hơn cùng kỳ năm 2023 (-34,41 tỷ đồng) do một số nguyên nhân chính sau:

+ Hoàn nhập trích lập dự phòng: Năm 2024 chỉ đạt : 3,11 tỷ đồng (Năm 2023 hoàn nhập được: 10,22 tỷ đồng).

+ Lợi nhuận từ các hoạt động SXKD của đơn vị không bù đắp được các chi phí khấu hao, chi phí lãi vay và lãi phạt, cụ thể:

✓ Từ Công ty: Tổng lỗ từ hoạt động của Công ty (không bao gồm hoạt động kinh doanh Khách sạn) là: - 3,62 tỷ đồng. Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của đơn vị 5,94 tỷ đồng: Trong đó: Lợi nhuận xây lắp: 1,98 tỷ đồng; Lợi nhuận hoạt động thương mại là 0,2 tỷ đồng; Lợi nhuận cho thuê văn phòng là 2,27 tỷ đồng; Lợi nhuận cung cấp dịch vụ công nghiệp là 0,47 tỷ đồng; Lợi nhuận từ dịch vụ tour du lịch, phòng vé, tài chính, khác 1,05 tỷ đồng; Chi phí quản lý: Chi phí quản lý của Công ty là 9,298 tỷ đồng; Khấu hao trạm trộn bê tông làm lợi nhuận lỗ 0,82 tỷ đồng; Chi phí lãi vay, lãi phạt 3,02 tỷ đồng; Chi phí khác : 0,1 tỷ đồng.

✓ Từ Chi nhánh Khách sạn: Lợi nhuận không bao gồm khấu hao và lãi vay âm 2,044 tỷ đồng. Tổng lỗ năm 2024 của Khách sạn 33,99 tỷ đồng, bao gồm (chi phí lãi vay 12,65 tỷ đồng; chi phí lãi phạt 11,16 tỷ đồng; chi phí khấu hao 8,13 tỷ đồng).

- Về chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước: Thực hiện 17,84 tỷ đồng đạt 99,5% kế hoạch năm và bằng 237,5% so với thực hiện năm 2023.

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2024

3.1. Về công tác sản xuất kinh doanh.

+ Công tác xây lắp:

- Đối với công tác thi công xây dựng (Hợp đồng số 52/2014): PVC-TB đã bàn giao đưa vào sử dụng toàn bộ phần xây dựng, kết cấu thép Kho than số 2 và phần xây dựng Kho than số 3 cho Tổng thầu/BĐH Dự án NMNĐ Thái Bình 2. Trong

năm 2024, PVC-TB đã nghiệm thu xuất hoá đơn các mốc thanh toán với giá trị trước thuế là: 16,15 tỷ đồng.

- **Đối với công tác thi công kết cấu thép Kho than số 3 (Hợp đồng số 02/2024):** PVC-TB đã thi công hoàn thành toàn bộ phần lắp đặt Kết cấu thép Kho than số 3, vượt tiến độ khoảng 02 tháng so với tiến độ Hợp đồng đã ký. Về công tác nghiệm thu thanh toán, PVC-TB đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra với sản lượng 100,51/84,06 tỷ đồng đạt 119,57% kế hoạch được giao; Doanh thu 90,01/79,2 tỷ đồng đạt 114% kế hoạch được giao.
- + **Kinh doanh dịch vụ khách sạn:** Năm 2024, PVC-TB tiếp tục tiến hành công tác sắp xếp lại công tác tổ chức, nhân sự theo hướng tinh gọn, điều chỉnh chính sách giá và cơ chế khuyến mãi, thay đổi đội ngũ đầu bếp và nhân viên, chỉnh tác phong phục vụ của Nhà hàng, sửa chữa, nâng cấp một số hệ thống thiết bị của Khách sạn, tăng tính cạnh tranh thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ tại Khách sạn, đồng thời Công ty tăng cường nhiều giải pháp hỗ trợ Khách sạn về cơ chế, dòng tiền, hạch toán chi phí, tuy nhiên hoạt động SXKD của Chi nhánh Khách sạn Dầu khí Thái Bình vẫn chưa đạt hiệu quả so kế hoạch được giao (*sản lượng đạt 21,1/26,63 tương ứng 79% kế hoạch được giao và 99% so với năm 2023, doanh thu đạt 19,54/24,21 tỷ đồng tương ứng 81% kế hoạch được giao và 99% so với năm 2023*), lợi nhuận chưa bao gồm khấu hao và lãi vay của Khách sạn vẫn tiếp tục âm, doanh thu không đủ bù đắp được chi phí, dẫn đến Khách sạn tiếp tục lỗ, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD chung của Công ty và của Tổng công ty PetroCons.
- + **Công tác kinh doanh thương mại, phòng vé, tour du lịch, cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp tại Nhà máy NĐTĐ2:**
 - Kinh doanh dầu mỡ nhờn: PVC-TB đã ký hợp đồng với Nhà máy Xi măng Hạ Long về việc cung cấp dầu mỡ nhờn với giá trị 0,435 tỷ đồng. Đơn vị đã hợp tác với các Nhà cung cấp có kinh nghiệm trên thị trường như: Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex, Công ty CP Hóa dầu và Thiết bị công nghiệp Hà Nội (HAPI),...để tiếp thị đấu thầu, hợp tác lâu dài tham gia chào giá các gói thầu liên quan.
 - Kinh doanh xi măng: Trong năm 2024, PVC-TB đã cung cấp xi măng cho Thị trường Quảng Ngãi 6.936,52 tấn, doanh thu đạt 8,43 tỷ đồng và cung cấp xi măng cho Trạm trộn bê tông VINA17 tại Khu công nghiệp Liên Hà Thái 2.441 tấn, doanh thu 2,369 tỷ đồng. Đây là lĩnh vực kinh doanh mới, tiềm năng, tuy nhiên yêu cầu đảm bảo nguồn tài chính ổn định để quay vòng, năm 2024 PVC-TB tập trung toàn bộ nguồn lực thi công hạng mục Kho than số 3 nên đơn vị đã tạm dừng việc cung cấp xi măng kể từ tháng 8/2024.
 - Kinh doanh tro bay: PVC-TB đã cung cấp tổng 591,24 tấn tro bay của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cho các đối tác.
 - Kinh doanh tour du lịch Lữ hành, phòng vé máy bay: PVC-TB đã mở rộng mảng dịch vụ tour du lịch lữ hành và phòng vé máy bay, trong năm 2024 doanh thu của Phòng vé máy bay đạt 0,342 tỷ đồng, doanh thu từ các Tour du lịch lữ hành đơn vị đã tổ chức (bao gồm: Chuỗi sự kiện của Công đoàn Ngành Dầu khí vào tháng 7/2024, 03 Tour Về nguồn Dầu khí của Công đoàn Vietsovetro/các Xí nghiệp trực

thuộc, Chương trình Team Building của Tổng công ty PetroCons tại Hạ Long...) đạt 2,034 tỷ đồng (Trong đó: doanh thu của Công ty đạt 0,9 tỷ đồng; các dịch vụ tại CN Khách sạn Dầu khí TB đạt 1,134 tỷ đồng).

- Cung dịch vụ vệ sinh Công nghiệp tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 trong năm 2024: PVC-TB hiện đang làm thầu phụ cho Công ty MK thực hiện dịch vụ vệ sinh công nghiệp, doanh thu trong năm 2024 đạt 3,162 tỷ đồng.

3.2. Công tác đấu thầu:

Năm 2024, đơn vị đã làm hồ sơ tham gia dự thầu 06 gói thầu, kết quả trúng thầu 04 gói, không trúng 02 gói, đạt tỷ lệ trúng thầu 67%, cụ thể như sau:

- Các gói trúng thầu: (i) Gói thầu thi công Hạng mục Kết cấu thép kho than số 3 – Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 (Đã ký Hợp đồng với Tổng thầu PetroCons, (ii) Gói thầu cung dầu mỡ nhờn cho Nhà máy Xi măng Hạ Long, (iii) Gói thầu cung cấp dịch vụ lưu trú, bố trí hậu cần cho công nhân NMNĐ Thái Bình 2 (PVC-TB đã liên danh với An Phát cùng tham dự và trúng thầu với giá dự thầu là 5,184 tỷ đồng), (iv) ký kết Hợp đồng thầu phụ một phần công việc của gói thầu “Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2” với giá trị 3,4 tỷ đồng với Công ty MK.
- Các gói không trúng thầu: (i) Gói thầu cung cấp thạch cao nhiệt điện phục vụ sản xuất năm 2024 với khối lượng khoảng 26.000 tấn cho Nhà máy Xi măng Hạ Long (giá chào xếp vị trí thứ 3), (ii) Gói thầu cải tạo sửa chữa khu nhà ở Ban Quản lý dự án với giá trị dự toán 5,4 tỷ đồng (PVC-TB đã giảm giá 15% giá trị dự toán nhưng giá chào của đơn vị hiện xếp thứ 5/10 nhà thầu tham gia).
- Trong năm 2024, PVC-TB đã đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu, trong đó tập trung toàn diện vào các gói thầu dịch vụ kỹ thuật, cung cấp vật tư tiêu hao, thi công xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa phục vụ vận hành của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, dự kiến PVC-TB sẽ nghiên cứu, tham gia tiếp thị, đấu thầu các gói thầu sau đây: (i) dịch vụ lưu trú cho CBCNV vận hành, (ii) cung cấp suất ăn công nghiệp, (iii) cung cấp bộ gia nhiệt, (iv) vệ sinh bao hơi, APH, GGH, thiết bị trao đổi nhiệt, (v) cung cấp bi nghiền đá vôi, (vi) thi công xây lắp: sàn thao tác, kho vật tư, nhà kho workshop, sửa chữa mái silo tro bay,...

3.3. Công tác thu hồi công nợ:

- Đối với khoản công nợ của Mekong: Năm 2024, đơn vị đã thu hồi được 3,1/5,2 tỷ đồng. Công nợ còn lại, đơn vị tiếp tục gửi công văn đôn đốc thu hồi.
- Đối với khoản nợ 16 tỷ của IMICO: PVC-TB đang xem xét triển khai thủ tục khởi kiện ra Tòa án để thu hồi nợ quá hạn.
- Đối với khoản nợ của Công ty TNHH Hợp Thành: Năm 2024, đơn vị thu hồi được 2,2 tỷ đồng (tháng 8/2024 không trả theo cam kết). Để đẩy nhanh việc thu hồi khoản công nợ này, PVC-TB vẫn tiếp tục gửi công văn đề nghị Hợp Thành tăng mức cam kết thanh toán lên 0,5 tỷ đồng/ tháng.

3.5. Tình hình công nợ với PVcomBank:

- Tính đến ngày 31/12/2024 nợ gốc của PVC-TB tại Ngân hàng PVcomBank là 110,062 tỷ đồng, lãi vay trong hạn 50,89 tỷ đồng, lãi trên gốc quá hạn 29,0 tỷ đồng, lãi phạt trên gốc và lãi quá hạn là 43,56 tỷ đồng
- PVC-TB đã làm việc trực tiếp với PVcomBank nhằm đàm phán, thống nhất phương án xử lý tài sản để khấu trừ nợ đảm bảo giảm thiểu nhất thiệt hại và hoàn nhập các khoản lãi phạt quá hạn đã trích trước của đơn vị, cụ thể:
 - + Tại buổi làm việc ngày 05/10/2024, PVC-TB và Ngân hàng PVComBank đã thống nhất một số nội dung như: (i) PVcomBank ghi nhận và báo cáo phương án xử lý nợ với các cấp có thẩm quyền và sẽ thông báo kết quả cho PVC-TB tại phiên họp tiếp theo. (ii) PVcomBank sẽ tiến hành đánh giá lại hiện trạng tài sản và định giá lại giá trị tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình bao gồm cả phần xây dựng và tài sản, công cụ dụng cụ, thiết bị hiện có của tổ hợp và PVC-TB có trách nhiệm cung cấp đầy đủ Bảng tổng hợp các tài sản, công cụ dụng cụ, thiết bị hiện có của tổ hợp Khách sạn cho PVcomBank để làm cơ sở định giá lại TS.
 - + Ngày 04/12/2024, PVC-TB và Ngân hàng PVComBank đã tiếp tục làm việc trao đổi thống nhất một số nội dung như sau: (i) PVcomBank ghi nhận và sẽ báo cáo các cấp có thẩm quyền về các ý kiến của PVC-TB về: Phương án định giá tài sản đảm bảo đủ 03 nghĩa vụ nợ của PVC-TB với PVcomBank, PetroCons và PVEP; miễn toàn bộ các khoản lãi phạt trên gốc quá hạn, lãi phạt trên lãi quá hạn cho PVC-TB; PVcomBank chấp thuận tiếp nhận lại bộ máy nhân sự hiện tại của PVC Thái Bình tại Khách sạn Dầu khí Thái Bình để đảm bảo quyền lợi của người lao động sau khi xử lý nợ quá hạn...(ii) PVC-TB sẽ tiến hành cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ (bao gồm cả phần xây dựng toà nhà và giá trị đầu tư các hệ thống kỹ thuật, công cụ dụng cụ sẽ chuyển giao nguyên trạng cho PVcomBank) cho PVcomBank để tiến hành các thủ tục định giá.
 - + Để chuẩn bị cho công tác hoà giải tại Toà giữa PVC-TB và PVcomBank, ngày 21/01/2025, đại diện Toà án TP Thái Bình đã có buổi làm việc xem xét và thẩm định tại chỗ hiện trạng tài sản thế chấp là Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình.
 - + Tháng 3/2025 kết hợp với đơn vị thẩm định giá kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ của Toà nhà KSDKTB và cung cấp các hồ sơ liên quan, giải thích những yêu cầu mà bên thẩm định giá đưa ra. Khi có kết quả của bên thẩm định giá mới thực hiện việc hoà giải tại toà.

3.6. Công tác quản lý vật tư, MMTB, CCDC:

- Năm 2024, PVC-TB đã tiến hành thanh lý theo đúng quy định khoảng 15 tấn CCDC của Ban Chỉ huy Công trường dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã bị hư hỏng, mất phẩm chất, hết giá trị khấu hao theo sổ sách kế toán và Ban chỉ huy công trường không có nhu cầu tái sử dụng. Khoản tiền thu hồi được từ việc thanh lý này đã được hoàn nhập bổ sung vào nguồn vốn SXKD của đơn vị.
- Hoàn thành việc bán thanh lý 02 chiếc xe ô tô Văn phòng của PVC-TB theo đúng quy định.

3.7. Công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội, khoa học công nghệ, hoạt động tổ chức đoàn thể:

- Tình hình thực hiện lao động năm 2024:
- + Tổng số lao động đến cuối kỳ 31/12/2023: 114 người.
- + Tổng số lao động cuối kỳ đến 31/12/2024: 101 người.
- Công tác tổ chức bộ máy, sử dụng lao động trong năm 2024 của PVC-TB tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các Quy chế, quy định của Tổng công ty và đơn vị, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Đơn vị đã cố gắng cân đối tài chính để trả lương kịp thời, không để xảy ra tình trạng nợ lương người lao động.
- Tính đến thời điểm 31/12/2024 công nợ với BHXH tỉnh Thái Bình số tiền 2,646 tỷ đồng; đến thời điểm hiện tại 31/03/2025 công nợ với BHXH Tỉnh Thái Bình số tiền 1,015 tỷ đồng.
- Về hoạt động tổ chức đoàn thể: Đơn vị luôn quan tâm, tạo điều kiện và tham gia, tổ chức các hoạt động đoàn thể đảm bảo đúng quy định. Tích cực tham gia các đợt phát động thi đua trên công trường dự án NMNĐ Thái Bình 2: Tham gia Hội thao do Công đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức tại Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2, Tham gia hội thao do công đoàn Dầu khí Việt Nam tổ chức PVC-TB đã tham gia cùng Đoàn TCT Petrocons. Bên cạnh đó các hoạt động tình nghĩa như: thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỷ, từ thiện...được Công đoàn quan tâm kịp thời, chu đáo.

PHẦN II KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

PVC-TB đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 của đơn vị như sau:

Bảng 02: Kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2025	Trong đó			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	47,39	21,77	5,47	10,08	10,08
2	Tổng doanh thu	51,65	20,02	13,09	9,28	9,28
3	Lợi nhuận	-23,24	-18,78	-1,31	-1,57	-1,57
4	Các khoản phải nộp NSNN	7,13	2,35	1,8	1,49	1,49

I. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

1. Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành, hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2025 được giao
2. Hoàn thành dứt điểm công tác xử lý nợ và các thủ tục liên quan với Ngân hàng PVcomBank trong Quý II/2025.
3. Tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2: (i) Hoàn thành công tác thi công và hoàn thiện toàn bộ công tác ký kết hồ sơ chất lượng, nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn đối với hạng

mục kết cấu thép Kho than số 3 trong Quý II/2025; (ii) Tập trung hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thu hồi vốn đối với hạng mục Kho than số 2 theo Hợp đồng 52/2014.

4. Thực hiện tái cơ cấu PVC-TB phù hợp định hướng hoạt động của đơn vị theo hướng gọn nhẹ, nâng cao hiệu quả hoạt động, đặc biệt xây dựng kế hoạch, triển khai phương án cụ thể sau khi hoàn thành bàn giao tài sản là Khách sạn Dầu khí Thái Bình cho PVcomBank; Tăng cường đào tạo cán bộ Lãnh đạo/cán bộ quản lý và nhân viên phù hợp với chiến lược của đơn vị thời kỳ mới.
5. Phê duyệt quyết toán và có phương án khai thác/thanh lý các thiết bị đã hư hỏng, thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư của đơn vị tại 02 Trạm trộn bê tông;
6. Giải quyết, xử lý dứt điểm các tồn tại liên quan đến việc chuyển giao khu đất dự án Khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí 7,6ha để thu hồi vốn đầu tư còn lại của PVC-TB tại dự án.
7. Quyết liệt trong công tác thu hồi/ xử lý các khoản công nợ quá hạn để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn nhập các chi phí dự phòng đã trích lập, giảm lỗ tối đa cho PVC-TB trong năm 2025.
8. Tiếp tục phát triển, mở rộng mạng kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị công nghiệp, vệ sinh công nghiệp, mở rộng tour du lịch lữ hành, phòng vé máy bay,...
9. Hoàn thiện các thủ tục để cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho PVC-TB trong Quý II/2025 nhằm củng cố hồ sơ năng lực trong lĩnh vực xây lắp để phục vụ công tác tiếp thị đấu thầu của PVC-TB.
10. Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu, mở rộng tiếp thị tìm kiếm nguồn công việc xây lắp mới trong và ngoài ngành Dầu khí; trọng tâm là các mảng thi công kết cấu thép, cung cấp thiết bị công nghiệp và bảo dưỡng sửa chữa cho các Nhà máy Nhiệt điện/Lọc hóa dầu,....
11. Rà soát, phân tích, đánh giá mức độ cần thiết, nhu cầu, đảm bảo hiệu quả trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư trang thiết bị/tài sản năm 2025, trình trình các cấp có thẩm quyền chấp thuận trước khi triển khai thực hiện. Việc đầu tư đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh, phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD và tình hình tài chính của đơn vị;
12. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, giám sát tài chính đảm bảo sử dụng nguồn tiền đúng mục đích, hiệu quả. Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
13. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế, quy định nội bộ của đơn vị;

II. Giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2025:

- Đối với việc đàm phán với Ngân hàng PVcomBank: cần tích cực trao đổi, đề xuất với các Bên liên quan để tháo gỡ vướng mắc, tiến tới việc ký kết Biên bản hòa giải thành tại Tòa án và triển khai sớm việc định giá tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình và các thủ tục để Ngân hàng PVcomBank thu hồi tài sản đảm bảo để cân trừ nợ.

- Đối với Hợp đồng số 52/2014: cần tập trung việc giải trình nguyên nhân chậm tiến độ, giải trình các đơn giá để thống nhất Giá trị nghiệm thu, thanh toán và hoàn thiện Hồ sơ quyết toán, thu hồi vốn cho đơn vị.
- Đối với Hợp đồng 02/2024: Đẩy nhanh công tác hoàn thiện hồ sơ chất lượng, khối lượng, nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn muộn nhất trong tháng 4/2025.
- Đối với hoạt động của Chi nhánh Khách sạn Dầu khí Thái Bình: Xây dựng và áp dụng chế độ quản lý đặc biệt nhằm kiểm soát chi phí, phân bổ dòng tiền phù hợp với hoạt động kinh doanh. Giao thành viên HĐQT hoặc Ban Giám đốc trực tiếp phụ trách để kiểm tra giám sát hàng tuần/tháng nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được tối ưu, cân đối nguồn thu chi, tránh lỗ cho đơn vị.
- Đối với công tác tiếp thị đấu thầu: cần tập trung hoàn thiện thủ tục cấp Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cấp I cho PVC-TB, củng cố hồ sơ năng lực trong lĩnh vực xây lắp đặc biệt lĩnh vực thi công kết cấu thép; Tăng cường công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ tiếp thị đấu thầu có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm; tìm kiếm phương án liên danh liên kết với các đơn vị có năng lực trong và ngoài ngành Dầu khí, chủ động tìm kiếm nguồn công việc xây lắp mới.
- Đối với công tác kiểm soát chi phí: Tổ chức kiểm điểm, phân tích, tìm hiểu chính xác các nguyên nhân gây lỗ của các năm trước, từ đó rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch chi phí đảm bảo tiêu chí phù hợp nhất với thực tế sản xuất kinh doanh trong tình hình mới.
- Xây dựng phương án tái cơ cấu hoạt động, ngành nghề SXKD của Công ty, bám sát vào NMNĐ Thái Bình 2 và các vùng lân cận để tiếp thị các hạng mục công việc phù hợp với năng lực của đơn vị bao gồm lĩnh vực xây lắp, lĩnh vực phụ trợ, lưu trú, hậu cần, kinh doanh thương mại,...
- Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự theo hướng tinh gọn phù hợp với quy mô, lĩnh vực SXKD của đơn vị trong tình hình mới nhằm tiết giảm tối đa chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.
- Thực hiện tiết kiệm chi phí SXKD qua quản lý, kiểm tra giám sát chặt chẽ việc quản lý, phân bổ và sử dụng chi phí trong toàn công ty, như chi phí quản lý doanh nghiệp, mua sắm trang thiết bị văn phòng và tài sản cố định, tận dụng tối đa các trang thiết bị hiện có nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

III. Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến hoạt động SXKD năm 2025

- Việc phê duyệt chính thức đơn giá tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 đang được tiến hành, nhưng sẽ kéo dài, phức tạp, dẫn đến PVC-TB chưa thể được quyết toán, thanh toán toàn bộ 100% đơn giá chính thức, tiếp tục nợ đọng vốn tại dự án.
- Việc đàm phán phương án xử lý nợ với Ngân hàng PVcomBank và thủ tục Ngân hàng thu hồi tài sản đảm bảo để cản trừ nợ phức tạp, thông qua việc hòa giải thành giữa các Bên tại Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình và phải đảm bảo giá trị định giá tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình của các Bên liên quan đủ thanh toán các nghĩa vụ nợ trực tiếp của PVC-TB.

- Các đối tác đang nợ quá hạn (IMICO, Mekong, Sông Đà 12,...) đều gặp tình trạng khó khăn về tài chính, mặc dù PVC-TB đã có nhiều biện pháp, liên tục đôn đốc nhưng việc xử lý nợ quá hạn sẽ còn chậm trễ, cần phải xem xét, khởi kiện đòi nợ.
- Mặc dù đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết giảm chi phí, định biên lao động, điều chỉnh lương phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên PVC-TB sẽ tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu xếp nguồn tài chính phục vụ các khoản chi phí cố định, thường xuyên của đơn vị trong năm 2025.
- Sản lượng và hiệu quả mảng kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng phụ thuộc tình hình tài chính của PVC-TB và công tác thu hồi công nợ tại các Trạm trộn bê tông VINA 17, Trạm trộn bê tông Thiên Tân. Về lâu dài để duy trì và phát triển mảng kinh doanh Xi măng cần có nguồn tài chính ổn định khoảng 10-20 tỷ đồng để quay vòng vốn, đồng thời lựa chọn các Chủ đầu tư/Tổng thầu dự án có năng lực tài chính tốt, tránh tối đa nguy cơ nợ đọng vốn kéo dài.

PHẦN III ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và giảm thiểu các tác nhân gây lỗ cho đơn vị trong năm 2025, PVC-TB kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, đồng thời đề nghị cổ đông lớn là Tổng công ty PetroCons hỗ trợ, tạo điều kiện đối với một số nội dung sau:

- Đối với phương án xử lý nợ với Ngân hàng PVcomBank: Đề nghị Tổng công ty PetroCons/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ đàm phán cấp cao với Lãnh đạo Ngân hàng PVcomBank nhằm đẩy nhanh tiến độ thống nhất phương án, lộ trình xử lý tài sản thế chấp và giá trị định giá tài sản thế chấp, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, tiến độ đề ra và mục tiêu giảm thiểu tối đa thiệt hại cho PVC-TB cũng như cổ đông lớn Tổng công ty PetroCons. Trường hợp PVcomBank thực hiện thu hồi tài sản bảo đảm, kính đề nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ định hướng để PVC-TB tiếp tục được thuê lại mặt bằng văn phòng làm trụ sở, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời khai thác, vận hành tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình hiệu quả.
- Đối với công tác tiếp thị đấu thầu: Đề nghị Tổng công ty PetroCons tạo điều kiện để PVC-TB phối hợp cùng Tổ tiếp thị đấu thầu của Tổng công ty trong công tác tiếp thị, tham gia chào giá tại các dự án trong và ngoài ngành Dầu khí như: Dự án Khí – Điện – Đạm Cà Mau, Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Long Sơn, Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Dung Quất, Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1, v.v... Đồng thời, kính đề nghị xem xét giao PVC-TB thực hiện các công việc phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển và năng lực kinh nghiệm của Công ty, bao gồm: (i) Thi công nhà xưởng kết cấu thép; (ii) Lắp đặt kết cấu thép, tôn lợp, thiết bị công nghiệp; (iii) Cung cấp thép tấm, ống thép, xà gồ, tôn lợp, bu lông liên kết, sơn kết cấu, vật tư phụ gia công chế tạo; (iv) Cung cấp dầu mỡ nhờn, vật liệu xây dựng, sơn chống ăn mòn; (v) Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp, dịch vụ phụ trợ sản xuất.

- Về công tác thanh toán bảo lãnh bảo hành và bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Kính đề nghị Tổng công ty/Ban điều hành dự án xem xét, tạo điều kiện thanh toán khoản bảo lãnh bảo hành 3% thuộc Hợp đồng số 52 sau khi PVC-TB hoàn tất giải trình cụ thể về nguyên nhân chậm tiến độ. Đồng thời, đề nghị Tổng công ty PetroCons xem xét, hỗ trợ thực hiện thanh toán khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng trị giá 3.096.895.022 đồng liên quan đến Hợp đồng số 02/2024 đã ký giữa hai bên. Đây là khoản bảo lãnh thuộc nghĩa vụ từ Hợp đồng số 52/2014 mà PVC-TB đã hoàn thành nghĩa vụ và đủ điều kiện được giải tỏa theo Văn bản số 348/XLTK-KTTM ngày 28/03/2025 về việc dừng bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONS-PVCTB/KCTKT3.
- Về công tác đối trừ công nợ tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: Kính đề nghị Tổng công ty PetroCons có ý kiến chính thức với Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2, theo nội dung Công văn số 196/BQLDA-TCKT ngày 12/04/2024, liên quan đến việc giữ lại giá trị thanh toán thuộc Hợp đồng EPC để đối trừ công nợ phát sinh từ Hợp đồng số 0804/2016/HĐ/BĐTB2-PVCTB. Qua đó, đề nghị Ban Quản lý Dự án thực hiện đúng quy định của hợp đồng, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhà thầu PVC-TB và tiến độ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thảo luận và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (b/c);
- Ban GD (e-copy);
- Các Phòng: TCKT, KTKT, TCHC (t/h).
- Lưu VT, KTKT.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoàng Hữu Thành

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025				Ghi chú	
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)		Kế hoạch năm 2025	Trong đó				
						TH/KH năm 2024	So với thực hiện năm 2023		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
A	B	C	I	2	3	4=3/2	5=3/1	6	7	8	9	10	D
I	Chỉ tiêu Sản lượng	Tỷ đồng	50.21	130.00	143.25	110.2%	285.3%	47.39	21.77	5.47	10.08	10.08	
1	Giá trị sản lượng xây lắp:	Tỷ đồng		84.06	101.43			19.42	9.42	-	5.00	5.00	
2	Giá trị sản lượng ngoài xây lắp:	Tỷ đồng		46.52	41.82			27.97	12.35	5.47	5.08	5.08	
	<i>Trong đó: + Kinh doanh dịch vụ thương mại</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>15.12</i>	<i>12.21</i>			<i>20.31</i>	<i>5.08</i>	<i>5.08</i>	<i>5.08</i>	<i>5.08</i>	
	<i>+ Kinh doanh bất động sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>4.77</i>	<i>3.76</i>			<i>0.79</i>	<i>0.79</i>				
	<i>+ Kinh doanh các DV khách sạn</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>26.63</i>	<i>21.10</i>			<i>6.48</i>	<i>6.48</i>				
	<i>+ Kinh doanh khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>			<i>4.76</i>			<i>0.39</i>	<i>-</i>	<i>0.39</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	
II	Các chỉ tiêu tài chính												
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	51.15	141.00	145.78	103.4%	285.0%	51.65	20.02	13.09	9.28	9.28	
	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng		98.57	106.17			25.66	8.57	8.00	4.55	4.55	
	Doanh thu ngoài xây lắp	Tỷ đồng		42.66	39.62			26.00	11.45	5.09	4.73	4.73	
	<i>Trong đó: + Kinh doanh dịch vụ thương mại</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>14.00</i>	<i>11.30</i>			<i>18.80</i>	<i>4.70</i>	<i>4.70</i>	<i>4.70</i>	<i>4.70</i>	
	<i>+ Kinh doanh bất động sản</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>4.33</i>	<i>3.42</i>			<i>0.72</i>	<i>0.72</i>				
	<i>+ Kinh doanh các DV khách sạn</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>24.21</i>	<i>19.54</i>			<i>6.00</i>	<i>6.00</i>				
	<i>+ Kinh doanh khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>0.12</i>	<i>5.36</i>			<i>0.48</i>	<i>0.03</i>	<i>0.39</i>	<i>0.03</i>	<i>0.03</i>	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(34.41)		(37.61)			(23.24)	(18.78)	(1.31)	(1.57)	(1.57)	
3	Nộp ngân sách nhà nước (số phải nộp)	Tỷ đồng	7.51	17.92	17.84	99.5%	237.5%	7.13	2.35	1.80	1.49	1.49	
III	Các chỉ tiêu khác												
1	Lao động và thu nhập:												
1.1	Người quản lý												
1.1.1	- Số người quản lý chuyên trách bình quân	Người	7	5	5	100.8%	76.8%	5	5	5	5	5	
1.1.2	- Số người quản lý không chuyên trách bình quân	Người	3	5	5	93.3%	155.6%	5	5	5	5	5	
1.1.3	- Thu nhập bình quân của người quản lý chuyên trách	Trđ/ng/tháng	15.97	17.17	17.61	102.5%	110.3%	17.67	17.67	17.67	17.67	17.67	
1.1.4	- Thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của người quản lý không chuyên trách	Trđ/ng/tháng	1.33	2.13	2.26	105.9%	169.2%	2.3	2.3	2.3	2.3	2.3	
1.1.5	- Quỹ lương người quản lý chuyên trách	Tỷ đồng	1.34	1.10	1.14	103.3%	84.7%	1.060	0.265	0.265	0.265	0.265	
1.1.6	- Quỹ thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của người quản lý không chuyên trách	Tỷ đồng	0.048	0.128	0.13	98.8%	263.2%	0.138	0.0345	0.0345	0.0345	0.0345	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Năm 2024				Kế hoạch năm 2025				Ghi chú	
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)		Kế hoạch năm 2025	Trong đó				
						TH/KH năm 2024	So với thực hiện năm 2023		Quý I	Quý II	Quý III		Quý IV
A	B	C	I	2	3	4=3/2	5=3/1	6	7	8	9	10	D
1.1.7	- Tổng quỹ lương, thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm của người quản lý	Tỷ đồng	1.39	1.23	1.26	102.9%	90.8%	1.198	0.2995	0.2995	0.2995	0.2995	
1.2	Người lao động												
1.2.1	- Số lao động đầu kỳ	Người	122	113	104	91.6%	84.8%	37	37	32	32	32	
1.2.2	- Số lao động cuối kỳ	Người	114	113	101	89.4%	88.6%	32	37	32	32	32	
1.2.3	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	118	113	102	89.9%	86.3%	33	37	32	32	32	
1.2.4	- Tiền lương bình quân người lao động	Trđ/ng/tháng	6.61	7.61	7.35	96.6%	111.2%	9.036	9.77	8.75	8.75	8.75	
1.2.5	- Quỹ lương người lao động	Tỷ đồng	9.34	10.32	8.96	86.9%	96.0%	3.58	1.08	0.84	0.84	0.84	
2	Thực hiện đào tạo (chi tiết tại BM 04)	Lượt người	5	13	47	361.5%	940.0%	13	3	3	4	3	
3	Kinh phí thực hiện đào tạo (chi tiết tại BM 04)	Tỷ đồng	0.0053	0.052	0.0778	149.6%	1467.9%	0.052	0.012	0.012	0.016	0.012	

CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2024

STT	Tên công trình/ dự án	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023		NĂM 2024						Ghi chú
				Kế hoạch 2024			Ước thực hiện năm 2024			
		Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG (A+B-C)	992.79	857.85	130.58	141.23	(38.78)	143.25	145.78	(37.61)	
A	LĨNH VỰC XÂY LẬP	509.24	414.63	84.06	98.57	1.58	101.43	106.17	1.98	
1	Thi công xây dựng Kho than số 2&3	509.24	414.63		19.37		0.91	16.15	0.65	
2	Thi công phần kết cấu thép kho than số 3	0.00	0.00	84.06	79.20	1.58	100.51	90.01	1.33	
B	LĨNH VỰC NGOÀI XÂY LẬP	483.55	443.22	46.52	42.66	(28.97)	41.82	39.62	(30.84)	
I	Kinh doanh thương mại	1.22	1.13	15.12	14.00	0.69	12.21	11.30	0.18	
1	Kinh doanh tro bay	0.05	0.04	0.54	0.50	0.03	0.11	0.10	0.03	
2	Kinh doanh xi măng	1.17	1.08	14.15	13.10	0.66	11.66	10.80	0.14	
3	Kinh doanh dầu mỡ nhờn			0.44	0.40	0.01	0.43	0.40	0.01	
II	Sản xuất công nghiệp	77.86	70.79	-	-	(0.60)	-	-	(0.82)	
1	Khấu hao TSCĐ Trạm bê tông thương phẩm + Sửa chữa xe bơm	77.86	70.79			(0.60)	0.00	0.00	(0.82)	
III	Kinh doanh bất động sản	76.19	71.96	4.77	4.33	3.18	3.76	3.42	2.27	
1	Căn hộ chung cư	29.71	29.71							
2	Cho thuê VP - mặt bằng KD	46.48	42.25	4.77	4.33	3.18	3.76	3.42	2.27	
IV	Sản xuất kinh doanh khác	328.29	299.34	26.63	24.33	(32.24)	25.86	24.90	(32.48)	
1	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	328.29	298.80	26.63	24.21	(32.36)	21.10	19.54	(33.99)	
2	Dịch vụ kinh doanh phòng vé						0.37	0.34	0.01	
3	Cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp nhà máy NĐTĐ2						3.41	3.16	0.47	
4	Dịch vụ tour du lịch						0.97	0.90	0.07	
5	Doanh thu tài chính	-	0.55		0.12	0.12		0.09	0.09	
6	Doanh thu khác							0.87	0.88	
C	CHI PHÍ					11.39			8.74	
1	Chi phí quản lý					7.25			5.95	
1.1	Chi phí quản lý chưa bao gồm dự phòng					10.25			9.30	
1.2	Hoàn nhập trích lập dự phòng các khoản thu hồi công nợ quá hạn của các đơn vị: Hợp thành, Mêkong, Thu hồi bán CHCC					3.00			3.11	
1.3	Giảm tiền thuê đất								0.24	
2	Chi phí tài chính					3.84			1.52	
3	Tiền phạt lai vay quá hạn								1.05	
4	Phạt tiền chậm nộp BH + chậm nộp thuế					0.30			0.23	

Số: /PVCTB-HĐQT

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (sau đây gọi tắt là “HĐQT” và “PVC-TB”) trân trọng trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 “**Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2025**”. Báo cáo cung cấp cái nhìn toàn diện, khách quan và trung thực về hoạt động chỉ đạo, điều hành của HĐQT trong năm vừa qua; đồng thời thể hiện định hướng chiến lược, mục tiêu cụ thể cho năm tới trong bối cảnh doanh nghiệp đang từng bước chuyển mình, vượt qua giai đoạn khó khăn tài chính kéo dài.

I. BỐI CẢNH VÀ TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2024 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với PVC-TB khi Công ty phải hoạt động trong điều kiện thị trường đầu tư xây dựng, bất động sản, khách sạn – du lịch phục hồi chậm, cạnh tranh khốc liệt và đặc biệt là áp lực rất lớn từ gánh nặng nợ tồn đọng nhiều năm. Trong bối cảnh đó, HĐQT đã xác định rõ mục tiêu trọng tâm là “giữ vững hoạt động, kiểm soát tài chính, từng bước xử lý công nợ và tái cấu trúc mô hình kinh doanh”, từ đó xây dựng chiến lược điều hành phù hợp, sát với thực tiễn năng lực đơn vị và bối cảnh thị trường.

Một trong những trở ngại lớn nhất mà Công ty phải đối mặt trong năm 2024 là vấn đề công nợ với Ngân hàng PVcomBank – với tổng số dư nợ tính đến cuối năm lên tới hơn 230 tỷ đồng, bao gồm cả nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt. Mặc dù đã nỗ lực đàm phán, đưa ra phương án cân trừ nợ bằng tài sản hiện hữu – cụ thể là tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình – song đến cuối năm, quá trình xử lý vẫn đang ở giai đoạn đánh giá lại tài sản và chuẩn bị hồ sơ theo yêu cầu của ngân hàng. Ngoài ra, những khó khăn về thanh khoản, không tiếp cận được vốn tín dụng mới, cộng với chi phí tài chính cao, cũng ảnh hưởng lớn đến năng lực triển khai các dự án xây lắp, khiến Công ty gặp không ít trở ngại trong việc thực hiện các hợp đồng đang thi công dở dang hoặc đấu thầu các gói thầu mới. Bên cạnh đó, thị trường khách sạn, dịch vụ lưu trú – vốn là một trong những lĩnh vực được kỳ vọng đóng góp doanh thu ổn định cho đơn vị – lại tiếp tục hoạt động dưới mức hòa vốn, không đủ bù chi phí vận hành, dẫn

đến thua lỗ kéo dài, đặc biệt là do gánh nặng chi phí lãi vay và khấu hao tài sản lớn. Trong bối cảnh như vậy, HĐQT PVC-TB đã xác định rõ vai trò định hướng, chỉ đạo của mình là tối quan trọng, không chỉ trong khía cạnh giám sát, điều hành hoạt động SXKD, mà còn trong việc hoạch định chiến lược tái cấu trúc tài chính – tổ chức, tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư, mở rộng ngành nghề kinh doanh phù hợp để tạo ra dòng tiền mới cho Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA PVC-TB NĂM 2024

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Bất chấp những khó khăn kể trên, năm 2024 được ghi nhận là năm mà PVC-TB có sự phục hồi nhất định về quy mô hoạt động. Theo số liệu báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024, giá trị sản lượng thực hiện đạt 143,25 tỷ đồng, vượt 110,2% kế hoạch giao và tăng gần 3 lần so với năm 2023 (khi giá trị sản lượng chỉ đạt hơn 50 tỷ đồng). Doanh thu cũng đạt 145,78 tỷ đồng, bằng 103,4% kế hoạch năm, tăng trưởng hơn 285% so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, do gánh nặng chi phí cố định và chi phí tài chính lớn, đặc biệt là lãi vay và lãi phạt quá hạn, cùng với việc không hoàn nhập được trích lập dự phòng nhiều như năm trước, kết quả lợi nhuận năm 2024 vẫn tiếp tục âm. Lỗ hợp nhất toàn Công ty năm 2024 ước tính ở mức 37,61 tỷ đồng, tăng so với con số âm 34,41 tỷ đồng của năm 2023. Phân tích sâu cho thấy, hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty (không bao gồm khách sạn) về cơ bản đã có lãi, với mức lợi nhuận khoảng 5,94 tỷ đồng từ các mảng như xây lắp, thương mại, cho thuê văn phòng, cung cấp dịch vụ công nghiệp và dịch vụ du lịch. Tuy nhiên, các chi phí quản lý doanh nghiệp (hơn 9 tỷ đồng), khấu hao tài sản cố định và đặc biệt là chi phí lãi vay (hơn 3 tỷ đồng) đã làm cho kết quả hợp nhất của Công ty bị âm. Ngoài ra, hoạt động của Khách sạn Dầu khí Thái Bình tiếp tục là điểm “lỗ nặng”, với mức lỗ toàn phần lên tới gần 34 tỷ đồng, trong đó riêng chi phí lãi vay và lãi phạt đã chiếm tới hơn 24 tỷ đồng.

(*) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 của PVC-TB, cụ thể như sau:

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Năm 2024		Tỷ lệ % hoàn thành	
				Kế hoạch	Thực hiện	Năm 2024	So với cùng kỳ năm 2023
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	50,21	130	143,25	110,2%	285,3%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	51,15	141	145,78	103,4%	285,0%
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	(34,41)		-37,61		
4	Các khoản PN NSNN	Tỷ đồng	22,00	17,92	17,84	99,5%	237,5%
5	Số lao động cuối kỳ	Người	130				
6	Số lao động bình quân	Người	130				
7	Thu nhập bình quân người lao động	trđ/người/th	7,61				

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO, GIÁM SÁT CỦA HĐQT NĂM 2024:

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã triển khai nhiều hoạt động quan trọng nhằm điều hành và giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc, các đơn vị trực thuộc trong toàn hệ thống PVC-TB. Trong bối cảnh tình hình SXKD có nhiều biến động, HĐQT đã họp thường kỳ, lấy ý kiến bằng văn bản khi cần thiết và ban hành nhiều nghị quyết, quyết định có tính chiến lược, tập trung vào các trọng tâm: Điều hành SXKD, xử lý tài chính – công nợ, mở rộng thị trường, tái cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động.

1. Chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã ban hành Nghị quyết giao nhiệm vụ SXKD năm 2024, xác lập mục tiêu cao hơn so với năm trước về giá trị sản lượng, doanh thu và quản trị rủi ro tài chính. Trong quá trình thực hiện, HĐQT đã thường xuyên tham dự cuộc họp giao ban định kỳ với Ban Giám đốc, trực tiếp kiểm tra tiến độ triển khai các công trình, đặc biệt là hạng mục thi công Kho than số 3 – Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, PVC-TB đã hoàn thành toàn bộ phần kết cấu thép Kho than số 3 trước thời hạn hợp đồng hai tháng – một nỗ lực đáng ghi nhận trong điều kiện thiếu vốn lưu động và nhân lực thi công. Đây cũng là dự án giúp Công ty có dòng tiền ổn định để tiếp tục duy trì hoạt động trong năm 2024. Bên cạnh đó, HĐQT đã khuyến khích và tạo điều kiện cho Ban điều hành mở rộng ngành nghề, đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh. Các lĩnh vực như thương mại xi măng, dầu mỡ nhờn, cung cấp thiết bị PCCC, vệ sinh công nghiệp, tổ chức tour du lịch... được triển khai với nhiều cố gắng, dù đóng góp doanh thu chưa lớn nhưng có ý nghĩa chiến lược trong tái cơ cấu hoạt động của Công ty.

2. Công tác tài chính, xử lý công nợ:

HQĐT xác định giải quyết dứt điểm tình trạng nợ vay tồn đọng kéo dài với PVcomBank là một trong những nhiệm vụ sống còn của năm 2024. Trong năm qua, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tổ chức nhiều phiên làm việc, đàm phán trực tiếp với Ngân hàng để đề xuất phương án xử lý nợ thông qua hình thức bàn giao tài sản đảm bảo là tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình. Đến cuối năm 2024, các bên đã thống nhất tiến hành định giá lại tài sản, chuẩn bị hồ sơ để tiến tới ký kết biên bản hòa giải tại tòa. HĐQT tiếp tục theo sát quá trình này nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho PVC-TB, đồng thời giảm áp lực tài chính đang đè nặng lên dòng tiền đơn vị. Về công nợ khách hàng, HĐQT đã yêu cầu Ban Giám đốc đẩy mạnh thu hồi nợ quá hạn, trong đó có các khoản lớn từ IMICO, Vinaconex 39, Công ty Mekong, Công ty TNHH Hợp Thành... Nhiều công văn đôn đốc đã được gửi đi, một số khoản đã được thu hồi một phần. Đồng thời, chỉ đạo, định hướng Ban điều hành chuẩn bị các phương án khởi kiện dân sự đối với các khoản nợ không có tiến triển.

3. Tổ chức bộ máy, lao động và quản trị nội bộ:

Năm 2024, HĐQT tiếp tục chỉ đạo tinh gọn bộ máy nhân sự theo hướng tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả quản trị. Tổng số lao động đến cuối năm giảm còn 101 người so với 114 người của năm trước, tuy nhiên vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ sản xuất, không ảnh hưởng tới tiến độ các công trình trọng điểm. HĐQT cũng thường xuyên rà soát hệ thống quy chế nội bộ, chỉ đạo Ban điều hành sửa đổi, bổ sung các quy trình quản lý nhằm thích ứng với điều kiện thực tế và yêu cầu pháp lý hiện hành. Công tác kiểm kê, thanh lý tài sản hư hỏng cũng được triển khai nghiêm túc, giúp Công ty tiết kiệm chi phí bảo trì không cần thiết.

4. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

4.1 Thông tin về các thành viên của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trần Ngọc Lâm	Chủ tịch HĐQT	<i>Từ 16/01/2024</i>
2	Ông Hoàng Hữu Thành	Thành viên HĐQT	
3	Ông Phạm Đức Huy	Thành viên HĐQT	
4	Ông Đỗ Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên HĐQT	

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ, 1 cuộc họp bất thường và 17 lần lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành tổng cộng 52 văn bản/ng nghị quyết/quyết định về công tác SXKD, đầu tư, tài chính, nhân sự... (*Phụ lục – Danh mục các văn bản của HĐQT năm 2024 đính kèm*)

Không có trường hợp thành viên HĐQT hoặc người có liên quan thực hiện giao dịch vi phạm quy định, cũng không phát sinh trường hợp lợi ích liên quan làm ảnh hưởng đến hoạt động quản trị công ty.

4.2. Tiền lương, thù lao hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

(Chi tiết tại Tờ trình quyết toán và phương án thù lao, tiền lương HĐQT, BKS 2024-2025)

5. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện giám sát chặt chẽ Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của HĐQT
- Giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể, minh bạch trong Ban Giám đốc và duy trì cơ chế phối hợp định kỳ với HĐQT thông qua các cuộc họp giao ban nhằm đánh giá sát sao kết quả hoạt động SXKD của Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT, đồng thời đảm bảo tuân thủ đầy đủ Điều lệ doanh nghiệp và quy định pháp luật hiện hành
- Ban Giám đốc thường xuyên làm việc trực tiếp với các đơn vị trực thuộc để điều chỉnh hoạt động SXKD phù hợp với định hướng chung, đồng thời giải quyết nhanh chóng các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG HĐQT NĂM 2024:

1. Kết quả đạt được:

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, PVC-TB đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như:

- Giá trị sản lượng và doanh thu tăng trưởng mạnh so với năm 2023 và vượt kế hoạch năm 2024
- Hoàn thành vượt tiến độ hạng mục Kho than số 3 – DA NMNĐ Thái Bình 2
- Mở rộng lĩnh vực kinh doanh mới, tạo tiền đề cho sự đa dạng hóa hoạt động
- Có tiến triển tích cực trong đàm phán xử lý nợ với PVcomBank
- Tổ chức bộ máy gọn nhẹ, linh hoạt, đảm bảo hoạt động SXKD không bị gián đoạn.

2. Hạn chế và tồn tại:

Tuy nhiên, PVC-TB vẫn còn tồn tại một số vấn đề lớn chưa được xử lý triệt để, như sau:

- Kết quả kinh doanh vẫn âm do chi phí tài chính lớn, đặc biệt là từ lĩnh vực kinh doanh Khách sạn
- Công nợ khó đòi kéo dài, nhiều khoản cần áp dụng biện pháp pháp lý mạnh mẽ, quyết liệt hơn.
- Công tác quyết toán dự án chậm, gây ảnh hưởng đến dòng tiền
- Chưa có hợp đồng xây lắp mới gói đầu cho năm 2025, dẫn đến khả năng rủi ro thiếu việc làm hiện hữu.

V. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025:

Bước sang năm 2025, trong bối cảnh Công ty đang từng bước xử lý các vấn đề tồn đọng kéo dài, đặc biệt là nợ xấu với Ngân hàng và áp lực từ hoạt động thua lỗ của Khách sạn, HĐQT xác định đây tiếp tục là một năm bản lề, đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục tính thanh khoản và ổn định tổ chức. Trên cơ sở phân tích tình hình thực tế, HĐQT đề ra một số định hướng chiến lược và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2025:

(*) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 của PVC-TB trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

DVT: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch mục tiêu của PVC-TB năm 2025				
		Cả năm 2025	Trong đó			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Giá trị SXKD	47,39	21,77	5,47	10,08	10,08
2	Doanh thu	51,65	20,02	13,09	9,28	9,28
3	Phải nộp NSNN	-23,24	-18,78	-1,31	-1,57	-1,57

4	Thu nhập bình quân	7,13	2,35	1,8	1,49	1,49
---	--------------------	------	------	-----	------	------

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm:

(i) Hoàn tất phương án xử lý nợ với PVcomBank: HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan hoàn thiện thủ tục pháp lý và hồ sơ định giá tài sản để thực hiện bàn giao tài sản đảm bảo theo thỏa thuận với Ngân hàng PVcomBank trong Quý II/2025. Đây là nhiệm vụ quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực tài chính, dòng tiền, cũng như uy tín pháp lý của đơn vị trong thời gian tới.

(ii) Hoàn thiện và quyết toán các hợp đồng xây lắp: PVC-TB sẽ hoàn thành toàn bộ phần còn lại của Hợp đồng số 02/2024 liên quan đến Kho than số 3, đồng thời hoàn tất hồ sơ thanh toán, nghiệm thu và quyết toán dự án Kho than số 2 & 3 trong Quý II/2025. Việc hoàn thành quyết toán đúng hạn là yêu cầu bắt buộc để thu hồi vốn và giảm thiểu rủi ro tài chính cho đơn vị.

(iii) Tái cấu trúc Tổ chức – Nhân sự – Tài chính: HĐQT sẽ tập trung kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, giám mạnh chi phí quản lý, cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc. Công tác đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ tiếp thị đấu thầu cũng sẽ được chú trọng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong giai đoạn tới.

(iv) Mở rộng lĩnh vực kinh doanh thương mại – dịch vụ: Tiếp tục phát triển các mảng kinh doanh thương mại như vật liệu xây dựng, dầu mỡ nhờn, thiết bị công nghiệp, dịch vụ hậu cần – lưu trú – vệ sinh công nghiệp – du lịch lữ hành... nhằm đa dạng hóa nguồn thu và tạo dòng tiền ổn định, bù đắp cho hoạt động xây lắp đang gặp khó khăn.

(v) Đẩy mạnh công tác tiếp thị đấu thầu: PVC-TB sẽ phối hợp với Tổng công ty PetroCons và các đối tác trong ngành để tham gia đấu thầu các gói xây lắp mới, đặc biệt trong lĩnh vực kết cấu thép và các dự án tại NMNĐ Thái Bình 2, Khu công nghiệp Liên Hà Thái, và các tỉnh lân cận.

(vi) Tăng cường kiểm soát tài chính và công nợ: HĐQT yêu cầu rà soát toàn bộ các khoản công nợ phải thu, đẩy nhanh tiến độ thu hồi, đặc biệt với các khoản nợ có giá trị lớn và thời gian tồn đọng kéo dài. Đồng thời, tăng cường giám sát chi phí nội bộ, siết chặt công tác mua sắm, sử dụng vật tư và quản lý tài sản cố định.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Năm 2024 đã đi qua với nhiều nỗ lực và thành quả nhất định của toàn thể Công ty dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Dù còn nhiều khó khăn về tài chính và công nợ, nhưng các tín hiệu tích cực như tăng trưởng sản lượng, doanh thu, hoàn thành dự án trọng điểm và mở rộng ngành nghề kinh doanh đã cho thấy sự chuyển mình rõ nét. Bước sang năm 2025, HĐQT xác định đây sẽ là giai đoạn then chốt, với trọng tâm là xử lý triệt để nợ xấu, quyết toán dứt điểm các dự án, tái cơ cấu toàn diện về tổ chức và hướng đến mô hình kinh doanh đa lĩnh vực, bền vững hơn. Trên cơ sở đó, HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025:

1. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024;

2. Thống nhất định hướng, kế hoạch và giải pháp hoạt động năm 2025;

3. Tiếp tục ủy quyền cho HĐQT thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý nợ và tái cấu trúc Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ PVC-TB.

HĐQT xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của các Quý vị Cổ đông trong suốt thời gian qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, đóng góp ý kiến xây dựng để đưa PVC-TB vượt qua giai đoạn thử thách, hướng tới ổn định và phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Lâm

PHỤ LỤC: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA HĐQT NĂM 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định/VB	Ngày tháng	Nội dung
CÁC BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG			
1.	03/BB-ĐHĐCĐ-PVCTB	16/01/2024	Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường tháng 01 năm 2024
2.	04/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB	16/01/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường tháng 01 năm 2024
3.	31/BB-ĐHĐCĐ-PVCTB	05/03/2024	Biên bản kiểm phiếu nội dung Ký kết hợp đồng với Petrocons đối với gói thầu kết cấu thép Kho than số 3 – DA NMNĐTB2
4.	32/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB	05/03/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc Ký kết hợp đồng với Petrocons đối với gói thầu kết cấu thép Kho than số 3 – DA NMNĐTB2
5.	65/BB-ĐHĐCĐ-PVCTB	26/04/2024	Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
6.	66/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB	26/04/2024	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
CÁC BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT			
7.	02/NQ-PVCTB	08/01/2024	Về việc chấp thuận phê duyệt nội dung về công tác cán bộ
8.	05/BB-HĐQT	16/01/2024	Về việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty PVC-TB
9.	06/NQ-HĐQT	16/01/2024	Về việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty PVC-TB
10.	08/BC-PVCTB	18/01/2024	Báo cáo kết quả ĐHĐCĐ bất thường tháng 01 năm 2024
11.	09/QĐ-PVCTB	29/01/2024	Về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT Công ty
12.	10/PVCTB-HĐQT	30/01/2024	Về việc Giao nhiệm vụ kiêm giữ chức Phó phòng KTKT
13.	12/PVCTB-HĐQT	05/02/2024	Về việc Chi hỗ trợ Tết Nguyên đán Giáp Thìn
14.	14/PVCTB-HĐQT	15/02/2024	V/v Yêu cầu chuẩn bị các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2024
15.	17/NQ-HĐQT	28/02/2024	V/v Chấp thuận chủ trương thanh lý CCDC hư hỏng, mất phẩm chất

16.	18/NQ-HĐQT	28/02/2024	V/v Thông qua kế hoạch tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản
17.	20/TTr-PVCTB-HĐQT	28/02/2024	V/v Ký kết hợp đồng với Petrocons đối với gói thầu kết cấu thép Kho than số 3 - DANMNĐTB2
18.	26/NQ-PVCTB	01/03/2024	V/v Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024
19.	29/TB-PVCTB	04/03/2024	V/v Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2024
20.	33/NQ-PVCTB	06/03/2024	V/v Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu phụ của HĐ 02/2024
21.	38/BC-PVCTB	19/03/2024	V/v Cán bộ đi nước ngoài
22.	48/QĐ-PVCTB	04/04/2024	V/v Phê duyệt và ban hành quy chế trả lương của PBV-TB
23.	49/TB-PVCTB	05/04/2024	V/v Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên 2024
24.	50/PVCTB-HĐQT	05/04/2024	V/v triển khai các công việc tháng 4/2024
25.	51/NQ-PVCTB	05/04/2024	V/v Ký kết phụ lục HĐ số 02/2024 để bổ sung điều khoản mở bảo lãnh trực tiếp và TK thanh toán
26.	59/TB-PVCTB	19/04/2024	V/v Đề cử thành viên BKS Công ty PVC-TB
27.	62/GM-PVCTB	19/04/2024	V/v Tham dự ĐHĐCĐ Thường niên 2024
28.	64/NQ-PVCTB	25/04/2024	V/v Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh KSDKTB
29.	67/QĐ-PVCTB	26/04/2024	V/v Thôi giao nhiệm vụ cán bộ
30.	68/BC-PVCTB	02/05/2024	Báo cáo kết quả ĐHĐCĐ thường niên năm 2024
31.	70/PVCTB-HĐQT	08/05/2024	V/v yêu cầu cung cấp hồ sơ
32.	71/NQ-PVCTB	08/05/2024	V/v Giao nhiệm vụ SXKD năm 2024 của Công ty PVC-TB
33.	76/PVCTB-HĐQT	14/05/2024	V/v yêu cầu rà soát báo cáo tình hình thực hiện HĐ 52/2014.
34.	86/NQ-PVCTB	27/05/2024	V/v Chấp thuận chủ trương thanh lý 02 xe ô tô VP Công ty
35.	88/NQ-PVCTB	29/05/2024	V/v Ký kết phụ lục bổ sung Hợp đồng 02/2024
36.	90/PVCTB-HĐQT	31/05/2024	V/v Giải trình một số ý kiến của UV.HĐQT Phạm Đức Huy
37.	95/PVCTB-HĐQT	13/06/2024	V/v rà soát lại công tác kiểm soát chi phí hoạt động của Công ty
38.	96/NQ-PVCTB	13/06/2024	V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2024

39.	97/NQ-PVCTB	20/06/2024	V/v Giao nhiệm vụ SXKD năm 2024 của Chi nhánh KSDKTB
40.	98/QĐ-PVCTB	24/06/2024	V/v Thông qua giá trị quyết toán CP các BP năm 2023 của PVC-TB
41.	99/NQ-PVCTB	24/06/2024	V/v phê duyệt kế hoạch chi phí các bộ phận năm 2024 của PVC-TB
42.	100/PVCTB-HĐQT	24/06/2024	V/v Khai thác cho thuê các mặt bằng còn lại của Tổ hợp KSDK Thái Bình
43.	105/NQ-PVCTB	28/06/2024	V/v Phê duyệt điều chỉnh hình thức hợp đồng , giá trị dự toán 1 số gói thầu mua sắm vật tư của Hợp đồng 02/2024.
44.	118/BB-PVCTB	16/07/2024	Biên bản cuộc họp hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình tháng 7/2024
45.	119/NQ-PVCTB	16/07/2024	Nghị quyết cuộc họp hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình tháng 7/2024
46.	122/PVCTB-HĐQT	23/07/2024	V/v Tăng cường công tác đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình
47.	126/PVCTB-HĐQT	01/08/2024	V/v Phương án xử lý các khoản vay của PBC-TB tại PVcomBank
48.	130/PVCTB-HĐQT	05/08/2024	V/v Khắc phục các tồn tại theo ý kiến của Ban ĐH DANMND Thái Bình 2
49.	135/PVCTB-HĐQT	20/08/2024	Rà soát lại công tác kiểm soát chi phí tháng 7/2024 của CN Khách sạn Dầu khí Thái Bình
50.	138/PVCTB-HĐQT	30/08/2024	V/v Công tác quyết toán dự án hoàn thành Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình
51.	140/NQ-PVCTB	30/08/2024	V/v Ký kết phụ lục bổ sung điều chỉnh phạm vi công việc và điều chỉnh giá trị của Hợp đồng 02/2024.
52.	143/PVCTB-HĐQT	23/09/2024	V/v Phương án xử lý nợ với PVcomBank
53.	149/BB-PVCTB	08/10/2024	Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, kỳ họp tháng 10/2024
54.	150/NQ-PVCTB	10/10/2024	Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị, kỳ họp tháng 10/2024
55.	160/QĐ-PVCTB	26/11/2024	V/v Phê duyệt và ban hành quy chế về công tác văn thư của PVC-TB
56.	171/BB-PVCTB	24/12/2024	Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị, kỳ họp Quý IV/2024
57.	172/NQ-PVCTB	24/13/2024	Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị, kỳ họp Quý IV/2024

Số: /PVCTB-BKS

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần
Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2024;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024;
- Báo cáo hoạt động của HĐQT và Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025;
- Báo cáo tài chính năm 2024 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình đã được kiểm toán;
- Các báo cáo kiểm tra, giám sát hàng quý năm 2024 của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

PHẦN A: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Về công tác nhân sự trong năm 2024:

Ban Kiểm soát PVC-TB gồm 3 thành viên cụ thể như sau:

- Ông Vương Tiến Dũng: Thành viên Ban Kiểm soát giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách (Miễn nhiệm ngày 26/4/2024)

- Bà Phạm Thị Chung: Thành viên Ban Kiểm soát giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm (Bổ nhiệm ngày 26/4/2024).
- Bà Trần Thị Thu Hà: Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm.
- Bà Vũ Thị Châm: Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm soát theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty PVC-TB, quy định của pháp luật thông qua các công việc cụ thể sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong công tác quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và giao ban SXKD hàng tháng, đưa ra ý kiến đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, công tác quản trị nhằm mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng đã có ý kiến bằng văn bản, email và các hình thức trao đổi thông tin khác để đưa ra ý kiến cần thiết theo chức năng nhiệm vụ;
- Xem xét, đối chiếu, rà soát kết quả SXKD hàng tháng, quý, năm; Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Giám đốc, báo cáo tài chính của PVC-TB. Trong các báo cáo giám sát hàng quý, Ban Kiểm soát đều có kiến nghị đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đối với các vấn đề trọng yếu có ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty.
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm.
- Giám sát việc ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế, giám sát việc quản lý và phương án xử lý nợ phải thu, phải trả của Công ty;
- Phối hợp cùng đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty;
- Phối hợp với các Phòng chức năng Công ty tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền và chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát tiến hành 04 cuộc họp, các cuộc họp đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên và được lập thành biên bản có nhất trí thông qua của với tỷ lệ 100%. Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng thực hiện lấy ý kiến bằng các hình thức trực tuyến và trực tiếp để thống nhất nội dung các báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi các bên liên quan.

4. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên Ban kiểm soát:

Về cơ bản, Ban Kiểm soát đã nỗ lực hoàn thành kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được ĐHCĐ thông qua. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên trong Ban kiểm soát và đối với cá nhân Trưởng ban kiểm soát luôn cầu thị với tinh thần trách nhiệm, trung thực và khách quan. Tuy nhiên, cả 03 thành viên Ban Kiểm soát đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, trong điều kiện hoạt động SXKD của Công ty còn nhiều rủi ro tiềm ẩn ngoài tầm kiểm soát nên khó tránh khỏi những tồn tại chưa được nhận diện. Ban kiểm soát sẽ luôn nỗ lực và hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Các thành viên Ban Kiểm soát tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc như sau:

- Bà Phạm Thị Chung: Hoàn thành tốt công việc và nhiệm vụ được giao.
- Bà Trần Thị Thu Hà: Hoàn thành tốt công việc và nhiệm vụ được giao.
- Bà Vũ Thị Châm: Hoàn thành tốt công việc và nhiệm vụ được giao

5. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Ban Kiểm soát

- Tổng tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024 là: **108.882.917 đồng**, cụ thể:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Vương Tiến Dũng	Trưởng Ban	52.882.917	Miễn nhiệm ngày 26/4/2024
2	Phạm Thị Chung	Trưởng Ban	20.000.000	Bỏ nhiệm ngày 26/4/2024
3	Trần Thị Thu Hà	Thành viên	18.000.000	
4	Vũ Thị Châm	Thành viên	18.000.000	
	Tổng cộng		108.882.917	

PHẦN B: KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2024

I. Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua tại Nghị quyết số 66/NQ-ĐHCĐ-PVCTB ngày 26/4/2025, Ban Kiểm soát báo cáo kết quả SXKD của Công ty như sau:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Năm 2024			Tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2023 (%)
				KH được giao	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
A	B	1	2	3	4	5=4/3	6=4/2
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	50,21	130,00	142,33	109,48	283,47
2	Doanh thu	Tỷ đồng	51,15	141,00	145,78	103,39	285,00
3	Lợi nhuận	Tỷ đồng	(34,41)	-	(37,61)		
4	Phải nộp NSNN	Tỷ đồng	8,7	17,92	17,84	86,38	177,93
5	Lao động cuối kỳ	Tỷ đồng	114	113	101	89,38	88,60
7	Thu nhập bình quân trđ/ng/thg	Triệu đồng	6,89	7,61	7,45	97,90	108,13

Kết quả thực hiện các hoạt động SXKD cụ thể như sau:

1. Công tác thi công xây lắp

Trong năm 2024 đơn vị ký 01 hợp đồng thi công xây lắp mới: Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONS-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/3/2024 với Tổng công ty PetroCons về việc Mua sắm vật tư, gia công chế tạo, lắp đặt hoàn thiện Kho than số 3 (không bao gồm cung cấp, lắp đặt bulong móng, cửa thép và vữa chèn chân cột), giá trị Hợp đồng là 121 tỷ đồng đã bao gồm VAT. Tính đến ngày 31/12/2024, công ty đã hoàn thành công tác thi công ~90% khối lượng. Công tác nghiệm thu thanh toán cũng được triển khai song song để đảm bảo dòng tiền phục vụ thi công. Công ty đã hoàn thành bàn giao trong Quý I/2025 theo đúng tiến độ hợp đồng. Đến thời điểm báo cáo còn 02 mốc thanh toán cuối cùng giá trị 4,07 tỷ đồng, giá trị bảo hành giữ lại là 3,519 tỷ đồng.

Hợp đồng số 52/2014/HĐKT/PVC-PVCTB-PVSD-CCU ngày 01/10/2014 về việc thi công xây dựng Kho than số 2&3: Công trình đã hoàn thành thi công nhưng vẫn còn một số hạng mục chưa được nghiệm thu. Trong năm 2024 đơn vị nghiệm thu xuất hóa đơn được 16,15 tỷ đồng. Giá trị dở dang còn lại là 15,51 tỷ đồng, trong đó có một số khoản mục chi phí chưa thống nhất được giữa các bên, tiềm ẩn rủi ro cho Công ty điển hình là giá trị chênh lệch đơn giá tạm thanh toán và đơn giá ký hợp đồng đối với phần bê tông (6,7 tỷ đồng). Hiện đơn vị đang làm việc với các bên liên quan để giải trình, làm rõ, đồng thời rà soát, đánh giá rủi ro thiệt hại có thể xảy ra.

2. Hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh Khách sạn Dầu khí Thái Bình

Hoạt động kinh doanh tại Khách sạn Dầu khí năm 2024 được thể hiện qua các chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HT
I	Doanh thu và thu nhập khác	25,848,085,532	19,541,401,985	76%
1	Doanh thu	25,841,385,532	19,538,048,483	76%
2	Doanh thu HĐTC và TN khác	6,700,000	3,353,502	50%
II	Tổng chi phí	25,461,821,271	21,585,600,754	85%
1	Chi phí NVL đầu vào	8,665,924,117	7,114,311,350	82%
2	Chi phí Điện nước NVL	3,143,786,143	1,953,160,606	62%
3	Chi phí bán hàng	476,567,976	210,091,269	44%
4	Chi phí lương, các khoản BH và chế độ của người LĐ	7,054,171,822	6,345,057,955	90%
-	Chi phí Nhân công trực tiếp	6,541,536,210	5,708,795,480	87%
-	Chi phí nhân công quản lý	512,635,612	636,262,475	124%
5	Chi phí quản lý	3,089,800,075	3,085,414,406	100%
6	Chi phí bảo trì, sửa chữa, thay thế...	3,031,571,138	2,877,565,174	95%
III	Lợi nhuận chưa tính khấu hao + lãi vay (III=I-II)	386,264,261	(2,044,198,769)	
IV	Chi phí khấu hao+ Lãi vay	31,475,906,400	31,945,241,360	-
1	Chi phí khấu hao TSCĐ	7,935,402,408	8,134,216,661	
2	Chi Phí Lãi vay	12,856,252,008	12,648,893,105	
3	Chi Phí Lãi Phạt	10,684,251,984	11,162,131,594	
IV	Lợi nhuận trước thuế (IV= I-II-IV)	(31,089,642,138)	(33,989,440,129)	

Hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn chưa có nhiều biến chuyển so với năm 2023, mặc dù đơn vị đã gia tăng thêm được một số nguồn thu ổn định từ việc cung cấp dịch vụ lưu trú hậu cần cho công nhân NMNĐ Thái Bình 2, cung cấp dịch vụ vệ sinh công nghiệp NMNĐ Thái Bình 2 và hoạt động kinh doanh dịch vụ lễ hành, tuy nhiên doanh thu

từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của Khách sạn như: dịch vụ lưu trú, tiệc, tổ chức sự kiện, cho thuê mặt bằng...vẫn còn thấp, doanh thu đạt chỉ đạt 19,54 tỷ đồng/25,84 tỷ đồng kế hoạch, tương ứng với 75,6% kế hoạch được giao.

Với kết quả trên mặc dù được sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của Chi nhánh Khách sạn như: Tăng cường công tác truyền thông, quảng cáo các dịch vụ của Khách sạn, tìm kiếm khách hàng để khai thác cho thuê các mặt bằng còn trống tại Khách sạn, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ,...nhưng kết quả hoạt động SXKD tại Chi nhánh khách sạn năm 2024 vẫn không đạt được kế hoạch được giao, lợi nhuận gộp (chưa tính khấu hao, lãi vay) -2,04 tỷ đồng/0,386 tỷ đồng kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế -33,98 tỷ đồng.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng trên là do:

- Chi phí lãi vay đầu tư Dự án Khách sạn và chi phí khấu hao lớn 31,94 tỷ đồng, trong đó: chi phí khấu hao 8,13 tỷ đồng, chi phí lãi vay 12,64 tỷ đồng, chi phí lãi phạt 11,16 tỷ đồng.
- Chi phí Thuế đất tăng cao; chi phí quản lý cũng chiếm một tỷ trọng tương đối lớn, cơ sở vật chất của khách sạn hoạt động hơn 10 năm đã xuống cấp phải bảo trì sửa chữa mới có thể vận hành.
- Bên cạnh đó còn phải chịu sự cạnh tranh quyết liệt đối với các đối tác trên cùng địa bàn hoạt động;

3. Hoạt động kinh doanh khác tại Dự án Khách sạn Dầu khí

- Việc tiêu thụ các căn hộ chung cư tại dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình cũng đang gặp rất nhiều khó khăn do nhu cầu nhà ở chung cư tại địa bàn không cao, mặt khác, chất lượng các căn hộ sau nhiều năm đã xuống cấp không thu hút được khách hàng, do đó lượng căn hộ còn tồn đọng nhiều. Tính đến ngày 31/12/2024 đơn vị đã bán được 20/47 căn hộ và đã cho thuê được 2.480,1m²/5.276,3m² chiếm tỷ lệ 47%.
- Doanh thu từ hoạt động kinh doanh cho thuê mặt bằng năm 2024 đạt 3,42 tỷ đồng bằng 72,76% của năm 2023 (3,42/4,70 tỷ đồng). Việc khai thác tiềm năng của Dự án trên còn rất khiêm tốn so với thực tế đang có, do đó đã dẫn tới việc tồn đọng vốn đầu tư lớn và kéo dài, làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh chung của PVC-TB.

4. Công tác quyết toán Dự án khách sạn Dầu khí Thái Bình

PVC-TB đã thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành và thuê Viện Kinh tế xây dựng – Bộ Xây dựng thẩm tra giá trị quyết toán dự án hoàn thành dựa trên kết quả kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập, kết quả thẩm tra và đề nghị quyết toán là 592.001.500.695 đồng. Công ty đã có tờ trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua.

5. Công tác quyết toán trạm trộn bê tông:

PVC-TB đang rà soát lại hồ sơ dự án và thực hiện các thủ tục trình HĐQT thông qua giá trị quyết toán dự án hoàn thành và thông qua chủ trương bán thanh lý các trang thiết bị không còn nhu cầu sử dụng.

6. Dự án khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí Thái Bình

Sau khi UBND Tỉnh Thái Bình có Quyết định thu hồi dự án, công tác thu hồi vốn đã đầu tư tại Dự án đang gặp khó khăn do UBND tỉnh Thái Bình không chấp nhận một số

khoản chi phí PVC-TB đã thực hiện vào Dự án trên để chuyển giao cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cụ thể: chênh lệch giảm khoảng 17 tỷ đồng so với giá trị trong hợp đồng số 0804/2016/HĐ/BĐTĐ2 - PVCTB ngày 08/4/2016 giữa PVC-TB và Ban quản lý Dự án – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trường hợp PVC-TB không bảo vệ được giá trị theo như hợp đồng đã ký nêu trên thì không những khó thu hồi được khoản nợ 4,45 tỷ đồng mà còn có nguy cơ thiệt hại gây mất vốn với số tiền 17 tỷ đồng đối với đơn vị là rất lớn và hiện hữu. Sự chậm trễ trên dẫn đến việc đơn vị gặp rất nhiều khó khăn về tài chính.

7. Công tác Tổ chức Nhân sự - Lao động tiền lương, chế độ chính sách:

Trong năm 2024 số lao động chấm dứt hợp đồng là 13 lao động. Số lao động tính đến 31/12/2024 còn 101 người (bao gồm cả số lao động tại Chi nhánh Khách sạn Dầu khí Thái Bình). Thu nhập bình quân của người lao động là 7,45 triệu đồng/tháng, tương ứng đạt 97,9% kế hoạch.

Công tác tổ chức bộ máy, sử dụng lao động trong năm 2024 của PVC-TB tuân thủ các quy chế/quy định của đơn vị và pháp luật hiện hành. Việc trả lương, trả thưởng được thực hiện theo quy chế đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Đơn vị đã thu xếp trả phần lớn nợ BHXH tỉnh Thái Bình để đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động, thời điểm tháng 12/2024 đơn vị nợ BHXH số tiền 3,475 tỷ đồng, đến thời điểm báo cáo chỉ còn nợ 0,25 tỷ đồng. Các hoạt động tổ chức đoàn thể, phúc lợi cho người lao động cũng được đơn vị quan tâm, thực hiện đầy đủ.

8. Nhận xét, đánh giá:

Năm 2024 công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng và doanh thu được ĐHĐCĐ thông qua, giá trị sản lượng đạt 142,33 tỷ đồng/130 tỷ đồng, bằng 109,48% kế hoạch, doanh thu đạt 145,78 tỷ đồng/141 tỷ đồng bằng 103,89% kế hoạch. Trong đó: Thị công xây lắp chiếm tỷ trọng 73% tổng doanh thu; kinh doanh dịch vụ khách sạn chiếm tỷ trọng 16% tổng doanh thu; kinh doanh khác (bao gồm cho thuê mặt bằng, buôn bán xi măng, dịch vụ tour du lịch) chiếm tỷ trọng 11% tổng doanh thu. Mặc dù tập thể Lãnh đạo và CBCNV công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm 2024 tuy nhiên lợi nhuận **lỗ 37,61 tỷ đồng** (tăng lỗ 3,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023) chủ yếu do chi phí lãi vay và chi phí khấu hao cao dẫn đến chi phí giá vốn cao hơn doanh thu. Bên cạnh đó, chi phí quản lý doanh nghiệp còn cao (9,65 tỷ đồng), mặc dù trong năm đơn vị đã hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi số tiền 3,11 tỷ đồng; chi phí tài chính trong năm lớn gần 26,39 tỷ đồng, chi phí khấu hao 12,66 tỷ đồng gây áp lực không nhỏ đến kết quả SXKD chung của đơn vị.

Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi công nợ đã đạt được kết quả nhất định, tuy nhiên số dư công nợ phải thu lớn, còn một số khoản công nợ đến hạn và quá hạn chưa thu hồi được đã và sẽ tiếp tục phải trích lập dự phòng theo quy định, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

II. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024:

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán của Công ty và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2024

1.1. Bảng tổng hợp:

TÀI SẢN (tỷ đồng)				NGUỒN VỐN (tỷ đồng)			
Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh Kỳ BC với Đầu kỳ %	Diễn giải	Đầu kỳ	Kỳ báo cáo	So sánh Kỳ BC với Đầu kỳ %
A. Tài sản NH	131.92	135.33	102.59%	A. Nợ phải trả	362.76	428.27	118.06%
1. Tiền và TĐ tiền	3.58	3.88	108.38%	1. Nợ ngắn hạn	324.38	403.96	124.53%
2. Đầu tư TCNH	2.50	0.20	8.00%	1.1. Vay ngắn hạn	73.84	86.06	116.56%
3. Phải thu ngắn hạn	56.95	68.34	119.99%	1.2. Phải trả NH người bán và khác	146.66	189.85	129.45%
4. Trích lập DP phải thu NH khó đòi	-12.35	-12.34	99.91%	1.3. Thuế và các khoản PNNN	0.20	0.36	177.10%
5. Hàng tồn kho	79.12	70.51	89.13%	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	103.68	127.69	123.17%
6. Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	0.00%	2. Nợ dài hạn	38.39	24.31	63.33%
7. TS NH khác	2.12	4.74	223.13%	2.1. Vay dài hạn	38.00	24.00	63.16%
B. Tài sản Dài hạn	357.63	382.11	106.85%	B. Vốn Chủ SH	126.78	89.17	70.33%
1. Tài sản cố định	300.08	333.95	111.29%	1. Vốn góp của Chủ sở hữu	450.00	450.00	100.00%
2. Tài sản dở dang DH	1.17	1.29	110.55%	2. Lợi nhuận chưa phân phối	-323.43	-361.04	111.63%
3. Bất động sản đầu tư	42.22	41.07	97.28%	2.1. LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	-289.01	-323.43	111.91%
4. Trích dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	0.00%	2.2. LNST Chưa PP kỳ này	-34.41	-37.61	109.30%
5. Phải thu dài hạn	12.57	4.79	38.11%				
6. Tài sản dài hạn khác	1.59	1.01	63.69%				
Tổng tài sản	489.54	517.44	105.70%	Tổng nguồn vốn	489.54	517.44	105.70%

1.2. Phân tích cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

1.2.1. Về cơ cấu tài sản

Tổng tài sản tại kỳ báo cáo là: 517,44 tỷ đồng, tăng 27,9 tỷ đồng từ 489,54 tỷ đồng đầu kỳ lên 517,44 tỷ cuối kỳ), tương đương tăng 5,7% so với đầu kỳ. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn tăng 3,41 tỷ đồng (từ 132,92 tỷ đồng lên 135,33 tỷ đồng), tương đương tăng 2,59%. Về tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do khoản mục phải thu ngắn hạn tăng 11,39 tỷ (từ 56,95 tỷ đồng lên 68,34 tỷ đồng).

- Tài sản dài hạn tăng 24,49 tỷ đồng (từ 357,63 tỷ đồng lên 382,11 tỷ đồng) tương đương 6,85%. Về tài sản dài hạn, Công ty không tiến hành đầu tư do tập trung nguồn vốn vào sản xuất kinh doanh, giá trị tăng trong năm do ghi nhận thêm giá trị quyết toán của Dự án Khách sạn Dầu khí.

1.2.2. Về cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn tại kỳ báo cáo là: 517,44 tỷ đồng, tăng 27,9 tỷ đồng từ 489,54 tỷ đồng đầu kỳ lên 517,44 tỷ cuối kỳ), tương đương tăng 5,7% so với đầu kỳ. Trong đó:

- Nợ phải trả tăng 65,51 tỷ đồng tương đương tăng 18,06% so với đầu kỳ. Trong đó chủ yếu là khoản phải trả ngắn hạn người bán tăng 43,19 tỷ đồng, các khoản phải trả khác tăng 24,02 tỷ đồng, vay ngắn hạn tăng 12,23 tỷ đồng do chuyển từ vay dài hạn sang nợ dài hạn đến hạn trả. Điều này cho thấy các khoản nợ càng tăng thêm chủ yếu như nợ ngắn hạn và phải trả tiền lãi Ngân hàng và người bán khác do đó đã gây áp lực về khả năng thanh toán đối với các khoản công nợ của đơn vị hiện tại cũng như trong tương lai.
- Vốn chủ sở hữu tại kỳ báo cáo là 89,17 tỷ đồng, giảm 37,61 tỷ đồng đây chính là số lỗ trong năm 2024. Tại thời điểm 31/12/2024, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số lỗ lũy kế là 361,046 tỷ đồng, tương ứng 80,23% vốn góp của chủ sở hữu.

Trong năm 2024 đơn vị không có thay đổi về vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển. Mặc dù trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 tổng tài sản và tổng nguồn vốn tăng, nhưng đơn vị vẫn tiếp tục lỗ và các số liệu tài chính phản ánh vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với Công ty trong thời gian tiếp theo dẫn tới nguy cơ mất hoàn toàn vốn chủ sở hữu trong những năm tới nếu như hoạt động SXKD không có bước đột phá.

1.3. Các chỉ số tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Tại kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0.83	0.74
2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	4.80	2.86
3	Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.16	0.16
4	Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	0.34	0.41
5	Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1.21	1.35
6	ROE (%)	(0.42)	(0.27)
7	ROA (%)	(0.07)	(0.07)
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS)	(0.26)	(0.67)

Các chỉ số tài chính cơ bản của PVC-TB năm 2024 cho thấy tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn được phân tích cụ thể như sau:

- Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn tăng 0,09 lần (từ 0,74 tăng lên 0,83) so với kỳ trước, Nợ phải trả/Vốn Chủ sở tăng 1,94 lần từ kỳ trước so với kỳ báo cáo (từ 2,86 tăng lên 4,8 lần) đồng nghĩa với việc nợ phải trả trong kỳ của đơn vị tiếp tục tăng, vốn chủ sở hữu ngày càng giảm tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro cao đối với áp lực phải trả của đơn vị trong hiện tại và tương lai.

- Khả năng thanh toán hiện thời (lần) của đơn vị rất thấp và tiếp tục giảm 0,07 lần so với kỳ trước (từ 0,41 giảm xuống 0,34 lần). Điều cho thấy đơn vị ngày càng mất khả năng chi trả, gia tăng nguy cơ phá sản, do đó đòi hỏi Ban lãnh đạo đơn vị cần phải xem

xét kỹ lưỡng các khoản nợ ngắn hạn gần đến hạn phải trả để đảm bảo khả năng thanh toán của đơn vị.

- Khả năng thanh toán tổng quát (lần) hệ số này đã giảm so với kỳ trước 0,14 lần (từ 1,35 xuống còn 1,21 lần). Với hệ số như hiện tại có thể thấy với tổng số tài sản hiện có, doanh nghiệp vẫn đảm bảo trả nợ được các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Tuy nhiên cần phải lưu ý rằng hệ số này đang có nguy cơ giảm dần đều đối với kế hoạch SXKD trong tương lai nếu như đơn vị không có các giải pháp và bước đột phá cần thiết và khi chỉ số này giảm nhỏ hơn 1 đồng nghĩa với khả năng dùng Tài sản để thanh toán các khoản công nợ phải trả đến hạn sẽ vô cùng khó khăn đối với đơn vị.

- Đối với các nhóm chỉ số ROE (tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu), ROA (tỷ số lợi nhuận sau thuế/tài sản) và ROS (tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng doanh thu). Đây là các nhóm chỉ số rất quan trọng thể hiện hiệu quả SXKD của Doanh nghiệp. Tuy nhiên đối với PVC-TB là một đơn vị có lỗ lũy kế lớn kéo dài từ nhiều năm thì các chỉ số trên không có nhiều ý nghĩa hiện tại.

Từ phân tích trên có thể thấy về khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả, của đơn vị đang gặp rất nhiều khó khăn, lỗ lũy kế kéo ngày càng tăng thêm năm sau cao hơn năm trước. Do đó nguy cơ mất thêm vốn chủ sở hữu trong hiện tại và tương lai là việc hoàn toàn có thể xảy ra.

1.3.1. Công tác quản lý vốn bằng tiền

Đối với việc quản lý Tiền mặt, Tiền gửi (có kỳ hạn và không kỳ hạn), Tạm ứng: Đơn vị hiện có quan hệ và mở Tài khoản tại 6 đơn vị tổ chức Ngân hàng trên địa bàn đơn vị đặt trụ sở chính được phân làm 2 loại gồm Tài khoản thanh toán và Tài khoản tiết kiệm, trong đó:

- Tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo số dư Tài khoản thanh toán là gần 1,36 tỷ đồng với lãi suất không kỳ hạn bình quân trong kỳ là 0,2%/năm;

- Tính đến thời điểm cuối kỳ báo cáo số dư Tài khoản tiết kiệm là 200 triệu đồng với lãi suất bình quân trong kỳ là 3,5%/năm, tổng số tiền lãi thu được trong kỳ từ hoạt động Tài chính là gần 0,3909 tỷ đồng.

- Về công tác tạm ứng sử dụng tiền tạm ứng và Tiền mặt trong kỳ tại đơn vị về cơ bản việc thực hiện tuân thủ đầy đủ các theo các Quy định hiện hành của Pháp luật và các Quy định về chi tiêu nội bộ của đơn vị thực hiện báo cáo kịp thời và áp dụng đúng theo biểu mẫu do Tổng công ty ban hành theo quyết định số 2629/QĐ-XLKD ngày 10/10/2022 (PETROCONs) như: Mẫu số: 04/BCTC-XLKD về Tiền gửi NH; Mẫu số: 01/BCKK-XLKD về Tiền mặt; Mẫu số: 13/BCTC-XLKD về Tạm ứng Tiền mặt và Mẫu số: 07/BCKK-XLKD về kiểm kê chi tiết tạm ứng. Riêng đối với khoản tạm ứng phục vụ thi công kho than theo hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONs-PVCTB/KCTKT3 đến thời điểm hiện tại còn hơn 0,35 tỷ đồng vẫn đang trong quá trình thực hiện. Trong năm có phát sinh thêm các khoản ứng cho các lĩnh vực dịch vụ mới hoạt động như chi phí kinh doanh phòng vé, chi phí tour...

1.3.2. Quản lý công nợ phải thu và công nợ phải trả

❖ *Quản lý công nợ phải thu:*

Các khoản công nợ phải thu của đơn vị đều không có tài sản đảm bảo, tín chấp, được phát sinh thông qua các hợp đồng kinh tế đã được theo dõi phản ánh đầy đủ trên BCTC về cơ bản đã được ký xác nhận công nợ của 02 bên theo đúng Quy định hiện hành.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024 tổng công nợ phải thu là 60,79 tỷ đồng trong đó số đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn và dài hạn khó đòi là: 21,43 tỷ đồng, số này đã giảm 3,11 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, danh sách các đối tác khách hàng nợ phải thu khó đòi cụ thể như sau:

- Công Ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO: 15,21 tỷ đồng;
- Công ty CP phát triển Mê Kông: 2,14 tỷ đồng;
- Công ty CP Dầu khí Đông Đô: 0,13 tỷ đồng;
- Công Ty Cổ Phần VINACONEX 39: 1,09 tỷ đồng;
- Các khách hàng mua căn hộ chung cư: 2,42 tỷ đồng;
- Các khách hàng khác: 0,44 tỷ đồng.

Trong năm 2024 Công ty đã thu hồi được hơn 4,3 tỷ đồng, cụ thể:

- Công ty CP khoáng sản Hợp Thành: 2,2 tỷ đồng;
- Công ty CP phát triển Mê Kông là: 2,1 tỷ đồng.

Từ số liệu trên ta có thể thấy công nợ phải thu nhất là đối với các khoản công nợ phải thu quá hạn khó đòi phải trích lập dự phòng của đơn vị còn rất lớn (mặc dù số này đã giảm 4,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước) trong khi đó kết quả công tác thu hồi công nợ trong năm đạt được còn rất thấp so với các khoản công nợ phải thu, chưa đáp ứng được như kỳ vọng, một số khoản công nợ vẫn tiếp tục phải trích lập dự phòng tiềm ẩn nhiều rủi ro đồng thời làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả SXKD của đơn vị cả hiện tại và tương lai. Hoạt động bán xi măng đang còn công nợ phải thu 6,48 tỷ đồng gồm các khách hàng như Công ty Cp HN Thiên Tân, Công ty CP sở hữu Thiên Tân, Công ty TNHH bê tông XD Vina 18. Công nợ này nếu chậm thu hồi sẽ ảnh hưởng đến dòng tiền và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời là mối rủi ro lớn về tài chính cho doanh nghiệp.

❖ *Quản lý công nợ phải trả*

Tính đến thời điểm 31/12/2024 tổng số nợ đơn vị phải trả là 428,27 tỷ đồng, tăng 65,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (Tại ngày 31/12/2023 là 362,76 tỷ đồng), chủ yếu do tăng lãi vay phải trả PVcombank khoảng 26 tỷ và Phải trả Petrocons tiền giá trị còn lại khi quyết toán Dự án khách sạn Dầu khí khoảng 40,85 tỷ. Trong đó những khoản công nợ phải trả chủ yếu gồm:

- Vay của Ngân hàng PVcomBank Chi nhánh Thái Bình là 110,06 tỷ đồng (vay ngắn hạn là 20,76 tỷ đồng, vay dài hạn là 89,30 tỷ đồng) với mục đích vay ngắn hạn để phục vụ thi công kho Than Dự án Nhà máy Nhiệt điện mở rộng, vay dài hạn phục vụ đầu tư Dự án xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình. Lãi suất vay ngắn hạn trong hạn

vay là 10,5% /năm và lãi suất quá hạn là 15,75%/năm; vay dài hạn điều chỉnh ba tháng một lần tùy theo quy định từng thời kỳ của Ngân hàng.

- Khoản công nợ phải trả do nhận chuyển nhượng Dự án Khách sạn Dầu Thái khí Thái Bình với Tổng công ty Thăm dò và khai thác Dầu khí (PVEP) là 115.97 tỷ đồng;
- Khoản phải trả lãi vay, tiền phạt lũy kế Ngân hàng là 121,69 tỷ đồng;
- Phải trả BĐH NMNĐ Thái Bình 2 tiền quyết toán DA Khách sạn Dầu khí Thái Bình: 40,85 tỷ đồng;
- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác 3,7 tỷ đồng;
- Phải trả các nhà cung cấp gần 29,09 tỷ đồng.
- Số còn lại là các khoản phải trả khác...

Trong đó tổng số các khoản nợ phải trả quá hạn là 302,19 tỷ đồng:

- Phải trả Ngân hàng là 184,26 tỷ đồng (tiền gốc, tiền lãi và lãi quá hạn..);
- Tổng công ty thăm dò và khai thác Dầu khí (PVEP) là 115.97 tỷ đồng;
- Các khách hàng khác là 1,96 tỷ đồng.

Nguyên nhân chủ yếu không trả được nợ đúng hạn là do hoạt động SXKD của đơn vị trong nhiều năm trở lại đây gặp rất nhiều khó khăn bên cạnh đó việc thu hồi vốn từ Dự án NMNĐ Thái Bình 2 cũng như từ Tổng thầu chưa được tháo gỡ; mặt khác còn tồn đọng nhiều sản phẩm (nhà chung cư, văn phòng cho thuê) chưa được tiêu thụ, công tác thu hồi công nợ chưa đạt được kết quả như kỳ vọng, trong khi đơn vị phải chịu áp lực chi phí rất lớn từ tiền lãi vay Ngân hàng (lãi chồng lãi). Nếu trong ngắn hạn những khó khăn trên không được tháo gỡ thì nguy cơ mất khả năng thanh toán toàn bộ hoàn toàn có thể xảy ra.

1.3.3. Quản lý hàng hóa và xử lý hàng hóa thừa/thiếu sau kiểm kê:

Đối với lĩnh vực hoạt động SXKD chính như hiện nay của đơn vị là: Thi công xây lắp; Sản xuất và cung cấp Bê tông thương phẩm (hiện tại hoạt động SXKD về Bê tông đã tạm dừng hoạt động); kinh doanh dịch vụ Khách sạn nên nguyên vật liệu, vật tư... phục vụ cho các hoạt động trên chủ yếu được mua nhập về rồi xuất dùng theo yêu cầu việc theo dõi kiểm kê đồng thời xử lý các vấn đề thừa/thiếu sau kiểm kê (nếu có) đối với vật tư hàng hóa đều được thực hiện định kỳ và tuân thủ đúng và đầy đủ theo các Quy định hiện hành của Pháp luật như đã trình bày ở trên. Riêng đối với lĩnh vực kinh doanh Xi Măng; Tro bay và một số vật tư khác là một trong những mảng kinh doanh mới được khai thác tuy nhiên đây là hoạt động kinh doanh Thương mại các sản phẩm, vật tư hàng hóa trên đều được luân chuyển và trung chuyển từ đơn vị trực tiếp sản xuất tới đơn vị; khách hàng có nhu cầu mà do đơn vị làm đầu mối trung gian nên hiện chưa có phát sinh hàng tồn kho đối với lĩnh vực này.

1.3.4. Quản lý tài sản cố định (Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình):

Việc theo dõi đối với Tài sản cố định đơn vị đang áp dụng đúng và đầy đủ và được thực hiện theo các biểu mẫu đính kèm: Mẫu số: 18/BCKK-XLKD; Mẫu số:19/BCKK-XLKD (Quyết định số 2629/QĐ-XLKD ngày 10/10/2022) của Tổng công ty PETROCONS. Trong năm 2024 đơn vị đã trình hồ sơ quyết toán Dự án Khách sạn Dầu

khí Thái Bình chờ phê duyệt từ Đại hội đồng cổ đông. Trong năm đơn vị cũng ghi nhận bổ sung giá trị khi quyết toán với Ban điều hành NMNĐ Thái Bình 2 vào nguyên giá, đồng thời tiến hành khấu hao theo đúng quy định. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình theo dõi đối với công tác này đơn vị đều tuân thủ đúng và đầy đủ theo các Quy định đã trình bày ở trên.

1.3.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị có 03 Dự án gồm: (1) Dự án Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình hiện đã hoàn thành hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông Phê duyệt Quyết toán hoàn thành Dự án; (2) Đầu tư xây dựng 02 dây chuyền sản xuất Bê tông thương phẩm Trạm 90m³/h và trạm 60m³/h cũng đang trong quá trình thực hiện việc quyết toán Dự án hoàn thành; (3) Dự án xây dựng khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí rộng hơn 7,61 ha. Đơn vị đã chuyển giao cho Ban quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 (Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam) từ năm 2016 theo HĐ số: 0804/2016/IIE/BDTB2-PVCTB ngày 8/4/2016. Hiện tại Ban quản lý Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 còn nợ PVC-TB số tiền 4,45 tỷ đồng do 02 bên chưa hoàn thành xong hồ sơ thủ tục pháp lý để thanh quyết toán dứt điểm. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Thái Bình đang không chấp nhận một số khoản chi phí (khoảng 17 tỷ đồng) PVC-TB đã thực hiện, tiềm ẩn rủi ro về nguồn vốn và dòng tiền của đơn vị.

1.3.6. Trích lập dự phòng

Về công tác trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ đủ điều kiện để trích lập dự phòng được đơn vị theo dõi phản ánh đồng thời thực hiện đầy đủ trình tự theo các quy định nêu trên. Số đã trích lập dự phòng tại đơn vị thời điểm báo cáo so với đầu kỳ đã giảm 3,1 tỷ đồng (từ gần 24,54 tỷ đồng giảm xuống còn hơn 21,42 tỷ đồng).

1.3.7. Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

Việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước được đơn vị luôn chú trọng. Trong năm 2024 đơn vị đã thực hiện nộp ngân sách 17,84 tỷ đồng.

1.3.8. Phân phối lợi nhuận và việc trích lập/sử dụng các quỹ:

Đơn vị có kết quả hoạt động SXKD lỗ lũy kế nên việc trích lập và sử dụng các quỹ không thể thực hiện được.

1.3.9. Công tác quản lý các khoản chi phí

Về cơ bản, đơn vị đã thực hiện các khoản chi phí theo định mức được HĐQT phê duyệt. Tuy nhiên, Ban Kiểm soát đánh giá tỷ lệ chi phí giá vốn, chi phí quản lý/doanh thu vẫn ở mức cao. Đơn vị cần có các biện pháp tiết giảm hơn nữa các chi phí này để giảm lỗ, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn.

2. Nhận xét, đánh giá:

Báo cáo tài chính năm 2024 do Ban điều hành lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, ngoài phần “ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo đã phản ánh đầy đủ, trung thực trên các khía cạnh trọng yếu kết quả SXKD năm tài chính 2024 và tình hình tài chính của PVC-TB tại ngày 31/12/2024 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định khác về chế độ kế toán.

Ban kiểm soát cũng đồng thuận với “*Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*” đã nêu tại trang 5 Báo cáo kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, đồng thời nhận thấy rằng giá trị hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản 36,3 tỷ đồng nếu đủ điều kiện để trích lập dự phòng và giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang 33,67 tỷ đồng không thể thu hồi một phần hoặc toàn bộ thì sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của công ty.

Các yếu tố ngoại trừ trong Báo cáo tài chính của công ty do chưa ước tính được sự suy giảm giá trị (đối với hàng tồn kho) và chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng (đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang), do đó chưa đủ cơ sở để xử lý khắc phục. Vì vậy, Ban kiểm soát đánh giá Công ty có đủ cơ sở giải trình để Đại hội đồng cổ đông thông qua thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024.

III. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024 Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp 4 lần trong năm đồng thời duy trì việc xin ý kiến của các thành viên HĐQT bằng văn bản đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, đồng thời ban hành 57 Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác liên quan đến việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó HĐQT đã xây dựng chương trình kế hoạch chuẩn bị và tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên và ĐHCĐ bất thường năm 2024; tổ chức lấy ý kiến ĐHCĐ bằng văn bản thông qua việc ký kết hợp đồng với Tổng công ty mẹ PetroCons về việc thi công hạng mục kết cấu thép kho than số 3 – Dự án NMNĐ Thái Bình 2.

Các cuộc họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; các quy chế, quy định của Công ty đảm bảo tính cấp thiết, kịp thời trong hoạt động điều hành SXKD.

Trong các cuộc họp HĐQT mở rộng, HĐQT đã lắng nghe ý kiến của Ban điều hành, Ban kiểm soát. Các thành viên HĐQT đã thảo luận để đưa ra các quyết sách, định hướng cho hoạt động SXKD của công ty. HĐQT cũng thẳng thắn chỉ ra những vấn đề còn tồn tại cần khắc phục trong công tác điều hành của Ban giám đốc trên tinh thần hỗ trợ, tạo điều kiện cho Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD đã được ĐHCĐ thông qua. Cụ thể: Chỉ đạo tổ chức triển khai thi công hạng mục kết cấu thép kho than số 3 – Dự án NMNĐ Thái Bình 2 đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng theo Hợp đồng đã ký; Chỉ đạo tổ chức rà soát hồ sơ quyết toán Dự án hoàn thành đối với Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp Khách sạn Dầu khí Thái Bình; Cùng cố hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Khách sạn; Đơn đốc công tác quyết toán dự án Trạm trộn bê tông thương phẩm; Công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi công nợ hợp đồng số 52; Tìm kiếm, mở rộng nguồn việc gia tăng thu nhập cho Công ty,....

Hội đồng quản trị cơ bản đã giám sát và chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phân công nhiệm vụ, tuy nhiên đôi khi việc nắm bắt, trao đổi thông tin khác giữa các thành viên còn chưa kịp thời, thấu đáo dễ gây hiểu lầm ngoài ý muốn.

Trong năm 2024, ngoài một số yếu tố rủi ro đã trình bày ở trên, Ban Kiểm soát chưa nhận thấy có sự vi phạm nào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của HĐQT.

(Danh mục các Nghị Quyết, Quyết định và Văn bản khác của HĐQT tại Phụ lục đính kèm).

IV. Đánh giá công tác điều hành của Ban giám đốc:

Trong năm 2024, về cơ bản Ban Giám đốc Công ty đã hoạt động, điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được phân cấp, phân quyền. Ban giám đốc đã chủ động báo cáo, đề xuất, xin ý kiến HĐQT thông qua chủ trương các vấn đề, nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐQT trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặt khác Ban Giám đốc cũng phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, chi tiết đối với từng thành viên để việc điều hành SXKD được giải quyết một cách kịp thời, linh hoạt.

Nhìn chung, Ban giám đốc về cơ bản tuân thủ và thực hiện đúng theo Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT Công ty thông qua liên quan đến các hoạt động SXKD của đơn vị, định kỳ hàng tháng tổ chức họp giao ban kiểm điểm kết quả SXKD và đề ra các giải pháp thực hiện tiếp theo. Tuy nhiên, với kết quả SXKD trong các năm vừa qua nói chung và theo tình hình SXKD thực tế của đơn vị hiện nay thì chi phí Quản lý (Chi phí hành chính, tiếp khách, xăng xe...) như hiện nay đã được trình bày ở phần trên vẫn còn cao trong bối cảnh đơn vị còn nhiều khó khăn. Mặt khác, việc thực hiện một số hợp đồng kinh tế còn nhiều rủi ro tiềm ẩn về mặt pháp lý đã được Ban Kiểm soát đưa ra tại Kết luận kiểm tra số số 08/KLKT/BKS-PVCTB ngày 26/4/2024 cũng cần được lưu tâm, trong thời gian tới đòi hỏi Ban Giám đốc cần nỗ lực cải thiện hơn nữa trong công tác điều hành để nâng cao hiệu quả SXKD của đơn vị.

V. Đánh giá công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

Với mô hình hoạt động SXKD hiện tại, PVC-TB chưa có bộ phận thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Các phòng ban, đơn vị chức năng độc lập về mặt chuyên môn trong thực thi nhiệm vụ được giao, chưa có sự kiểm tra, giám sát chéo để kịp thời nhận diện rủi ro. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, đánh giá rủi ro của Công ty chưa đồng bộ và không xây dựng kế hoạch định kỳ. Các vấn đề phát sinh được xử lý theo từng vụ việc dẫn đến hiệu quả quản trị chưa cao.

VI. Đánh giá công tác phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc:

Giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty và các cổ đông theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ, các quy định pháp luật hiện hành. HĐQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát. Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, việc cung cấp các báo cáo, thông tin, tài liệu đôi khi còn chưa đáp ứng kịp thời theo yêu cầu và còn phải đôn đốc nhiều lần.

VII. Báo cáo đánh giá về các giao dịch giữa Công ty và Người có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp

Trong năm 2024 Công ty phát sinh 01 hợp đồng giao dịch với Người có liên quan là Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam – PetroCons (Công ty mẹ sở hữu

72,22% vốn điều lệ của PVC-TB) về việc: Mua sắm vật tư, gia công chế tạo, lắp đặt hoàn thiện kho than số 3 (không bao gồm cung cấp, lắp đặt bulong móng, cửa thép và vữa chèn chân cột) tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2, giá trị hợp đồng là 121,38 tỷ đồng. Công ty đã thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 32/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB ngày 05/3/2024.

Đối với các giao dịch khác, Ban Kiểm soát chưa nhận được được báo cáo danh sách những Người có liên quan của Công ty và giao dịch của họ với Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp nên chưa có cơ sở đánh giá toàn diện.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty:

Hiện nay, PVC-TB đang đối mặt với rất nhiều khó khăn đặc biệt về tài chính, áp lực thanh toán nợ quá hạn cho PVCombank, PVEP, PetroCons và các chủ nợ khác trong khi nguồn việc mới trong năm 2025 và các năm tiếp theo chưa có, bên cạnh các rủi ro pháp lý khi PVCombank đã khởi kiện ra tòa yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là Tổ hợp Khách sạn Dầu Khí Thái Bình. Để hạn chế rủi ro đến mức thấp nhất làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả SXKD đối với đơn vị trong hiện tại và định hướng phát triển thì ngoài những giải pháp đang được áp dụng, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cần được chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

- Đàm phán với Ngân hàng PVCombank về phương án xử lý tài sản đảm bảo là Tổ hợp Khách sạn Dầu Khí Thái Bình đảm bảo hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất cho Công ty và cổ đông.
- Hoàn thiện phương án tái cơ cấu sắp xếp lại tổ chức Công ty PVC-TB sau khi hoàn thành việc xử lý nợ tại PVCombank, giải quyết rốt ráo các vấn đề liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT/BGD; trình ĐHĐCĐ phê duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Xây dựng định hướng tái cơ cấu hoạt động SXKD trong ngắn hạn, trung hạn phù hợp với nguồn lực của đơn vị.
- củng cố công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, phân bổ chi phí theo đúng dòng tiền của từng hoạt động SXKD.
- Tích cực cùng với Ban QLDAĐLDKTB2 giải trình với UBND Tỉnh Thái Bình để bảo vệ giá trị đã đầu tư vào Dự án Khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí, tránh làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả SXKD của đơn vị
- Khẩn trương hoàn thành quyết toán Dự án trạm trộn bê tông thương phẩm và có phương án xử lý tài sản phù hợp.
- Tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ hơn trong công tác quản lý hợp đồng kinh tế, chi phí giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác, nâng cao hiệu quả SXKD. Đối với các khoản công nợ tồn đọng từ lâu, đơn vị cần có giải pháp quyết liệt để thu hồi vốn.
- Có giải pháp khắc phục ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Tiếp tục chủ động duy trì việc rà soát hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PVC-TB đang áp dụng để điều chỉnh/bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn; Việc ban hành các Nghị quyết; quyết định cần nhanh chóng kịp thời nhằm giúp cho việc điều hành SXKD được hiệu quả tối ưu nhất.

- Khẩn trương chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành việc thay đổi tên viết tắt của Công ty từ PVC THAI BINH JSC đổi thành PETROCONS THAI BINH theo các văn bản số 56/BB-ĐHĐCĐ-PVCTB và số 57/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB ngày 25/04/2022;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo thẩm quyền của HĐQT, Ban điều hành tuân thủ quy định của Pháp Luật hiện hành và các Quy chế, Quy định của Công ty.

IX. Kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với cổ đông lớn PetroCons

Để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho đơn vị trong năm 2025 và giai đoạn tiếp theo, Ban kiểm soát PVC-TB kiến nghị Tổng công ty PetroCons với vai trò là cổ đông lớn (chiếm 72,22% VDL của PVC-TB) xem xét, hỗ trợ đơn vị một số nội dung sau:

- Hỗ trợ, kiến nghị với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/Ban QLDA Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 hỗ trợ cho PVC-TB được tham gia một số gói thầu/công việc phục vụ công tác vận hành NMNĐ Thái Bình 2 phù hợp với điều kiện năng lực kinh nghiệm và lợi thế PVC-TB là đơn vị tại địa phương.

- Tổng công ty/Ban ĐHDA NMNĐ Thái Bình 2 sớm thanh toán nốt khoản công nợ còn lại cho PVC-TB từ việc thi công tại hạng mục kho than số 2&3 đã đủ điều kiện thanh toán và nghiệm thu/thanh toán các mốc còn lại của Hợp đồng số 52 và Hợp đồng số 02 để đơn vị sớm thu hồi vốn cho hoạt động SXKD.

- Về công tác tái cấu trúc tài chính: Kính đề nghị Tổng công ty hỗ trợ đàm phán cấp cao, đồng thời kiến nghị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ đơn vị trong việc đàm phán với Ngân hàng PVcomBank để thống nhất phương án tái cơ cấu khoản nợ của PVC-TB tại PvcomBank, hạn chế tối đa tổn thất cho đơn vị và phần vốn góp của Tổng công ty tại PVC-TB.

- Hỗ trợ, kiến nghị Tập đoàn xem xét, có ý kiến định hướng/giới thiệu để các đơn vị trong và ngoài ngành ưu tiên sử dụng dịch vụ của Khách sạn Dầu khí Thái Bình, dịch vụ lễ hành để tăng doanh thu cho Khách sạn.

- Tổng công ty xem xét chưa thu hồi mốc thanh toán cuối cùng (giá trị 40,8 tỷ đồng) của Hợp đồng thi công Khách sạn Dầu khí Thái Bình để PVC-TB có nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD các năm tiếp theo.

- Tổng công ty hỗ trợ kiến nghị Tập đoàn xem xét cùng với PVC-TB giải trình, bảo vệ trước UBND Thành phố Thái Bình về giá trị đã đầu tư vào Dự án Khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí theo giá trị PVC-TB đã bàn giao cho Tập đoàn, tránh ảnh hưởng đến dòng tiền SXKD của đơn vị.

- Kính đề nghị Tổng công ty/Ban TCKT tạo điều kiện hỗ trợ thực hiện gán trừ công nợ ba bên giữa Tổng công ty với các đơn vị mua bê tông của PVC-TB là: PVC Vinaconex, CN XLĐK Phía Bắc, Công ty IMICO.

PHẦN C: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Trong năm 2025, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc theo các nội dung được ĐHĐCĐ thông qua; Giám sát việc thực hiện, tuân thủ chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế của Công ty đã ban hành.
- Thẩm định các báo cáo kết quả SXKD của Công ty và Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và năm 2025;
- Tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và cuộc họp của HĐQT theo thông báo của Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc để kịp thời nắm bắt tình hình SXKD, công tác quản lý điều hành, đề xuất ý kiến đối với Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc (nếu cần);
- Giám sát việc ký kết và quản lý thực hiện các hợp đồng kinh tế;
- Kiểm tra giám sát sổ sách chứng từ kế toán và các tài liệu khác có liên quan (nếu cần);
- Phối hợp với Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc Công ty thành lập đoàn kiểm tra và thực hiện công tác kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết đối với Chi nhánh và đơn vị trực thuộc của Công ty;
- Tham gia phối hợp với đoàn kiểm tra cấp trên làm việc tại đơn vị (nếu có);
- Báo cáo đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của cổ đông theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát PVC-TB năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025. Ban Kiểm soát PVC-TB kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BKS PetroCons (để b/cáo);
- HĐQT, Ban GD, TV BKS;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Thị Chung

Số: /TTr-PVCTB

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024
và phương án chi trả tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT và BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 26/4/2024;

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 và phương án chi trả tiền lương, thù lao năm 2025, cụ thể như sau:

1. Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 (thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị : **605.019.104 đồng/năm**
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát : **108.882.917 đồng/năm**

2. Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025:

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chuyên trách: Thực hiện theo Quy chế trả lương của đơn vị phù hợp với Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với Người đại diện của Tổng công ty PETROCONS và hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị;

- Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách: Mức thù lao cụ thể như sau:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị:	3.500.000 đồng/tháng
+ Thành viên Hội đồng quản trị:	2.500.000 đồng/tháng
+ Trưởng Ban kiểm soát:	2.500.000 đồng/tháng
+ Thành viên Ban kiểm soát:	1.500.000 đồng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Lâm

TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

BẢNG QUYẾT TOÁN TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2024

TT	Họ và tên Người đại diện	Chức danh	Kế hoạch năm 2024 (đồng)	Thực hiện năm 2024 (đồng)	So sánh		Ghi chú
					So với kế hoạch		
					Số tiền	Tỷ lệ	
I	Hội đồng quản trị		616,200,000	605,019,104	(11,180,896)		
1	Trần Ngọc Lâm	Kiểm nhiệm Chủ tịch HĐQT	42,000,000	40,326,087	(1,673,913)	96.0%	
2	Hoàng Hữu Thành	Chuyên trách UV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	204,600,000	201,831,017	(2,768,983)	98.6%	
3	Phạm Đức Huy	Chuyên trách UV HĐQT	184,800,000	181,566,000	(3,234,000)	98.3%	
4	Đỗ Minh Tuấn	Chuyên trách UV HĐQT	184,800,000	181,296,000	(3,504,000)	98.1%	
6	Nguyễn Đức Anh	Kiểm nhiệm UV HĐQT	30,000,000	30,000,000	-	100.0%	
II	Ban kiểm soát		111,000,000	108,882,917	(2,117,083)		
1	Vương Tiến Dũng	Chuyên trách Trưởng ban KS	55,000,000	52,882,917	(2,117,083)	96.2%	Chuyên trách từ tháng 1-4/2024
2	Phạm Thị Chung	Kiểm nhiệm Trưởng ban KS	20,000,000	20,000,000	-	100.0%	Kiểm nhiệm từ tháng 5-12/2024
3	Trần Thị Thu Hà	Kiểm nhiệm TVBKS	18,000,000	18,000,000	-	100.0%	
4	Vũ Thị Châm	Kiểm nhiệm TVBKS	18,000,000	18,000,000	-	100.0%	
	Tổng cộng		727,200,000	713,902,021	(13,297,979)		

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG/THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

TT	Họ và tên Người đại diện	Chức danh	Hệ số lương		Mức phụ cấp				Qticb (1.000đ)	Qticd (1.000đ)	Qpc (1.000đ)	Qtlbs (1.000đ) (01 tháng)	Qtikh (1.000đ)	Ghi chú
			Lương cơ bản (1.000đ)	Lương chức danh (1.000đ)	Hệ số phụ cấp cơ bản	Phụ cấp thu hút (%)	Phụ cấp kiểm nhiệm (1.000đ)	Thưởng an toàn (1000 đ)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
I	Hội đồng quản trị								522,000	52,200	-	-	604,200	
1	Trần Ngọc Lâm	Chủ tịch HĐQT					3,500						42,000	
2	Hoàng Hữu Thành	Chuyên trách UV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	15,500	1,550					186,000	18,600			204,600	
3	Phạm Đức Huy	Chuyên trách UVHĐQT	14,000	1,400					168,000	16,800	-		184,800	
4	Đỗ Minh Tuấn	Chuyên trách UVHĐQT	14,000	1,400					168,000	16,800			184,800	
5	Nguyễn Đức Anh	Kiểm nhiệm UVHĐQT					2,500						30,000	
II	Ban kiểm soát							-	-	-	66,000	-	66,000	
1	Phạm Thị Chung	Kiểm nhiệm Trưởng ban KS					2,500				30,000		30,000	
2	Trần Thị Thu Hà	Kiểm nhiệm TVBKS					1,500				18,000		18,000	
3	Vũ Thị Châm	Kiểm nhiệm TVBKS					1,500				18,000		18,000	
	Tổng cộng (I+II)								522,000	52,200	66,000	-	670,200	

Số: /TTr-PVCTB

Thái Bình, ngày tháng 04 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình đã thông qua lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Công ty.

(Có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Lâm

Số: /TTr-PVCTB

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình đã được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua ngày 26/4/2024;

Để đảm bảo tính cạnh tranh, minh bạch và tính thống nhất cho công tác kiểm toán cũng như ý kiến đưa ra trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 là một trong ba đơn vị sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt lựa chọn một trong ba đơn vị trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025, soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình. Trong trường hợp không ký kết được hợp đồng kiểm toán với một trong ba Công ty nêu trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng quy định, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, BKS.

**TM . BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Thị Chung

Số: /BC-PVCTB

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Về việc: Ký kết và triển khai thực hiện Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONS-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/3/2024 tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/10/2021;

Căn cứ Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 số 9256/HĐ-DKVN ngày 11/10/2011 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONS-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/3/2024 giữa Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) và Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB) về việc: Mua sắm vật tư, gia công chế tạo, lắp đặt hoàn thiện kho than số 3 (không bao gồm cung cấp, lắp đặt bulong móng, cửa thép và vữa chèn chân cột) tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 02/2024);

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình;

Thực hiện nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến Hợp đồng số 02; Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông một số nội dung như sau:

A. Thông qua việc ký kết các Phụ lục bổ sung của Hợp đồng số 02, cụ thể:

I. Phụ lục bổ sung số 01 ký ngày 05/04/2024.

1: Bổ sung tài khoản thanh toán ngân hàng của Bên Nhà thầu – Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình tại Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONS-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/03/2024 như sau:

- Tài khoản thanh toán tại Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONS-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/03/2024:

Tài khoản số: 100000775465 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân – CN Thái Bình.

- Tài khoản thanh toán tại Phụ lục bổ sung số 01 của Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONS-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/03/2024:

+ Tài khoản số 01: 100000775465 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân – Chi Nhánh Thái Bình.

+ Tài khoản số 02: 8660020271 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Hà Đông.

2: Bổ sung Điều 35 - Tạm ứng thuộc mục I – Điều kiện chung của hợp đồng thuộc Phần 2 - Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng của Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONs-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/03/2024 như sau:

“35.4. Để giảm thiểu chi phí tài chính cho Nhà thầu, Tổng thầu chấp thuận việc bảo lãnh tiền tạm ứng như sau:

- Nhà thầu phụ/Nhà cung cấp của Nhà thầu mở bảo lãnh tạm ứng trực tiếp cho Tổng thầu, đồng thời, Tổng thầu sẽ chuyển tiền tạm ứng trực tiếp cho Nhà thầu phụ/Nhà cung cấp của Nhà thầu. Số tiền mà Tổng thầu chuyển cho Nhà thầu phụ/Nhà cung cấp của Nhà thầu coi như là số tiền tạm ứng mà Tổng thầu tạm ứng cho Nhà thầu.

- Nhà thầu có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nợ được hai Bên xác nhận để làm bảo lãnh tiền tạm ứng.”

II. Phụ lục bổ sung số 02 ký ngày 30/05/2024.

Bổ sung Điều 4 – Bảo lãnh thực hiện hợp đồng thuộc mục II – Điều kiện cụ thể của hợp đồng thuộc Phần 2 - Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng của Hợp đồng số 02/2024/HĐKT/PETROCONs-PVCTB/KCTKT3 ngày 05/03/2024 như sau:

Nhà thầu có thể sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nợ đã được xác nhận giữa Tổng thầu và Nhà thầu để làm Bảo đảm thực hiện Hợp đồng thay thế cho một phần hoặc toàn bộ Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng miễn là tổng giá trị của Bảo đảm thực hiện Hợp đồng được duy trì 2% giá trị Hợp đồng (bao gồm VAT) theo các quy định của Hợp đồng.

III. Phụ lục bổ sung số 03 ký ngày 30/08/2024.

1. Bổ sung phạm vi công việc Cung cấp và lắp đặt cửa thép tại Điều 2. Đối tượng hợp đồng và Phụ lục 05: Phạm vi công việc, Mục 1. Phạm vi công việc của nhà thầu. Giảm trừ phạm vi công việc Cung cấp và lắp đặt cửa thép tại Phụ lục 05. Phạm vi công việc, Mục 2. Phạm vi công việc của tổng thầu:

- Bổ sung phạm vi công việc Cung cấp và lắp đặt cửa thép tại Điều 2. Đối tượng hợp đồng và Phụ lục 05: Phạm vi công việc, Mục 1. Phạm vi công việc của nhà thầu với khối lượng như sau:

+ Cửa trượt 2 cánh DT1 (cửa thép, KT4000x4700): 04 cái.

+ Cửa mở 2 cánh DT2 (cửa thép, KT1500x2200): 06 cái.

+ Cửa mở 1 cánh DT3 (cửa thép, KT900x2200): 01 cái.

- Giảm trừ phạm vi công việc Cung cấp và lắp đặt cửa thép tại Phụ lục 05. Phạm vi công việc, Mục 2. Phạm vi công việc của tổng thầu.

2. Giá trị phạm vi công việc bổ sung tại mục 1:

- Giá trị phạm vi công việc bổ sung trước thuế: 340.200.000 VND.

- Thuế GTGT 10%: 34.020.000 VND.

- Tổng giá trị phạm vi công việc bổ sung sau thuế: **374.220.000 VND.**

(Bằng chữ: ba trăm bảy mươi tư triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Điều chỉnh Điều 6. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán, khoản 1. Giá hợp đồng:

Điều chỉnh giá trị hợp đồng như sau:

- Giá trị hợp đồng trước khi điều chỉnh (đã bao gồm thuế GTGT): 121.013.432.100 VND.
- Giá trị phạm vi công việc bổ sung tại mục 1 (đã bao gồm thuế GTGT): 374.220.000 VND.
- Giá trị hợp đồng sau khi điều chỉnh (đã bao gồm thuế GTGT): **121.387.652.100 VND.**

4. Bổ sung mốc thanh toán tại Phụ lục 3 của Hợp đồng – Mốc thanh toán và giá trị mốc thanh toán cho phần công việc bổ sung:

Mốc thanh toán 10.50 - Hoàn thành cung cấp và lắp đặt cửa thép.

Giá trị Mốc thanh toán 10.50 - Hoàn thành cung cấp và lắp đặt cửa thép là **340.200.000 VNĐ** (giá trị trước thuế).

5. Tiến độ thực hiện phạm vi công việc bổ sung tại mục 1: Không điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.

Công tác Gia công cửa thép cho kho than số 3 dự kiến thực hiện cùng thời gian của công tác Hàn, nghiệm thu hoàn thiện kết cấu thép từ trục 25-38 và ray tời. Công tác đóng gói, giao hàng cửa thép dự kiến thực hiện cùng thời gian của Công tác Đóng gói và giao hàng KCT từ trục 25-38 và ray tời. Công tác lắp đặt cửa thép thực hiện cùng thời gian công tác Hoàn thành thi công kết cấu thép.

Hiện nay, PVC-TB đã thi công xong và ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng ngày 05/03/2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, HĐQT,

TRẦN NGỌC LÂM

Số: /BC-PVCTB

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về việc: Tình hình triển khai thực hiện Hợp đồng số 52/2014/HĐKT/PVC_PVCTB-PVSD-CCU ngày 01/10/2014 tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB) được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 28/10/2021;

Căn cứ Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 số 9256/HĐ-DKVN ngày 11/10/2011 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Hợp đồng số 52/2014/HĐKT/PVC_PVCTB-PVSD-CCU ngày 01/10/2014 về việc “Thiết kế, lập dự toán, cung cấp lắp đặt kết cấu thép và thi công xây dựng 03 kho than kín - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2” giữa Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Liên danh Nhà thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà, Công ty TNHH tư vấn Đại học Xây dựng (Hợp đồng số 52) và các Phụ lục hợp đồng số 01 đến 21;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB ngày 26/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình;

Thực hiện nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến Hợp đồng số 52; Đến thời điểm hiện tại PVC-TB đã ký biên bản nghiệm thu 02 kho than số 2&3. Hiện nay, PVC-TB đang tiếp tục bám sát, đề nghị Chủ đầu tư và Tổng thầu hỗ trợ về cơ chế, về tài chính, thanh toán công nợ tồn đọng, tháo gỡ thủ tục nghiệm thu, thanh toán quyết toán của Hợp đồng số 52/2014. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, có thể phát sinh liên quan đến tài chính, hình thức thanh toán, giá trị Hợp đồng số 52/2014. Vì vậy, để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị PVC-TB quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến Hợp đồng số 52 và sẽ báo cáo kết quả tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, HĐQT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Lâm

Số: /TTr-HĐQT

Thái Bình, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng Công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình

Căn cứ:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định số 830/QĐ-TDKT ngày 15/4/2010 của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình;
- Quyết định số 1178/QĐ-TDKT ngày 10/6/2010 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể Dự án Đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình;
- Nghị quyết số 1304/NQ-XLTK ngày 15/12/2010 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam phê duyệt phương án tiếp nhận và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Du lịch Dầu khí Thái Bình (PVEP Thái Bình) thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB);
- Hợp đồng số 41/2010/HDKT/PVC-PVEP ngày 29/12/2010 Giữa Công ty TNHH MTV Du lịch Dầu khí Thái Bình và Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí Việt Nam về việc chuyển nhượng Dự án đầu tư Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí Việt Nam cho Công ty TNHH MTV Du lịch Dầu khí Thái Bình;
- Quyết định số 49/QĐ-XLTK ngày 17/01/2011 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chuyển đổi Công ty TNHH MTV Du lịch Dầu khí Thái Bình thành công ty cổ phần;
- Nghị quyết số 452/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/12/2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty PVC-TB phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình;
- Quyết định số 461A/QĐ-HĐQT-PVCTB ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư xây dựng dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình;

- Quyết định số 07/QĐ-PVCTB ngày 17/01/2012 của Công ty PVC-TB về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và Tổng dự toán thiết kế xây dựng công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình;
- Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng Khối khách sạn ngày 04/01/2013;
- Quyết định số 43/QĐ-HĐQT-PVCTB ngày 14/10/2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình về phê duyệt dự toán bổ sung;
- Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình năm 2020 của Chủ đầu tư - Công ty PVC-TB;
- Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-ĐHĐCĐ-PVCTB ngày 28/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định số 95/QĐ-PVCTB-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty PVC-TB về việc phê duyệt giá trị Quyết toán Hợp đồng chìa khóa trao tay số 20/2010/KSDKTB/PVEP-PVC ngày 13/7/2010;
- Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/2/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;
- Báo cáo số 07/KTBCXD/2020 ngày 15/7/2020 của Công ty TNHH kiểm toán và định giá Hồng Hà về việc báo cáo kiểm toán độc lập quyết toán dự án hoàn thành công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình;
- Báo cáo số 603/VKT-BĐS ngày 26/3/2024 của Viện Kinh tế Xây dựng về việc kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình (Báo cáo 603/VKT-BĐS);
- Báo cáo hiệu chỉnh số 2351/VKT-BĐS ngày 07/11/2024 của Viện Kinh tế Xây dựng về việc kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành của Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình (Báo cáo 2351/VKT-BĐS),
- Tờ trình số 516/TTr-PVCTB ngày 19/11/2024 của Giám đốc Công ty trình Hội đồng quản trị về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng Công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình.

Trên cơ sở báo cáo tại Tờ trình số 516/TTr-PVCTB ngày 19/11/2024 của Giám đốc Công ty. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua quyết toán dự án hoàn thành Dự án đầu tư xây dựng Công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình, chi tiết như sau:

STT	Khoản mục chi phí	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán theo báo cáo quyết toán của chủ đầu tư	Kết quả kiểm toán	Kết quả thẩm tra	Giá trị đề nghị quyết toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	9.594.155.819	8.046.816.053	8.046.816.053	8.046.816.053	8.046.816.053
2	Chi phí xây dựng	420.127.835.608	401.487.958.703	396.924.854.438	396.924.854.438	396.924.854.438
3	Chi phí thiết bị	106.241.383.833	99.900.284.080	99.900.284.080	99.900.284.080	99.900.284.080

4	Chi phí QLDA	6.669.098.010	6.481.636.330	6.481.636.330	6.288.136.155	6.288.136.155
5	Chi phí tư vấn	19.390.819.425	17.559.848.614	17.559.848.614	17.753.348.789	17.753.348.789
6	Chi phí khác	6.873.119.358	3.418.525.068	3.400.712.068	3.386.125.668	3.386.125.668
7	Chi phí phát sinh khác	-	19.701.935.512	19.701.935.512	19.701.935.512	19.701.935.512
8	Chi phí dự phòng	28.444.820.603		-	-	-
9	Chi phí hỗ trợ tỉnh Thái Bình	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
	Tổng cộng	637.341.232.655	596.597.004.360	592.016.087.095	592.001.500.695	592.001.500.695

(Chi tiết theo các Biểu mẫu đính kèm)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét, đánh giá và thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Lâm

TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN
(Tính đến ngày khoá sổ lập Báo cáo quyết toán)

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị A-B chấp nhận thanh toán (sau thuế)	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Đã thanh toán, tạm ứng, bù trừ	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
							Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4			5	6	7	8
	Tổng số		592,001,500,695	548,185,181,213	43,816,319,482	502,862,716,983	157,196,149,623		
1	PVC	HĐ Số 20/2010/KSDKTB/PVEP-PVC: Lập dự án , thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng Công trình KSDKTB	487,123,595,865	446,573,081,549	40,550,514,316	446,270,785,053	40,852,810,812		đã bao gồm tiền PVEP ứng trước
		Trong đó: * PVCTB				376,350,432,692			
		* PVEP đã ứng trước				69,920,352,361			
2	Cty CP tư vấn XD Đầu tư Dầu khí	HĐ Số 01/2010/KSDKTB/PVEP-NPMB và Phụ lục số 05: Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Quản lý Dự án Công trình KSDK TB	7,925,055,971	7,204,596,337	720,459,634	7,925,055,971			
		Trong đó: *PVC Thái Bình thanh toán	6,062,069,521	5,510,972,292	551,097,229	6,062,069,521			
		* PVEP Thanh toán (HĐ số 41/2010/HĐKT/PVC-PVEP)	1,862,986,450	1,693,624,045	169,362,405	1,862,986,450			
3	Tổng Cty TV XD Việt Nam	HĐ Số 33/TVXD/VNCC/2011: Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và tổng Dự toán Công trình: Khách sạn Dầu khí Thái Bình	573,054,368	520,958,516	52,095,852	573,054,368	-	-	
4	CTY CP Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long	HĐ Số 08/2011/KTCL/CTTL: Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng CTXD Công trình: KSDK TB	1,536,559,000	1,396,871,818	139,687,182	1,536,559,000	-	-	
5	PVI	HĐ C20/11/00/04/XDLLD/BC0020: bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng lắp đặt	583,849,871	530,772,610	53,077,261	583,849,871	-	-	
6	Công ty CP Thiết kế và XD Đất Phúc	HĐ Số 42/2011/HĐTK/PVCTB: Thiết kế Khu Spa thuộc Công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	132,000,000	120,000,000	12,000,000	132,000,000	-	-	
7	CTY CP Sáng tạo Mắt bảo	HĐ 0056/2011/HĐKT/PVCTB-MB: Thiết kế logo KSDKTB	11,000,000	10,000,000	1,000,000	11,000,000	-	-	
8	Cty CP Sông Hàn	HĐ 23A/2011/HĐTV/PVVCTB-SH: Thiết kế KT, thi công và lập tổng dự toán công trình điện	111,388,000	101,261,818	10,126,182	111,388,000	-	-	
9	Cty Điện lực Thái Bình	HĐ số 17/HĐKT: nghiệm thu việc khảo sát thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán hạ ngầm tuyến điện từ THĐ-Lý Bôn	31,057,984	28,234,531	2,823,453	31,057,984	-	-	
10	CTCP ĐT XD Điện TSD	HĐ số 39/2012/HĐTC/PVCTB-TSD: Thi công hạ ngầm tuyến điện THĐ-LB	819,312,000	744,829,091	74,482,909	819,312,000	-	-	
11	Cty CP Đức Thái	HĐ số 25/2012 HĐTC/PVCTB-Đứcthai: Thi công nội thất Spa KSDKTB	11,182,494,000	10,165,903,636	1,016,590,364	11,182,494,000	-	-	
		Trong đó : * giá trị quyết toán	11,628,500,000						
		giảm trừ do thanh lý ghế	446,006,000						
12	Cty CPPT Mêkông	HĐ số 40/2012/HĐTC/PVCTB-MK: Thi công, lắp đặt hạng mục vách kính trong và ngoài mái kính lối đi xuống tầng hầm	2,258,854,653	2,053,504,230	205,350,423	2,258,854,653	-	-	
13	CTy TNHH TM và DV Nguyễn Dũng	HĐ số 42/2012/HĐTC/PVCTB-ND: Thi công sân Tennis	2,061,608,000	1,874,189,091	187,418,909	2,061,608,000	-	-	

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị A-B chấp nhận thanh toán (sau thuế)	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Đã thanh toán, tạm ứng, bù trừ	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
							Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4			5	6	7	8
14	Cty CP Phú Thành	HĐ số 41/2012/HĐTC/PVCTB-Phuthanh: Cung cấp và thi công hệ thống đèn Led KSDKTB	111,650,000	101,500,000	10,150,000	111,650,000	-	-	
15	CT CP TV PVCHB	HĐ số 24/2012/HĐKT/PVCTB-PVCHB: Thiết kế nội thất SPA	346,031,800	314,574,364	31,457,436	346,031,800	-	-	
16	CT TNHH Đồng Xanh Việt	HĐ số 45/2012/HĐKT/PVCTB-ĐXV: Mua chậu hoa cây cảnh trang trí KSDKTB	215,000,000	195,454,545	19,545,455	215,000,000	-	-	
17	Cty CP bảo hiểm Viễn Đông- CN Hải Phòng	HĐ số 12/08/DD/01/K1/0295: HĐBH cháy và các rủi ro phụ CT KSDKTB	121,000,000	110,000,000	11,000,000	121,000,000	-	-	
18	CTNNH SVC Minh Đức	HĐ số 44/2012/HĐKT/PVCTB-MD: Mua cây cảnh phục vụ ct KSDKTB	32,300,000	29,363,636	2,936,364	32,300,000	-	-	
19	Cty nước sạch Thái Bình	Thi công đường cấp nước ngoài nhà KSDKTB	58,619,000	53,290,000	5,329,000	58,619,000	-	-	
20	Công ty CPĐT và Dịch vụ Tm Tin Nghĩa Á Châu	HĐ số 77/2012/HĐKT/PVCTB-TNAC: cung cấp, lắp đặt và thi công hạng mục thiết bị bổ sung KSDKTB	314,437,000	285,851,818	28,585,182	314,437,000	-	-	
21	Công ty TNHH Kiểm toán Hồng Hà	HĐ số 28A/2012/HĐKT/PVCTB-HHAuditing: Kiểm toán BCQT dự án hoàn thành CTKSDKTB	1,034,500,000	940,454,545	94,045,455	1,034,500,000	-	-	
22	CTY TNHH TIẾN PHÁT	HĐ số 77/2011/HĐXL/PVCTB-TIENPHAT: Thi công đường cống thoát nước và vỉa hè CTKSDKTB	1,626,186,000	1,478,350,909	147,835,091	1,626,186,000	-	-	
23	CT Phú Đại dương	HĐ số 28/2012/HĐKT/PVCTB-PDD: Mua cây cảnh phục vụ ct KSDKTB	239,082,000	217,347,273	21,734,727	239,082,000	-	-	
24	CT TNHH ĐT TM Khánh huyền	HĐ số 01/2012/HĐKT/PVCTB-KH: Mua chậu hoa, cây cảnh phục vụ ct KSDKTB	380,000,000	345,454,545	34,545,455	380,000,000	-	-	
25	CT CP Sông Hàn	HĐ số 33A/2012/HĐTVGS/PVCTB-SHTVGS : thi công XD hạ cấp ngầm tuyến điện từ TBA Giao tế đến ngã tư THĐ	21,168,000	19,243,636	1,924,364	21,168,000	-	-	
26	CTY CPTVĐTXD & TM Nam Bình	HĐ số 30/2014/HĐTT/PVCTB-NBTVTT: dự toán các hạng mục bổ sung, điều chỉnh KL trong tổng DT và DT các hạng mục phát sinh DAKSDKTB	35,160,000	31,963,636	3,196,364	35,160,000	-	-	
27	Nhà khách sông Trà	HĐ số 46/2011/HĐKT: Thuê hội trường phục vụ đào tạo khối KS	31,500,000	31,500,000	-	31,500,000	-	-	
28	CTY CP DV bảo vệ An Ninh	HĐ số 51A/2011/HĐKT: Huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ KS	29,240,000	26,581,818	2,658,182	29,240,000	-	-	
29	Trường ĐHTM Hà Nội	HĐ số 45/2011/HĐKT: Đào tạo nghiệp vụ khối khách sạn	98,000,000	98,000,000		98,000,000	-	-	
30	NH Nông nghiệp TP. Thái Bình	HĐ số 05/HĐTVP: Thuê hội trường phục vụ đào tạo khối KS	10,000,000	9,090,909	909,091	10,000,000	-	-	
31	Công ty CP Dịch vụ thương mại và Du lịch Ngõng Vàng	HĐ số 54A/2012/HĐĐT/PVCTB-NV: Đào tạo nghiệp vụ khối KS	151,813,200	138,012,000	13,801,200	151,813,200	-	-	
32	Nguyễn Thị Thúy Vân	Chi phí nấu thử, pha thử đồ uống	39,512,000	37,867,000	1,645,000	39,512,000	-	-	
33	Phạm Thế Hùng	Chi phí đào tạo thực tế tại khách sạn Daewoo HN	47,949,997	43,618,271	4,331,726	47,949,997	-	-	
34	Phạm Thế Hùng	Chi phí hỗ trợ học viên tham gia đào tạo	223,210,000	223,210,000		223,210,000	-	-	
35	Vũ Xuân Cường	chi phí đào tạo tại SDKK	45,750,600	44,717,137	1,033,463	45,750,600	-	-	
36	Công ty điện lực Thái Bình	Trả tiền điện phục vụ công trình ks đến 25/1/13	1,466,713,334	1,333,375,758	133,337,576	1,466,713,334	-	-	
37	Tổng CT Thẩm Dò Khai Thác Dầu khí (PVEP)	HĐ Số 41/2010/HĐKT/PVC-PVEP: Chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình.	115,973,338,811	45,866,351,318	186,635,132	-	115,973,338,811		

Số TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị A-B chấp nhận thanh toán (sau thuế)	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Đã thanh toán, tạm ứng, bù trừ	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
							Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4			5	6	7	8
		Trong đó:* giá trị PVEP đã tạm ứng cho dự án	69,920,352,361						khoản này gán trừ vào giá trị tạm ứng của PVC
		* Hỗ trợ Tỉnh TB	44,000,000,000	44,000,000,000					
		*CPTV giai đoạn chuẩn bị đầu tư	1,862,986,450	1,693,624,045	169,362,405				
		*Chi phí thi tuyển kiến trúc	190,000,000	172,727,273	17,272,727				
38	PVCTB	Chi phí đầu tư từ giai đoạn chuẩn bị	8,378,830,231	8,378,830,231		8,378,830,231	-	-	
		Trong đó: * chi phí quản lý	332,014,178	332,014,178		332,014,178			
		* chi phí phát sinh khác	8,046,816,053	8,046,816,053		8,046,816,053			
39	PVCTB	Chi phí lãi vay đến 30/6/13	8,865,715,867	8,865,715,867		8,865,715,867	-	-	
40	PVCTB	Chi phí QL của đơn vị đến 30/6/13	1,435,408,528	1,434,988,154	420,374	1,435,408,528	-	-	
41	PVCTB	Chi phí chạy thử năm 2012+ 6 tháng năm 2013	5,369,506,311	5,369,506,311		5,369,506,311	-	-	
42		Lệ phí trước bạ	500,000,000	500,000,000		500,000,000			
43	Viện kinh tế - Bộ Xây dựng	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	370,000,000	336,363,636	33,636,364	-	370,000,000		

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI SẢN DÀI HẠN (TÀI SẢN CỐ ĐỊNH) MỚI TĂNG

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản; Quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Tổng nguyên giá	Ngày đưa TSDH vào sử dụng	Nguồn vốn đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số				548,185,181,213		
1	Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Công trình	1	548,185,181,213	548,185,181,213	6/30/2013	Vốn vay và vốn tự có

Mẫu số: 05/QTDA

HĨA VIỆT NAM

h phúc

Đơn vị: đồng

Đơn vị tiếp nhận sử dụng
9
Khách sạn Dầu khí Thái Bình

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)

THÔNG TIN DỰ ÁN		
Mã dự án		
Tên dự án	Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
Tên dự án thành phần, tiểu dự án (nếu có)		Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
Tên công trình, hạng mục công trình hoàn thành (nếu có)		Giá trị dự toán được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối
Các quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt điều chỉnh dự án	Theo Quyết định 461a/QĐ-HĐQT-PVCTB ngày 31/12/2011 của HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Cơ quan thẩm tra quyết toán
Cấp quyết định đầu tư	Hội đồng thành viên Tổng công ty Thăm dò khai thác Dầu khí	Chủ đầu tư
Nguồn vốn	Vốn vay và vốn tự có	Tên cơ quan cho vay, thanh toán
Đơn vị tiếp nhận sử dụng	Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Ngày đưa vào sử dụng
THÔNG TIN CÁC CÁ NHÂN THUỘC ĐƠN VỊ		
Giám đốc/Thủ trưởng	Hoàng Hữu Thành	Kế toán trưởng
Người lập biểu	Nguyễn Thị Phụng	Địa điểm, ngày lập báo cáo

H

638,112,023,000
Viện Kinh tế - Bộ Xây dựng
Công ty CP đầu tư và thương mại Dầu khí Thái Bình
Ngân hàng SHB - Chi nhánh Lê Thanh Nghị; Vốn vay Ngân hàng Tiên Phong- chi nhánh Hải Phòng
6/30/2013
Vũ Thị Lượ
Ngày/...../....., số 458, phố Lý Bôn, Phường Đề Thám, TP Thái Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Khách sạn Dầu khí Thái Bình
- Giá trị tổng mức đầu tư được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối: **638,112,023,000 (đồng)**

I. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư điều chỉnh lần cuối	Thực hiện	
			Kế hoạch	Đã thanh toán
1	2	3	4	5
	Tổng số	638,112,023,000	592,001,500,695	502,389,379,846
	- Vốn vay trong nước		57,977,062,600	57,977,062,600
	Ngân hàng TMCP Tiên phong, CN Hải Phòng		57,977,062,600	57,977,062,600
	- Vốn góp chủ sở hữu		418,051,099,284	328,438,978,435
	- Vốn khác(PVEP)		115,973,338,811	115,973,338,811

II. Tổng hợp chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối	Giá trị đề nghị quyết toán	Tăng, giảm so với dự án (dự toán công trình, hạng mục công trình) được duyệt
1	2	3	4	5=4-3
	Tổng số	637,341,232,655	592,001,500,695	-45,339,731,960
1	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC	9,594,155,819	8,046,816,053	-1,547,339,766
2	Xây dựng	420,127,835,608	396,924,854,438	-23,202,981,170
3	Thiết bị	106,241,383,833	99,900,284,080	-6,341,099,753
4	Quản lý dự án	6,669,098,010	6,288,136,155	-380,961,855
5	Tư vấn	19,390,819,425	17,753,348,789	-1,637,470,636
6	Chi khác	6,873,119,358	3,386,125,668	-3,486,993,690
7	Chi phí phát sinh khác	0	19,701,935,512	19,701,935,512
8	Dự phòng	28,444,820,603	0	-28,444,820,603
9	Hỗ trợ tỉnh Thái Bình	40,000,000,000	40,000,000,000	0

III. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

- 1 Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: (không có)
- 2 Chi phí không tạo nên tài sản: (không có)

IV. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nhóm	Giá trị tài sản (đồng)
1	2	3
	Tổng số	548,185,181,213
1	Tài sản dài hạn (cố định)	548,185,181,213
2	Tài sản ngắn hạn	

V. Thuyết minh báo cáo quyết toán:

1. Tình hình thực hiện dự án:

Những thay đổi nội dung của dự án so với quyết định đầu tư được duyệt:

- + Thay đổi về thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán được phê duyệt theo Quyết định số 461a/QĐ-HĐQT-PVCTB ngày 31/12/2011

2. Nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện dự án:

- Chấp hành quy trình, thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.
- Công tác quản lý vốn, tài sản trong quá trình đầu tư đảm bảo yêu cầu.

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)
1	2	3	4	5
I	Văn bản pháp lý	Số	Ngày tháng	
1	V/v: Triển khai thực hiện Thỏa thuận đầu tư giữa PVN và UBND tỉnh Thái Bình.	2563/KH		
2	V/v phê duyệt chủ trương tiếp nhận Khách sạn Du lịch Thái Bình	1965/NQ-DKVN	24/03/2009	PVN
3	Thông báo Kết luận của Chủ tịch HĐQT PVN về tiến độ triển khai các Dự án XD	6796/TB-DKVN	9/4/2009	PVN
4	v/v chuyển giao Công ty khách sạn du lịch Thái Bình về tập đoàn dầu khí VN	3332-VPCP-DMDN	25/05/2009	Văn phòng chính phủ
5	NQ v/v Chấp thuận để PVEP cử quản ngại gói thầu "Tur vấn đầu tư xây dựng và quản lý dự án"thuộc Dự án xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình	8889/QĐ-DKVN	11/6/2009	PVN
6	QĐ v/v chuyển Công ty Du lịch khách sạn Thái Bình về Tập đoàn Dầu khí VN	1293/QĐ-UBND	16/06/2009	UBND tỉnh Thái Bình
7	QĐ v/v tiếp nhận Công ty Du lịch khách sạn Thái Bình từ UBND tỉnh TB làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1793/QĐ-DKVN	16/06/2009	PVN
8	QĐ v/v tiếp nhận Công ty Du lịch khách sạn Thái Bình làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1395/QĐ-TDKT	26/06/2009	PVEP
9	Văn bản v/v tham gia ý kiến về vấn đề môi trường của dự án	223/STNMT-CCBVMT		Sở TNMT Thái Bình
10	Thỏa thuận đầu tư giữa PVN và UBND tỉnh TB về nâng cấp Khách sạn du lịch TB xây dựng tổ hợp KS, VP, TTTM tiêu chuẩn 4 sao		8/5/2009	PVN, UBND tỉnh TB
11	Chứng chỉ quy hoạch	347/SXD-QH	14/09/2009	Sở Xây dựng Thái Bình
12	QĐ v/v Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và Hồ sơ yêu cầu gói thầu "Tur vấn đầu tư xây dựng và quản lý dự án"thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình	2517/QĐ-TDKT	13/11/2009	PVEP
13	QĐ v/v phê duyệt Phương án TK kiến trúc Mã số 001AC của Liên danh CODINACHS Architects và viện khoa học Công nghệ Xây dựng Việt Nam làm phương án thiết kế của Dự án đầu tư xây dựng KS Thái Bình	2707/QĐ-TDKT	16/12/2009	PVEP
14	Thông báo KL của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại cuộc họp về việc kế hoạch triển khai dự án	340/TB-DKVN	13/1/2010	PVN
15	Báo cáo thẩm định v/v phê duyệt KH đấu thầu các gói thầu triển khai trước của Dự án đầu tư xây dựng KSDKTB	04/TTĐ-KSDKTB	3/9/2010	
16	V/v: Thẩm duyệt về PCCC	36/CV-PCCC	19/3/2010	
17	V/v: Thỏa thuận cấp nước cho dự án - KSDK TB	235/CV-NS	23/3/2010	Công ty CP nước sạch Thái Bình
18	V/v: Thỏa thuận cấp điện cho dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình	634/ĐTĐB-P9	25/3/2010	Điện lực Thái Bình
19	V/v: Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở Dự án KSDK TB	31/SXD-QLXD	30/3/2010	Sở Xây dựng Thái Bình
20	V/v: Thỏa thuận thoát nước cho dự án Khách sạn	139/MTĐT	31/3/2010	Môi trường đô thị
21	Giấy phép xây dựng	24/GPXD	19/4/2010	UBND tỉnh Thái Bình
22	QĐV/v phê duyệt KQ đánh giá gói thầu "Lập dự án đầu tư, tk,ccvtr thiết bị và thi công xây dựng công trình"thuộc Dự án đầu tư xd KSDKTB	1335/QĐ-TDKT	7/5/2010	PVEP
23	NQ v/v Chấp thuận thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình "Khách sạn Dầu khí Thái Bình"theo hình thức chia khóa trao tay và giao PVC thực hiện	2810/NQ-DKVN	4/6/2010	PVN
24	QĐ về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	1055/QĐ-UBND	16/6/2010	UBND tỉnh Thái Bình
25	QĐV/v phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu "Lập dự án đầu tư, tk,ccvtr thiết bị và thi công xây dựng công trình"thuộc Dự án Đầu tư xd KSDKTB	1249/QĐ-TDKT	18/6/2010	PVEP
26	QĐV/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể Dự án Đầu tư xây dựng KSDKThái Bình	1178/QĐ-TDKT	6/10/2010	PVEP

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	
1	2	3	4	5	
27	NQ/v triển khai Hợp đồng "Lập dự án đầu tư, thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình" thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình.	1364/NQ-DKVN	7/12/2010	PVN	
28	Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện (Tính đến ngày 30/11/2010-để phục vụ công tác chuyển giao của dự án)	Biên bản số 01/NTKLTH/KSDKTB	15/12/2010		
29	Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện (Tính đến ngày 30/12/2010-để phục vụ công tác chuyển giao của dự án)	Biên bản số 02/NTKLTH/KSDKTB	20/12/2010		
30	Tổng hợp giá trị thực hiện đến 30/11/2010				
31	Tổng hợp giá trị thực hiện đến 31/12/2010				
32	NQ v/v phê duyệt phương án tiếp nhận và chuyển đổi công ty TNHH MTV Du lịch dầu khí TB thành Công ty Cổ phần	1304/NQ-XLTK	15/12/2010	PVC	
33	v/v Chấp thuận nội dung hai Hợp đồng chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Du lịch Dầu khí TB và dự án đầu tư xây dựng KSDKTB	2741/NĐ-TDKT	27/12/2010	PVEP	
34	Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 40/2010/PVC-NPMB	40/2010/PVC-PVEP	28/12/2010	PVC-PVEP	
35	Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 41/2010/HĐKT/PVC-PVEP	41/2010/HĐKT/PVC-PVEP	29/12/2010	PVC-PVEP	46,052,986,450
36	QĐ v/v chuyển đổi công ty TNHH MTV Du lịch dầu khí TB thành Công ty CP đầu tư và TM DKTB	49/QĐ-XLTK	17/1/2011	PVC	
37	Giấy chứng nhận đầu tư số 08121000183		23/05/2011	UBND tỉnh Thái Bình	
38	QĐ phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng dự án KSDKTB	461A/QĐ-HĐQT-PVCTB	31/12/2011	HDQT PVCTB	
39	QĐ phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán thiết kế xây dựng CT khách sạn Dầu khí Thái Bình	07/QĐ-PVCTB	17/01/2012	HDQT PVCTB	
40	Giấy chứng nhận đầu tư số 08121000183 điều chỉnh			UBND tỉnh Thái Bình	
41	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T000130QSĐĐ/2869/QĐ-UB			UBND tỉnh Thái Bình	
42	Hợp đồng thuê đất	67/HĐTĐ		UBND tỉnh Thái Bình	
43	v/v giải quyết hoàn thành dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	494/UBND-TM	13/03/2013	UBND tỉnh Thái Bình	
II Hợp đồng xây dựng					
1	Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Quản lý Dự án Công trình KSDK TB	Số 01/2010/KSDKTB/PVEP-NPMB và Phụ lục số 05	23/02/2010 15/4/2011	PVC-TB và Cty CP tư vấn XD Đầu tư Dầu khí (PCIC)	7,925,055,971
2	Tư vấn giám sát thi công xây dựng Hạ ngầm tuyến điện từ TBA Giao Tế đến ngã tư Trần Hưng Đạo	Số 33A/2012/HĐTVGS/PVCT B - SH kèm theo PL số 01,02,03	04/04/2012	PVC-TB và Công ty cổ phần Sông Hàn	21,168,000
3	Tư vấn thẩm tra dự toán các hạng mục bổ sung, điều chỉnh khối lượng trong tổng dự toán và dự toán các hạng mục phát sinh dự án KSDKTB	Số 30/2014/HĐTT/PVCTB-NB	24/6/2014	PVC-TB và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Nam Bình	35,160,000
4	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và tổng Dự toán Công trình: Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Số 33/TVXD/VNCC/2011	02/3/2011	PVC-TB và Tổng Cty TV XD Việt Nam	573,054,368
5	Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng CTXD Công trình: KSDK TB	Số 08/2011/KTCL/CTTL	13/4/2011	PVC-TB và Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long	1,536,559,000
6	Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng lắp đặt	Số C20/11/00/04/XLTK/PC00 020	30/5/2011	PVC-TB và TCT CP Bảo hiểm Dầu khí	583,849,871
7	BH cháy và các rủi ro phụ CT	12/8/DD/01/K1/0295			121,000,000
8	Thiết kế Khu Spa thuộc Công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Số 42/2011/HĐTK/PVCTB	09/9/2011	PVC-TB và Công ty CP Thiết kế và XD Đất nước	132,000,000
9	Thiết kế nội thất Khu Spa KSDKTB	Số 24/2012/HĐTK/PVCTB-PVCHB	28/02/2012	PVC-TB và Công ty CP tư vấn PVCHB	346,031,800
10	Thi công nội thất Khu Spa	Số 25/2012/HĐTC/PVCTB-Đức Thái - PL 02	15/03/2012	PVC-TB và Công ty CP Đức Thái	11,628,500,000
11	Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	Số 28A/2012/HĐKT/PVCTB-HHAuditing	26/3/2012	PVC-TB và Cty TNHH Kiểm toán Hồng Hà	1,052,313,000
12	Lập dự án , thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng Công trình KSDKTB	Số 20/2010/KSDKTB/PVEP-PVC	13/7/2010	PVC-TB và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	491,686,700,130
13	Cung cấp, lắp đặt hạng mục vách kính, cửa kính trong nhà và mái kính lối xuống tầng hầm	Số 40/2012/HĐTC/PVCTB-MK	09/4/2012	PVC-TB và Cty CP Phát triển Mê Kông	2,258,854,653

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Giá trị được duyệt (nếu có)	
1	2	3	4	5	
14	Cung cấp lắp đặt thi công Chòi bảo vệ, thi công lắp đặt hàng rào bảo vệ khu vực thiết bị điều hòa tại công trình KSDKTB	Số 77/2012/HĐKT/PVCTB - TNAC	29/8/2012	PVC-TB và Cty ĐT & DVTM Tín Nghĩa Á Châu	314,437,000
15	Thi công Sân Tennis	Số 42/2012/HĐTC/PVCTB-NGUYENDUNG	05/4/2012	PVC-TB và CtyCPĐTTMDV Nguyễn Dũng	2,061,608,000
16	Thi công đường ống cấp nước ngoài nhà	Số 03A/2012/HĐXL/PVCTB-NSTB	14/01/2012	PVC-TB và Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Thái Bình	58,619,000
17	Thi công đường, vỉa hè và cống thoát nước	Số 77/2011/HĐKT/PVCTB - TNAC	26/12/2011	PVC-TB và Cty XD và TM Tiến Phát	1,626,186,000
18	Cung cấp chậu hoa cây cảnh tại công trình KSDK TB	Số 44/2012/HĐKT/PVCTB-MĐ	25/5/2012	PVC-TB và Cty TNHH Sinh vật cảnh Minh Đức	32,300,000
19	Trang trí chậu hoa cảnh tại công trình KSDKTB	Số 45/2012/HĐKT/PVCTB-ĐXV	26/4/2012	PVC-TB và Công ty TNHH Đồng Xanh Việt	215,000,000
20	Cung cấp cây xanh tại công trình KSDKTB	28/2012/HĐKT/PVCTB-PĐD	26/03/2012	PVC-TB và Cty TNHH Xây dựng và sinh vật cảnh Phú Đại Dương	239,082,000
21	Cung cấp cây xanh tại công trình KSDKTB	01/2012/HĐKT/PVCTB-KH	5/21/2012	PVC-TB và Cty TNHH ĐT TM Khánh Huyền	380,000,000
22	Khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thi công và Lập Dự toán công trình điện hạng mục: Trạm biến áp 2x1600KVA-35(22)/0.4KV thuộc Dự án KSDKTB	Số 23A/2011/HĐTV/PVCTB-SH	25/7/2011	PVC-TB và Công ty CP Sông Hàn	111,388,000
23	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán Công trình điện: Hạ ngầm tuyến điện đoạn từ Trạm biến áp Giao tế đến ngã tư Trần Hưng Đạo - Lý Bôn	Số 17/HĐKT kèm theo PLHD ngày 23/2/2012	15/02/2012	PVC-TB và Công ty Điện lực Thái Bình	31,057,984
24	Thi công hạ ngầm tuyến điện từ Trạm biến áp Giao Tế đến ngã tư Trần Hưng Đạo - Lý Bôn	Số 39/2012/HĐTC	05/4/2012	PVC-TB và Cty CP Đầu tư Xây dựng Điện TSD	819,312,000
25	Cung cấp và thi công hệ thống đèn Led Khách sạn DKTB	Số 41/2012/HĐTC/PVCTB-PHUTHÀNH	13/4/2012	PVC-TB và Công ty Cổ Phần Phú Thành	111,650,000
26	Thiết kế logo cho Khách sạn Dầu khí TB	Số 0056/2011/HĐKT/PVCTB-MBC		PVC-TB và Công ty CP Sáng tạo Mát Bào	11,000,000
27	Mở lớp đào tạo nghề nghiệp vụ phục vụ khách sạn tại TP.Thái Bình	Số 45/2011/HĐKT		PVC-TB và Trường đại học Thương Mại Hà Nội	98,000,000
28	Thuê hội trường Nhà khách Sông Trà phục vụ lớp học nghiệp vụ KS	Số 46/2011/HĐKT	13/10/2011	PVC-TB và Nhà khách Sông Trà	31,500,000
29	Mở lớp đào tạo nghiệp vụ Bảo vệ khách sạn tại TP.Thái Bình	Số 51A/2011/HĐKT	21/11/2011	PVC-TB và Cty CP Dịch vụ Bảo vệ an ninh Doanh nghiệp ATB	29,240,000
30	Đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên KSDKTB	54A/2012/HĐ ĐT/PVCTB-NV	16/6/2012	PVC-TB và Cty CPDVMT&DL Ngõng Vàng	151,813,200
31	Thuê hội trường phục vụ đào tạo khối KS	05/HĐTV			10,000,000
32	Chi phí nấu thử, pha thử đồ uống				39,512,000
33	Chi phí đào tạo thực tế tại KS Daewoo				47,949,997
34	Chi phí hỗ trợ học viên tham gia đào tạo				223,210,000
35	Chi phí đào tạo tại khách sạn				45,750,600
36	Tiền điện trong thời gian vận hành chạy thử				1,466,713,334
37	Chi phí quản lý dự án đến 30/6/2013				1,435,408,528
38	Chi phí lãi vay đến 30/6/2013				8,865,715,867
39	Chuyển nhượng dự án - HĐ SỐ 41/2010/HĐKT/PVC-PVEP			PVC và PVEP	46,052,986,450
40	Chi phí chạy thử năm 2012+ 6 tháng 2013				5,369,506,311
41	Chi phí QLDA đến 31/12/2010				2,851,227,174
42	chi phí phát sinh khác cho dự án đến 31/12/2010				-
43	Lệ phí trước bạ				500,000,000
44	chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán				384,586,400

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ, HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Đơn vị: đồng

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	2	3	4	6
I	Văn bản pháp lý	Số	Ngày tháng	
1	V/v: Triển khai thực hiện Thỏa thuận đầu tư giữa PVN và UBND tỉnh Thái Bình.	2563/KH		
2	V/v phê duyệt chủ trương tiếp nhận Khách sạn Du lịch Thái Bình	1965/NQ-DKVN	24/03/2009	PVN
3	Thông báo Kết luận của Chủ tịch HĐQT PVN về tiến độ triển khai các Dự án XD	6796/TB-DKVN	9/4/2009	PVN
4	v/v chuyển giao Công ty khách sạn du lịch Thái Bình về tập đoàn dầu khí VN	3332-VPCP-DMDN	25/05/2009	Văn phòng chính phủ
5	NQ v/v Chấp thuận để PVN chi quản maut gọi thầu "Tur vấn đầu tư xây dựng và quản lý dự án"thuộc Dự án xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình	8889/QĐ-DKVN	11/6/2009	PVN
6	QĐ v/v chuyển Công ty Du lịch khách sạn Thái Bình về Tập đoàn Dầu khí VN	1293/QĐ-UBND	16/06/2009	UBND tỉnh Thái Bình
7	QĐ v/v tiếp nhận Công ty Du lịch khách sạn Thái Bình từ UBND tỉnh TB làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1793/QĐ-DKVN	16/06/2009	PVN
8	QĐ v/v tiếp nhận Công ty Du lịch khách sạn Thái Bình làm đơn vị thành viên của Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	1395/QĐ-TDKT	26/06/2009	PVEP
9	Văn bản v/v tham gia ý kiến về vấn đề môi trường của dự án	223/STNMT-CCBVMVT		Sở TNMT Thái Bình
10	Thỏa thuận đầu tư giữa PVN và UBND tỉnh TB về nâng cấp Khách sạn du lịch TB xây dựng tổ hợp KS, VP, TTTM tiêu chuẩn 4 sao		8/5/2009	PVN, UBND tỉnh TB
11	Chứng chỉ quy hoạch	347/SXD-QH	14/09/2009	Sở Xây dựng Thái Bình
12	QĐ v/v Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và Hồ sơ yêu cầu gói thầu "Tur vấn đầu tư xây dựng và quản lý dự án"thuộc Dự án Đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình	2517/QĐ-TDKT	13/11/2009	PVEP
13	QĐ v/v phê duyệt Phương án TK kiến trúc Mã số 001AC của Liên danh CODINACHS Architects và viện khoa học Công nghệ Xây dựng Việt Nam làm phương án thiết kế của Dự án đầu tư xây dựng KS Thái Bình	2707/QĐ-TDKT	16/12/2009	PVEP
14	Thông báo KL của Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại cuộc họp về việc kế hoạch triển khai dự án	340/TB-DKVN	13/1/2010	PVN
15	Báo cáo thẩm định v/v phê duyệt KH đấu thầu các gói thầu triển khai trước của Dự án đầu tư xây dựng KSDKTB	04/TTĐ-KSDKTB	3/9/2010	
16	V/v: Thẩm duyệt về PCCC	36/CV-PCCC	19/3/2010	
17	V/v: Thỏa thuận cấp nước cho dự án - KSDK TB	235/CV-NS	23/3/2010	Công ty CP nước sạch Thái Bình
18	V/v: Thỏa thuận cấp điện cho dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình	634/ĐTB-P9	25/3/2010	Điện lực Thái Bình
19	V/v: Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở Dự án KSDK TB	31/SXD-QLXD	30/3/2010	Sở Xây dựng Thái Bình
20	V/v: Thỏa thuận thoát nước cho dự án Khách sạn	139/MTĐT	31/3/2010	Môi trường đô thị
21	Giấy phép xây dựng	24/GPXD	19/4/2010	UBND tỉnh Thái Bình
22	QĐV/v phê duyệt KQ đánh giá gói thầu "Lập dự án đầu tư,tkccvtu thiết bị và thi công xây dựng công trình"thuộc Dự án đầu tư xd KSDKTB	1335/QĐ-TDKT	7/5/2010	PVEP
23	NQ v/v Chấp thuận thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình "Khách sạn Dầu khí Thái Bình"theo hình thức chia khóa trao tay và giao PVC thực hiện	2810/NQ-DKVN	4/6/2010	PVN
24	QĐ về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	1055/QĐ-UBND	16/6/2010	UBND tỉnh Thái Bình
25	QĐV/v phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu "Lập dự án đầu tư,tkccvtu thiết bị và thi công xây dựng công trình"thuộc Dự án Đầu tư xd KSDKTB	1249/QĐ-TDKT	18/6/2010	PVEP
26	QĐV/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể Dự án Đầu tư xây dựng KSDKThái Bình	1178/QĐ-TDKT	6/10/2010	PVEP

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành		Cơ quan ban hành	Ghi chú
1	2	3		4	6
27	NQ/v triển khai Hợp đồng "Lập dự án đầu tư, thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây dựng công trình" thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình.	1364/NQ-DKVN	7/12/2010	PVN	
28	Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện (Tính đến ngày 30/11/2010-để phục vụ công tác chuyển giao của dự án)	Biên bản số 01/NTKLTH/KSDKTB	15/12/2010		
29	Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện (Tính đến ngày 30/12/2010-để phục vụ công tác chuyển giao của dự án)	Biên bản số 02/NTKLTH/KSDKTB	20/12/2010		
30	Tổng hợp giá trị thực hiện đến 30/11/2010				
31	Tổng hợp giá trị thực hiện đến 31/12/2010				
32	NQ v/v phê duyệt phương án tiếp nhận và chuyển đổi công ty TNHH MTV Du lịch dầu khí TB thành Công ty Cổ phần	1304/NQ-XLDK	15/12/2010	PVC	
33	v/v Chấp thuận nội dung hai Hợp đồng chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Du lịch Dầu khí TB và dự án đầu tư xây dựng KSDKTB	2741/NĐ-TDKT	27/12/2010	PVEP	
34	Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 40/2010/PVC-NPMB	40/2010/PVC-PVEP	28/12/2010	PVC-PVEP	
35	Hợp đồng chuyển nhượng dự án số 41/2010/HĐKT/PVC-PVEP	41/2010/HĐKT/PVC-PVEP	29/12/2010	PVC-PVEP	
36	QĐ v/v chuyển đổi công ty TNHH MTV Du lịch dầu khí TB thành Công ty CP đầu tư và TM DKTB	49/QĐ-XLDK	17/1/2011	PVC	
37	Giấy chứng nhận đầu tư số 08121000183		23/05/2011	UBND tỉnh Thái Bình	
38	QĐ phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng dự án KSDKTB	461A/QĐ-HĐQT-PVCTB	31/12/2011	HĐQT PVCTB	
39	QĐ phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán thiết kế xây dựng CT khách sạn Dầu khí Thái Bình	07/QĐ-PVCTB	17/01/2012	HĐQT PVCTB	
40	Giấy chứng nhận đầu tư số 08121000183 điều chỉnh			UBND tỉnh Thái Bình	
41	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T000130QSĐĐ/2869/QĐ-UB			UBND tỉnh Thái Bình	
42	Hợp đồng thuê đất	67/HĐTĐ		UBND tỉnh Thái Bình	
43	v/v giải quyết quyền quản lý dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	494/UBND-TM	13/03/2013	UBND tỉnh Thái Bình	
II Hợp đồng xây dựng					
1	Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Quản lý Dự án Công trình KSDK TB	Số 01/2010/KSDKTB/PVEP-NPMB và Phụ lục số 05	23/02/2010 15/4/2011	PVC-TB và Cty CP tư vấn XD Đầu tư Dầu khí (PCIC)	Cty CP tư vấn XD Đầu tư Dầu khí (PCIC)
2	Tư vấn giám sát thi công xây dựng Hạ ngầm tuyến điện từ TBA Giao Tế đến ngã tư Trần Hưng Đạo	Số 33A/2012/HĐTVGS/PVCTB - SH kèm theo PL số 01,02,03	04/04/2012	PVC-TB và Công ty cổ phần Sông Hàn	Công ty cổ phần Sông Hàn
3	Tư vấn thẩm tra dự toán các hạng mục bổ sung, điều chỉnh khối lượng trong tổng dự toán và dự toán các hạng mục phát sinh dự án KSDKTB	Số 30/2014/HĐTT/PVCTB-NB	24/6/2014	PVC-TB và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Nam Bình	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng và thương mại Nam Bình
4	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và tổng Dự toán Công trình: Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Số 33/TVXD/VNCC/2011	02/3/2011	PVC-TB và Tổng Cty TV XD Việt Nam	Tổng Cty TV XD Việt Nam
5	Kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng CTXD Công trình: KSDK TB	Số 08/2011/KTCL/CTTL	13/4/2011	PVC-TB và Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long	Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long
6	Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng lắp đặt	Số C20/11/00/04/XLDK/PC00 020	30/5/2011	PVC-TB và TCT CP Bảo hiểm Dầu khí	TCT CP Bảo hiểm Dầu khí
7	BH cháy và các rủi ro phụ CT	12/8/DD/01/K1/0295			
8	Thiết kế Khu Spa thuộc Công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Số 42/2011/HĐTK/PVCTB	09/9/2011	PVC-TB và Công ty CP Thiết kế và XD Đất Phúc	Công ty CP Thiết kế và XD Đất Phúc
9	Thiết kế nội thất Khu Spa KSDKTB	Số 24/2012/HĐTK/PVCTB-PVCHB	28/02/2012	PVC-TB và Công ty CP tư vấn PVCHB	Công ty CP tư vấn PVCHB
10	Thi công nội thất Khu Spa	Số 25/2012/HĐTC/PVCTB-Đức Thái - PL 02	15/03/2012	PVC-TB và Công ty CP Đức Thái	Công ty CP Đức Thái
11	Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành	Số 28A/2012/HĐKT/PVCTB-HHAuditing	26/3/2012	PVC-TB và Cty TNHH Kiểm toán Hồng Hà	Cty TNHH Kiểm toán Hồng Hà
12	Lập dự án , thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng Công trình KSDKTB	Số 20/2010/KSDKTB/PVEP-PVC	13/7/2010	PVC-TB và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam
13	Cung cấp, lắp đặt hạng mục vách kính, cửa kính trong nhà và mái kính lối xuống tầng hầm	Số 40/2012/HĐTC/PVCTB-MK	09/4/2012	PVC-TB và Cty CP Phát triển Mê Kông	Cty CP Phát triển Mê Kông

Số TT	Tên văn bản	Ký hiệu; ngày tháng năm ban hành	Cơ quan ban hành	Ghi chú	
1	2	3	4	6	
14	Cung cấp lắp đặt thi công Chòi bảo vệ, thi công lắp đặt hàng rào bảo vệ khu vực thiết bị điều hòa tại công trình KSDKTB	Số 77/2012/HĐKT/PVCTB - TNAC	29/8/2012	PVC-TB và Cty ĐT & DVTM Tín Nghĩa Á Châu	Cty ĐT & DVTM Tín Nghĩa Á Châu
15	Thi công Sân Tennis	Số 42/2012/HĐTC/PVCTB-NGUYENDUNG	05/4/2012	PVC-TB và CtyCPĐTTMDV Nguyễn Dũng	CtyCPĐTTMDV Nguyễn Dũng
16	Thi công đường ống cấp nước ngoài nhà	Số 03A/2012/HĐXL/PVCTB-NSTB	14/01/2012	PVC-TB và Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Thái Bình	Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Thái Bình
17	Thi công đường, vỉa hè và cống thoát nước	Số 77/2011/HĐKT/PVCTB - TNAC	26/12/2011	PVC-TB và Cty XD và TM Tiến Phát	Cty XD và TM Tiến Phát
18	Cung cấp chậu hoa cây cảnh tại công trình KSDK TB	Số 44/2012/HĐKT/PVCTB-MĐ	25/5/2012	PVC-TB và Cty TNHH Sinh vật vành Minh Đức	Cty TNHH Sinh vật vành Minh Đức
19	Trang trí chậu hoa cảnh tại công trình KSDKTB	Số 45/2012/HĐKT/PVCTB-ĐXV	26/4/2012	PVC-TB và Công ty TNHH Đồng Xanh Việt	Công ty TNHH Đồng Xanh Việt
20	Cung cấp cây xanh tại công trình KSDKTB	28/2012/HĐKT/PVCTB-PĐD	26/03/2012	PVC-TB và Cty TNHH Xây dựng và sinh vật cảnh Phú Đại Dương	Cty TNHH Xây dựng và sinh vật cảnh Phú Đại Dương
21	Cung cấp cây xanh tại công trình KSDKTB	01/2012/HĐKT/PVCTB-KH	5/21/2012	PVC-TB và Cty TNHH ĐT TM Khánh Huyền	Cty TNHH ĐT TM Khánh Huyền
22	Khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thi công và Lập Dự toán công trình điện hạ mục: Trạm biến áp 2x1600KVA-35(22)/0.4KV thuộc Dự án KSDKTB	Số 23A/2011/HĐTV/PVCTB-SH	25/7/2011	PVC-TB và Công ty CP Sông Hàn	Công ty CP Sông Hàn
23	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán Công trình điện: Hạ ngầm tuyến điện đoạn từ Trạm biến áp Giao tế đến ngã tư Trần Hưng Đạo - Lý Bôn	Số 17/HĐKT kèm theo PLHD ngày 23/2/2012	15/02/2012	PVC-TB và Công ty Điện lực Thái Bình	Công ty Điện lực Thái Bình
24	Thi công hạ ngầm tuyến điện từ Trạm biến áp Giao Tế đến ngã tư Trần Hưng Đạo - Lý Bôn	Số 39/2012/HĐTC	05/4/2012	PVC-TB và Cty CP Đầu tư Xây dựng Điện TSD	Cty CP Đầu tư Xây dựng Điện TSD
25	Cung cấp và thi công hệ thống đèn Led Khách sạn DKTB	Số 41/2012/HĐTC/PVCTB-PHUTHÀNH	13/4/2012	PVC-TB và Công ty Cổ Phần Phú Thành	Công ty Cổ Phần Phú Thành
26	Thiết kế logo cho Khách sạn Dầu khí TB	Số 0056/2011/HĐKT/PVCTB-MBC		PVC-TB và Công ty CP Sáng tạo Mắt Bão	Công ty CP Sáng tạo Mắt Bão
27	Mở lớp đào tạo nghề nghiệp vụ phục vụ khách sạn tại TP. Thái Bình	Số 45/2011/HĐKT		PVC-TB và Trường đại học Thương Mại Hà Nội	Trường đại học Thương Mại Hà Nội
28	Thuê hội trường Nhà khách Sông Trà phục vụ lớp học nghiệp vụ KS	Số 46/2011/HĐKT	13/10/2011	PVC-TB và Nhà khách Sông Trà	Nhà khách Sông Trà
29	Mở lớp đào tạo nghiệp vụ Bảo vệ khách sạn tại TP. Thái Bình	Số 51A/2011/HĐKT	21/11/2011	PVC-TB và Cty CP Dịch vụ Bảo vệ an ninh Doanh nghiệp ATB	Cty CP Dịch vụ Bảo vệ an ninh Doanh nghiệp ATB
30	Đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên KSDKTB	54A/2012/HĐ ĐT/PVCTB-NV	16/6/2012	PVC-TB và Cty CPDVMT&DL Ngõng Vàng	Cty CPDVMT&DL Ngõng Vàng
31	Thuê hội trường phục vụ đào tạo khối KS	05/HĐTV			các chứng từ kế toán
32	Chi phí nấu thử, pha thử đồ uống				các chứng từ kế toán
33	Chi phí đào tạo thực tế tại KS Daewoo				các chứng từ kế toán
34	Chi phí hỗ trợ học viên tham gia đào tạo				các chứng từ kế toán
35	Chi phí đào tạo tại khách sạn				các chứng từ kế toán
36	Tiền điện trong thời gian vận hành chạy thử				các chứng từ kế toán
37	Chi phí quản lý dự án đến 30/6/2013				các chứng từ kế toán
38	Chi phí lãi vay đến 30/6/2013				các chứng từ kế toán
39	Chuyển nhượng dự án - HĐ SỐ 41/2010/HĐKT/PVC-PVEP			PVC và PVEP	PVEP
40	Chi phí chạy thử năm 2012+ 6 tháng 2013				các chứng từ kế toán
41	Chi phí QLDA đến 31/12/2010				các chứng từ kế toán
42	chi phí phát sinh khác cho dự án đến 31/12/2010				các chứng từ kế toán
43	Lệ phí trước bạ				các chứng từ kế toán
44	chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán				

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BẢNG ĐỐI CHIẾU**
SỐ LIỆU CẤP VỐN, CHO VAY, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Tên dự án: Khách sạn Dầu khí Thái Bình

Chủ đầu tư: Công ty CP đầu tư và thương mại Dầu khí Thái Bình

Tên cơ quan cho vay: Ngân hàng Tiên Phong- chi nhánh Hải Phòng

I. Tình hình cấp vốn, cho vay, thanh toán:

Đơn vị: đồng

Số TT	Chi tiêu	Số liệu của chủ đầu tư				Số liệu của cơ quan thanh toán				Chênh lệch	Ghi chú	
		Kế hoạch vốn	Số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán			Kế hoạch vốn	Số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán					
			Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng		Tổng số	Thanh toán KLHT	Tạm ứng			
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8 = 9+10	9	10	11=4-8	12	
1	Lũy kế vốn đã cấp, cho vay, thanh toán từ khởi công.	57,977,062,600										
2	Chi tiết số vốn đã cấp, cho vay, thanh toán hàng năm.	57,977,062,600								0		
	Năm 2012	57,977,062,600										
	Thiết kế nội thất spa	346,031,800										
	Thi công nội thất spa	8,278,322,400										
	Thi công sân tennis	1,649,286,400										
	Thi công xây dựng công trình chính	47,703,422,000										

II. Nhận xét, giải thích nguyên nhân chênh lệch, kiến nghị của cơ quan kiểm soát thanh toán, cho vay, cấp vốn:

- Nhận xét về việc chấp hành trình tự quản lý đầu tư, chấp hành chế độ quản lý tài chính đầu tư:
Quá trình thực hiện dự án Chủ đầu tư đã chấp hành các quy định về việc cấp vốn, thanh toán; việc quản lý và sử dụng các loại nguồn vốn đầu tư của dự án.
- Giải thích nguyên nhân chênh lệch: không chênh lệch.
- Kiến nghị: không có.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung chi phí	Dự án được duyệt hoặc điều chỉnh	Kết quả kiểm toán	Giá trị đề nghị quyết toán
1	2	3	5	6
	Tổng số	637,341,232,655	592,016,087,095	592,001,500,695
I	Bồi thường, hỗ trợ, TĐC	9,594,155,819	8,046,816,053	8,046,816,053
1	Tiền sử dụng đất trong thời gian xây	1,808,172,000		
2	Hoàn trả tiền đầu tư XD và hỗ trợ lãi suất đầu tư các kios cho thuê (10 quầy)	429,000,000		
3	Chi phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng	7,356,983,819	8,046,816,053	8,046,816,053
II	Xây dựng	420,127,835,608	396,924,854,438	396,924,854,438
1	Chi phí xây dựng công trình chính	396,407,725,832	385,023,337,288	385,023,337,288
2	Chi phí phá dỡ công trình cũ	3,922,117,517	3,726,000,000	3,726,000,000
3	Chi phí xây dựng công trình tạm	4,797,992,258	792,000,000	792,000,000
4	Chi phí hoàn thiện khu massage	15,000,000,000	7,383,517,150	7,383,517,150
III	Thiết bị	106,241,383,833	99,900,284,080	99,900,284,080
IV	Quản lý dự án	6,669,098,010	6,481,636,330	6,288,136,155
1	chi phí QLDA giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến kết thúc đầu tư		2,851,227,174	2,657,726,999
2	chi phí đơn vị tự thực hiện		3,630,409,156	3,630,409,156
V	Tư vấn	19,390,819,425	17,559,848,614	17,753,348,789
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	1,262,000,000	1,198,900,000	1,198,900,000
2	Chi phí thi tuyển kiến trúc	153,010,000	0	152,900,000
3	Chi phí hỗ trợ và giải thưởng cho các đơn vị thi tuyển kiến trúc	190,000,000	190,000,000	190,000,000
4	Chi phí lập dự án đầu tư (hệ số 0,95: quy giá trị về trước giảm giá; hệ số 1,1: tăng do chỉnh sửa phương án TK)	906,299,362	860,700,000	860,700,000
5	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	90,250,000	85,700,000	85,700,000
6	Thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án	105,224,488	0	40,600,175
7	Chi phí lập HSYC cho các gói thầu tư vấn	250,000,000	100,000,000	100,000,000
8	Lập bản vẽ đo đạc hiện trạng kiến trúc công trình, DT phá dỡ	300,000,000	285,000,000	285,000,000
9	Thẩm tra thiết kế phương án phá dỡ công trình cũ	8,079,562	8,079,562	8,079,562
10	Thẩm tra dự toán phá dỡ công trình cũ	7,844,235	7,844,235	7,844,235
11	Chi phí lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (hệ số 0,95: quy giá trị về trước giảm giá; hệ số 1,1: tăng do chỉnh sửa phương án TK)	6,633,612,015	6,587,745,984	6,587,745,984

Số TT	Nội dung chi phí	Dự án được duyệt hoặc điều chỉnh	Kết quả kiểm toán	Giá trị đề nghị quyết toán
1	2	3	5	6
12	Chi phí thiết kế nội thất khách sạn	663,361,201	346,031,800	346,031,800
13	Chi phí làm phòng mẫu	165,000,000	0	0
14	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	295,349,868	295,349,868	295,349,868
15	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC đối với phương án cũ	50,000,000		
16	Chi phí thẩm tra biện pháp thi công tầng hầm, tổ chức thi công	75,000,000		
17	Chi phí thẩm tra dự toán	277,704,499	312,864,499	312,864,499
18	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	207,123,023	0	0
19	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm thiết bị	98,379,521	0	0
20	Chi phí giám sát thi công xây dựng	4,576,452,513	4,597,620,513	4,597,620,513
21	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	346,453,153	346,453,153	346,453,153
22	Chi phí giám sát khảo sát địa chất công trình	15,000,000	15,000,000	15,000,000
23	Chi phí thí nghiệm cọc : 8 cọc	806,659,000	766,000,000	766,000,000
24	Chi phí giám sát thí nghiệm cọc	20,000,000	20,000,000	20,000,000
25	Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu của chủ đầu tư	165,000,000	0	0
26	Chi phí chứng nhận đảm bảo đủ điều kiện an toàn chịu lực và sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng	1,723,016,983	1,536,559,000	1,536,559,000
VI	Chi phí khác	6,873,119,358	3,400,712,068	3,386,125,668
1	Chi phí tư vấn quản lý khách sạn	500,000,000	0	0
2	Chi phí đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ CBCNV	2,746,100,000	676,975,797	676,975,797
3	Chi phí lập mô hình	50,000,000		
4	Lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đầu tư	30,000,000		
5	Đo đạc diện tích, đưa mốc giới ra thực địa	50,000,000	48,000,000	48,000,000
6	Chi phí bảo hiểm công trình	1,579,107,658	704,849,871	704,849,871
7	Quan trắc biến dạng công trình	650,000,000		
8	Chi phí kiểm toán	628,812,800	1,034,500,000	1,034,500,000
9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	384,586,400	384,586,400	370,000,000
10	Chi phí cho quá trình vận hành thử trước khi bàn giao	200,000,000		
11	Lệ phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	4,512,500	4,300,000	4,300,000
12	Thỏa thuận PCCC, cấp điện, cấp nước	50,000,000	47,500,000	47,500,000
13	Chi phí lệ phí trước bạ	0	500,000,000	500,000,000
VII	Chi phí phát sinh khác	0	19,701,935,512	19,701,935,512
	Chi phí lãi vay		8,865,715,867	8,865,715,867
	Chi phí chuyển nhượng dự án(thuế GTGT)		4,000,000,000	4,000,000,000
	Chi phí phát sinh khác		6,836,219,645	6,836,219,645
VIII	Chi phí dự phòng	28,444,820,603	0	0

Số TT	Nội dung chi phí	Dự án được duyệt hoặc điều chỉnh	Kết quả kiểm toán	Giá trị đề nghị quyết toán
1	2	3	5	6
IX	Chi phí hỗ trợ tỉnh Thái Bình	40,000,000,000	40,000,000,000	40,000,000,000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

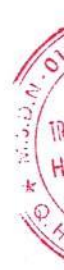
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-35



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Dầu khí Thái Bình theo Quyết định số 49/QĐ-XLTK ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1000754760 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Ngọc Lâm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16/01/2024
Ông Ngô Thanh Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 16/01/2024
Ông Hoàng Hữu Thành	Thành viên	
Ông Phạm Đức Huy	Thành viên	
Ông Đỗ Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Hữu Thành	Giám đốc
Ông Vũ Trọng Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Thái Hà	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vương Tiến Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Phạm Thị Chung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà Vũ Thị Châm	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Hữu Thành – Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hoàng Hữu Thành

Giám đốc

Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình được lập ngày 17 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại thuyết minh số 09 - Hàng tồn kho phần thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2024 và tại ngày 31/12/2024 là 36,3 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này, cũng như không thể thực hiện các thủ tục khác để đánh giá về giá trị dự phòng cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 hay không.

2. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 với tổng số tiền là 33,647 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán của Công ty là 361,03 tỷ VND (tương đương 80,2% vốn điều lệ của Công ty), nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 269,11 tỷ VND và hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục thua lỗ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Dương Quân Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		135.326.757.808	131.916.570.770
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.875.012.435	3.575.431.119
111	1. Tiền		3.875.012.435	3.575.431.119
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	200.000.000	2.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		200.000.000	2.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.999.063.843	44.599.994.358
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	61.768.861.886	55.928.478.078
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.797.543.015	342.549.455
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.775.629.157	683.257.750
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(12.342.970.215)	(12.354.290.925)
140	IV. Hàng tồn kho	9	70.514.722.599	79.117.749.273
141	1. Hàng tồn kho		70.514.722.599	79.117.749.273
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.737.958.931	2.123.396.020
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	437.845.462	899.799.558
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.277.972.607	1.197.177.559
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	22.140.862	26.418.903
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		382.113.178.825	357.626.052.321
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.789.929.678	12.570.046.027
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	9.262.236.011	17.942.352.360
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	4.613.461.725	6.813.461.725
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(9.085.768.058)	(12.185.768.058)
220	II. Tài sản cố định		333.949.390.732	300.080.056.443
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	333.949.390.732	300.080.056.443
222	- Nguyên giá		447.833.096.729	406.369.849.280
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(113.883.705.997)	(106.289.792.837)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		577.301.080	577.301.080
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(577.301.080)	(577.301.080)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	41.074.082.820	42.223.008.216
231	- Nguyên giá		53.739.797.854	53.739.797.854
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.665.715.034)	(11.516.789.638)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.289.022.236	1.166.016.556
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.289.022.236	1.166.016.556
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.010.753.359	1.586.925.079
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.010.753.359	1.586.925.079
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		517.439.936.633	489.542.623.091

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		428.270.147.850	362.760.574.122
310	I. Nợ ngắn hạn		403.960.147.850	324.375.574.122
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	185.920.668.088	143.235.133.587
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		217.394.766	95.760.040
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	358.912.610	202.661.028
314	4. Phải trả người lao động		2.044.004.755	2.644.783.637
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	124.600.391.276	100.044.476.112
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.048.858.179	985.867.286
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.707.503.906	3.329.658.377
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	86.062.090.130	73.836.909.915
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		324.140	324.140
330	II. Nợ dài hạn		24.310.000.000	38.385.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	310.000.000	385.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	24.000.000.000	38.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		89.169.788.783	126.782.048.969
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	89.169.788.783	126.782.048.969
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		208.476.650	208.476.650
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(361.038.687.867)	(323.426.427.681)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(323.426.427.681)	(289.013.459.716)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(37.612.260.186)	(34.412.967.965)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		517.439.936.633	489.542.623.091

Len

Shed



Bùi Thị Len
Người lập

Vũ Thị Lượ
Phụ trách kế toán

Hoàng Hữu Thành
Giám đốc

Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	144.821.494.759	50.556.669.204
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.821.494.759	50.556.669.204
11	4. Giá vốn hàng bán	23	146.902.310.274	54.410.378.263
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.080.815.515)	(3.853.709.059)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	93.844.156	393.870.610
22	7. Chi phí tài chính	25	26.392.997.309	26.935.872.213
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		26.392.997.309	26.935.872.213
25	8. Chi phí bán hàng		214.411.268	212.860.506
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.654.003.815	3.661.120.712
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(38.248.383.751)	(34.269.691.880)
31	11. Thu nhập khác	27	867.217.556	196.359.447
32	12. Chi phí khác	28	231.093.991	339.635.532
40	13. Lợi nhuận khác		636.123.565	(143.276.085)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(37.612.260.186)	(34.412.967.965)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(37.612.260.186)	(34.412.967.965)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(836)	(765)

Len

Luot



Bùi Thị Len
Người lập

Vũ Thị Luợt
Phụ trách kế toán

Hoàng Hữu Thành
Giám đốc

Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(37.612.260.186)	(34.412.967.965)
	- 2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.846.143.830	9.824.215.491
03	- Các khoản dự phòng		(3.111.320.710)	(10.219.374.867)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(333.187.591)	(393.870.610)
06	- Chi phí lãi vay		26.392.997.309	26.935.872.213
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.817.627.348)	(8.266.125.738)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.610.255.729)	23.101.702.734
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.603.026.674	4.687.184.254
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.636.288.302)	(22.211.190.943)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.038.125.816	(236.669.255)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(423.018.889)	(2.925.098.948)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(161.873.897)	(856.015.556)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		239.343.435	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.700.000.000)	(4.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	9.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		119.950.452	467.051.981
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.497.419.990	4.111.036.425
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(1.774.819.785)	(1.626.325.948)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.774.819.785)	(1.626.325.948)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		299.581.316	(440.388.471)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.575.431.119	4.015.819.590
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.875.012.435</u>	<u>3.575.431.119</u>

Len

B.L.T



Bùi Thị Len
Người lập

Vũ Thị Lượ
Phụ trách kế toán

Hoàng Hữu Thành
Giám đốc

Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Dầu khí Thái Bình theo Quyết định số 49/QĐ-XLTK ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1000754760 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 11 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 09 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 450.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 450.000.000.000 đồng; tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 112 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 111 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Đại lý du lịch;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán của Công ty là 361,03 tỷ đồng (chiếm 80,2% vốn điều lệ của Công ty). Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 269,11 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục thua lỗ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Petro Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh dịch vụ lưu trú

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm
--------------------------	--------

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn, cho thuê văn phòng và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.363.083.230	931.264.128
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.511.929.205	2.644.166.991
	<u><u>3.875.012.435</u></u>	<u><u>3.575.431.119</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	-	2.500.000.000	-
	200.000.000	-	2.500.000.000	-

Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 200.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Quốc dân với lãi suất là 3,5%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	39.398.605.768	(167.546.870)	41.015.483.650	(167.546.870)
- Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	34.761.743.053	-	36.392.926.935	-
- Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	37.322.870	(37.322.870)	37.322.870	(37.322.870)
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	4.455.009.845	-	4.455.009.845	-
- Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	144.530.000	(130.224.000)	130.224.000	(130.224.000)
Bên khác	22.370.256.118	(12.175.423.345)	14.912.994.428	(12.186.744.055)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	8.572.487.277	(8.572.487.277)	8.572.487.277	(8.572.487.277)
- Các khách hàng khác	13.797.768.841	(3.602.936.068)	6.340.507.151	(3.614.256.778)
	61.768.861.886	(12.342.970.215)	55.928.478.078	(12.354.290.925)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng ĐR	3.653.568.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.143.975.015	-	342.549.455	-
	<u>4.797.543.015</u>	<u>-</u>	<u>342.549.455</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
<i>Bên liên quan</i>				
- Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	-	5.456.975.849	-
	-	-	5.456.975.849	-
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	9.262.236.011	(9.085.768.058)	12.485.376.511	(12.185.768.058)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	2.144.337.557	(2.144.337.557)	5.244.337.557	(5.244.337.557)
- Trả trước cho người bán khác	6.641.430.501	(6.641.430.501)	6.641.430.501	(6.641.430.501)
	476.467.953	(300.000.000)	599.608.453	(300.000.000)
	<u>9.262.236.011</u>	<u>(9.085.768.058)</u>	<u>17.942.352.360</u>	<u>(12.185.768.058)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về lãi tiền gửi	8.964.384	-	35.070.680	-
- Tạm ứng	1.483.225.520	-	464.747.817	-
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	183.439.253	-	183.439.253	-
	<u>1.775.629.157</u>	<u>-</u>	<u>683.257.750</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
- Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	180.150.000	-	180.150.000	-
- Các đối tượng khác	1.595.479.157	-	503.107.750	-
	<u>1.775.629.157</u>	<u>-</u>	<u>683.257.750</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu hợp đồng hợp tác	4.613.461.725	-	6.813.461.725	-
	<u>4.613.461.725</u>	<u>-</u>	<u>6.813.461.725</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	4.613.461.725	-	6.813.461.725	-
	<u>4.613.461.725</u>	<u>-</u>	<u>6.813.461.725</u>	<u>-</u>
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	180.150.000	-	180.150.000	-
	<u>180.150.000</u>	<u>-</u>	<u>180.150.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

8 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.213.917.778	-	15.213.917.778	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	2.144.337.557	-	5.244.337.557	-
- Các khoản khác	4.070.482.938	-	4.081.803.648	-
	21.428.738.273	-	24.540.058.983	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	506.665.280	-	607.413.072	-
Công cụ, dụng cụ	57.421.207	-	45.434.616	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.647.754.278	-	42.162.019.751	-
Thành phẩm (*)	36.302.881.834	-	36.302.881.834	-
	70.514.722.599	-	79.117.749.273	-

(*) Giá trị thành phẩm tồn kho là các căn hộ thuộc dự án chung cư Khách sạn dầu khí Thái Bình. Tại ngày 01/01/2024 và ngày 31/12/2024, Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

Tại ngày 31/12/2024, giá trị thành phẩm tồn kho cuối kỳ được dùng để đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay là 36.302.881.834 đồng. (Xem thêm tại Thuyết minh số 20).

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cải tạo tầng 14, 15 Khách sạn Petro Thái Bình	1.289.022.236	1.166.016.556
	1.289.022.236	1.166.016.556

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	384.458.127.989	18.934.791.190	2.282.660.274	694.269.827	406.369.849.280
- Mua trong năm	-	38.868.217	-	-	38.868.217
- Tăng theo quyết toán	42.527.684.506	-	-	-	42.527.684.506
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.103.305.274)	-	(1.103.305.274)
Số dư cuối năm	426.985.812.495	18.973.659.407	1.179.355.000	694.269.827	447.833.096.729
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	85.378.073.633	17.946.611.028	2.282.660.274	682.447.902	106.289.792.837
- Khấu hao trong năm	8.331.461.102	353.935.407	-	11.821.925	8.697.218.434
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.103.305.274)	-	(1.103.305.274)
Số dư cuối năm	93.709.534.735	18.300.546.435	1.179.355.000	694.269.827	113.883.705.997
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	299.080.054.356	988.180.162	-	11.821.925	300.080.056.443
Tại ngày cuối năm	333.276.277.760	673.112.972	-	-	333.949.390.732

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 333.276.277.760 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.645.202.291 VND.

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính có nguyên giá là 577.301.080 đồng. Tại ngày 31/12/2024, các tài sản này đã hết khấu hao và vẫn còn được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

- Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc có nguyên giá và khấu hao lũy kế cuối năm lần lượt là 53.739.797.854 đồng và 12.665.715.034 đồng. Khấu hao trong năm là 1.148.925.396 đồng. Bất động sản đầu tư này được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thái Bình. (Xem thêm tại Thuyết minh số 20).

- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	133.038.214	155.236.022
Chi phí sửa chữa	-	561.842.456
Chi phí bảo hành	-	97.503.786
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	304.807.248	85.217.294
	437.845.462	899.799.558
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	19.474.764	34.990.115
Chi phí sửa chữa, cải tạo	964.532.430	1.357.204.466
Chi phí trả trước dài hạn khác	26.746.165	194.730.498
	1.010.753.359	1.586.925.079

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	156.826.149.623		115.973.338.811	
- Công ty TNHH - Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí	115.973.338.811	(*)	115.973.338.811	(*)
- Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	40.852.810.812	(*)	-	-
Bên khác	29.094.518.465		27.261.794.776	
- CTCP Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	15.089.075.137	(*)	21.587.575.137	(*)
- Phải trả nhà cung cấp khác	14.005.443.328	(*)	5.674.219.639	(*)
	185.920.668.088		143.235.133.587	

(*) Khả năng trả nợ của Công ty phụ thuộc vào việc đàm phán với các nhà cung cấp về thời gian trả nợ cũng như nguồn tiền thu được trong tương lai. Do hệ số nợ của Công ty đang ở mức cao nên Công ty chưa xác định số tiền có khả năng trả nợ cũng như nợ quá hạn thanh toán tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	202.661.028	1.746.657.290	1.590.405.708	-	358.912.610
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.400.684	-	-	-	6.400.684	-
Thuế Thu nhập cá nhân	20.018.219	-	147.429.026	143.150.985	15.740.178	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.684.512.368	2.684.512.368	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	26.418.903	202.661.028	4.582.598.684	4.422.069.061	22.140.862	358.912.610

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	121.694.660.523	95.301.663.214
- Chi phí hoạt động xây lắp	2.723.812.630	3.082.754.303
- Chi phí phải trả khác	181.918.123	1.660.058.595
	124.600.391.276	100.044.476.112

Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan

- Chi phí phải trả khác	121.694.660.523	95.301.663.214
	121.694.660.523	95.301.663.214

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước về cho thuê văn phòng	1.048.858.179	985.867.286
	<u>1.048.858.179</u>	<u>985.867.286</u>

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	61.546.563	61.291.349
- Bảo hiểm xã hội	1.220.556.592	1.589.883.173
- Bảo hiểm y tế	27.449.685	293.684.445
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.502.825	170.059.984
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.000.000	-
- Tiền chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.577.514.738	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	753.933.503	1.214.739.426
	<u>3.707.503.906</u>	<u>3.329.658.377</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	310.000.000	385.000.000
	<u>310.000.000</u>	<u>385.000.000</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	500.000.000	500.000.000
	<u>500.000.000</u>	<u>500.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	22.541.829.915	22.541.829.915	-	1.774.819.785	20.767.010.130	20.767.010.130
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thái Bình ⁽¹⁾	22.541.829.915	22.541.829.915	-	1.774.819.785	20.767.010.130	20.767.010.130
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	51.295.080.000	51.295.080.000	14.000.000.000	-	65.295.080.000	65.295.080.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thái Bình ⁽²⁾	51.295.080.000	51.295.080.000	14.000.000.000	-	65.295.080.000	65.295.080.000
	73.836.909.915	73.836.909.915	14.000.000.000	1.774.819.785	86.062.090.130	86.062.090.130
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thái Bình ⁽²⁾	89.295.080.000	89.295.080.000	-	-	89.295.080.000	89.295.080.000
	89.295.080.000	89.295.080.000	-	-	89.295.080.000	89.295.080.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(51.295.080.000)	(51.295.080.000)	(14.000.000.000)	-	(65.295.080.000)	(65.295.080.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	38.000.000.000	38.000.000.000			24.000.000.000	24.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNHSố 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HDDHM/PVB-CNTB ngày 04 tháng 06 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 106.988.423.126 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thực hiện hợp đồng thi công xây dựng hạng mục kho than tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 08 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Khoản vay này đã quá hạn thanh toán, trong năm đơn vị chịu lãi suất quá hạn là: 15,75%;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 20.767.010.130 đồng.
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng tín dụng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB ngày 04 tháng 06 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 144 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng;
 - + Lãi suất cho vay: được điều chỉnh 03 tháng một lần nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Ngân hàng theo quy định trong từng thời kỳ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 89.295.080.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 65.295.080.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định của Công ty là tòa nhà Khách sạn dầu khí Thái Bình tại địa chỉ số 458 Lý Bôn, Đề Thám, TP.Thái Bình và quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng số 52/2014/PVC-PVCTB-PVSD-CCU ký ngày 01/10/2014 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Liên danh nhà thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà và Công ty TNHH Tư vấn Đại học Xây dựng.

c) Số vay quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	62.562.090.130	121.694.660.523	61.336.909.915	95.301.663.214
	62.562.090.130	121.694.660.523	61.336.909.915	95.301.663.214

Lý do chưa thanh toán: Do hoạt động kinh doanh khách sạn của Công ty đều thua lỗ dẫn đến dòng tiền không đủ khả năng trả nợ các khoản vay.

d) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	31/12/2024		01/01/2024	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thái Bình	110.062.090.130	121.694.660.523	111.836.909.915	95.301.663.214
	110.062.090.130	121.694.660.523	111.836.909.915	95.301.663.214

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	208.476.650	(289.013.459.716)	161.195.016.934
Lỗi trong năm trước	-	-	(34.412.967.965)	(34.412.967.965)
Số dư cuối năm trước	450.000.000.000	208.476.650	(323.426.427.681)	126.782.048.969
Số dư đầu năm nay	450.000.000.000	208.476.650	(323.426.427.681)	126.782.048.969
Lỗi trong năm nay	-	-	(37.612.260.186)	(37.612.260.186)
Số dư cuối năm nay	450.000.000.000	208.476.650	(361.038.687.867)	89.169.788.783

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm VND	Tỷ lệ	Đầu năm VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	72,22%	325.000.000.000	72,22%	325.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Bình Minh Miền Trung	22,22%	100.000.000.000	22,22%	100.000.000.000
Ông Phạm Tiến Đạt	5,56%	25.000.000.000	5,56%	25.000.000.000
	100%	450.000.000.000	100%	450.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	450.000.000.000	450.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	208.476.650	208.476.650
	208.476.650	208.476.650

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa	11.294.809.464	1.385.491.198
Doanh thu xây lắp	106.166.766.104	24.746.011.196
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	23.935.318.728	19.722.709.357
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.424.600.463	4.702.457.453
	144.821.494.759	50.556.669.204
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	108.284.086.734	26.150.491.196

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.117.807.837	1.343.028.095
Giá vốn bán bê tông	-	685.282.913
Giá vốn xây lắp	104.178.125.087	24.460.840.816
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn	30.457.451.954	26.701.914.943
Giá vốn cho thuê văn phòng	1.148.925.396	1.219.311.496
	146.902.310.274	54.410.378.263

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	93.844.156	393.870.610
	93.844.156	393.870.610

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	26.392.997.309	26.935.872.213
	26.392.997.309	26.935.872.213
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	26.876.666.751	26.935.872.213

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	105.580.287
Chi phí nhân công	5.097.468.624	6.369.516.246
Chi phí khấu hao tài sản cố định	211.900.505	212.328.576
Thuế, phí, lệ phí	2.927.819.207	2.614.934.100
Hoàn nhập dự phòng	(3.111.320.710)	(10.219.374.867)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.250.382	283.848.374
Chi phí khác bằng tiền	4.263.885.807	4.294.287.996
	9.654.003.815	3.661.120.712

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	239.343.435	-
Tiền phạt chậm tiến độ hợp đồng	470.666.296	-
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	155.078.195	191.636.364
Thu nhập khác	2.129.630	4.723.083
	867.217.556	196.359.447

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	231.093.975	339.177.132
Chi phí khác	16	458.400
	231.093.991	339.635.532

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(37.612.260.186)	(34.412.967.965)
Các khoản điều chỉnh tăng	231.093.991	339.635.532
- Chi phí không hợp lệ	231.093.991	339.635.532
Thu nhập chịu thuế TNDN	(37.381.166.195)	(34.073.332.433)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(6.400.684)	(6.400.684)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(6.400.684)	(6.400.684)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNHSố 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(37.612.260.186)	(34.412.967.965)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(37.612.260.186)	(34.412.967.965)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	45.000.000	45.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(836)	(765)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.230.041.439	23.758.051.210
Chi phí nhân công	12.656.990.125	17.945.998.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.846.143.830	9.824.215.491
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.402.043.529	6.693.303.635
Chi phí khác bằng tiền	12.897.009.232	8.431.322.999
Hoàn nhập dự phòng	(3.111.320.710)	(10.219.374.867)
	136.920.907.445	56.433.517.245

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNHSố 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền	1.511.929.205	-	-	1.511.929.205
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.201.520.828	-	-	51.201.520.828
Các khoản cho vay	200.000.000	-	-	200.000.000
	52.913.450.033	-	-	52.913.450.033
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền	2.644.166.991	-	-	2.644.166.991
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.966.026.753	-	-	68.966.026.753
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
	74.110.193.744	-	-	74.110.193.744

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám,
thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay	86.062.090.130	24.000.000.000	-	110.062.090.130
Phải trả người bán, phải trả khác	189.628.171.994	310.000.000	-	189.938.171.994
Chi phí phải trả	124.600.391.276	-	-	124.600.391.276
	400.290.653.400	24.310.000.000	-	424.600.653.400
Tại ngày 01/01/2024				
Vay	73.836.909.915	38.000.000.000	-	111.836.909.915
Phải trả người bán, phải trả khác	146.564.791.964	385.000.000	-	146.949.791.964
Chi phí phải trả	100.044.476.112	-	-	100.044.476.112
	320.446.177.991	38.385.000.000	-	358.831.177.991

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt	Công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	Cùng tập đoàn
Ban điều Hành Dự Án Nhà Máy Nhiệt Điện Thái Bình 2	Cùng tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2024</u> VND	<u>Năm 2023</u> VND
Doanh thu	108.284.086.734	26.150.491.196
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	1.613.275.000	1.404.480.000
- Ban điều Hành Dự Án Nhà Máy Nhiệt Điện Thái Bình 2	106.166.766.104	24.746.011.196
- Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	504.045.630	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ THÁI BÌNH

Số 458, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí tài chính	26.876.666.751	26.935.872.213
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	26.876.666.751	26.935.872.213

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Trần Ngọc Lâm	Chủ tịch HĐQT	40.526.087	-
Ông Ngô Thanh Dũng	Chủ tịch HĐQT	18.187.174	230.432.168
Ông Hoàng Hữu Thành	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	248.808.718	228.458.168
Ông Phạm Đức Huy	Thành viên HĐQT	254.450.986	230.192.168
Ông Đỗ Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	206.380.986	180.572.168
Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên HĐQT	37.200.000	24.000.000
Ông Vũ Trọng Tuấn	Phó Giám đốc	281.621.935	225.158.358
Ông Phạm Thái Hà	Phó Giám đốc	259.472.986	225.268.689
Bà Phạm Thị Chung	Trưởng ban BKS	20.000.000	-
Ông Vương Tiến Dũng	Trưởng ban BKS	60.377.844	171.361.447
Bà Trần Thị Thu Hà	Thành viên BKS	18.000.000	12.000.000
Bà Vũ Thị Châm	Thành viên BKS	21.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



(Signature)

Bùi Thị Len
Người lập

(Signature)

Vũ Thị Lượ
Phụ trách kế toán



Hoàng Hữu Thành
Giám đốc

Thái Bình, ngày 17 tháng 03 năm 2025